

3V

Ng2



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt

TẬP MỘT

4



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt 4

TẬP MỘT

(In lần thứ 2)

(Sách dùng cho các vùng dân tộc
phát triển giáo dục gặp nhiều khó khăn)

KHO MATH BAYONG DU
THU VIỆN TƯ LIỆ

3V/
N92



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1992

Chịu trách nhiệm về nội dung:

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC DÂN TỘC

VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên soạn:

MÔNG KÍ SLAY

NGUYỄN TRÍ

Biên tập:

PHẠM BÍCH HỢP

Biên tập tái bản:

VŨ KIM

Vẽ bìa:

HUY TUẤN

Minh họa:

TRƯƠNG HIẾU

Biên tập mỹ thuật:

TÀO HUYỀN

Biên tập kỹ thuật:

ĐOÀN HỒNG

Sửa bản in:

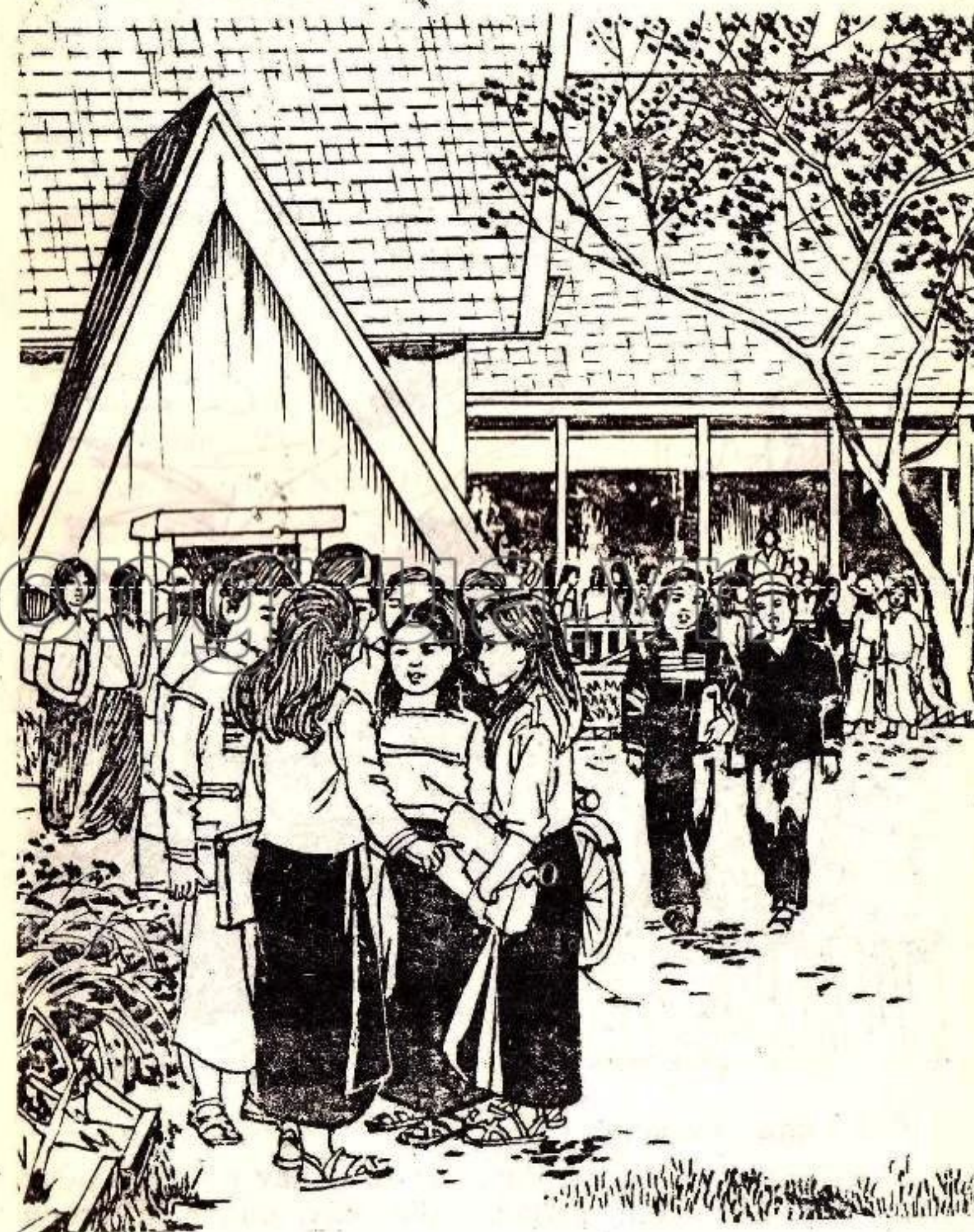
PHAN TƯ TRANG

Tiếng Việt 4: T1/MôngkíSlay, Nguyễn Trí. – In lần thứ 2. – H.: Giáo dục, 1992. – 148tr; 20,5cm.

4(V) (075)

Chủ đề

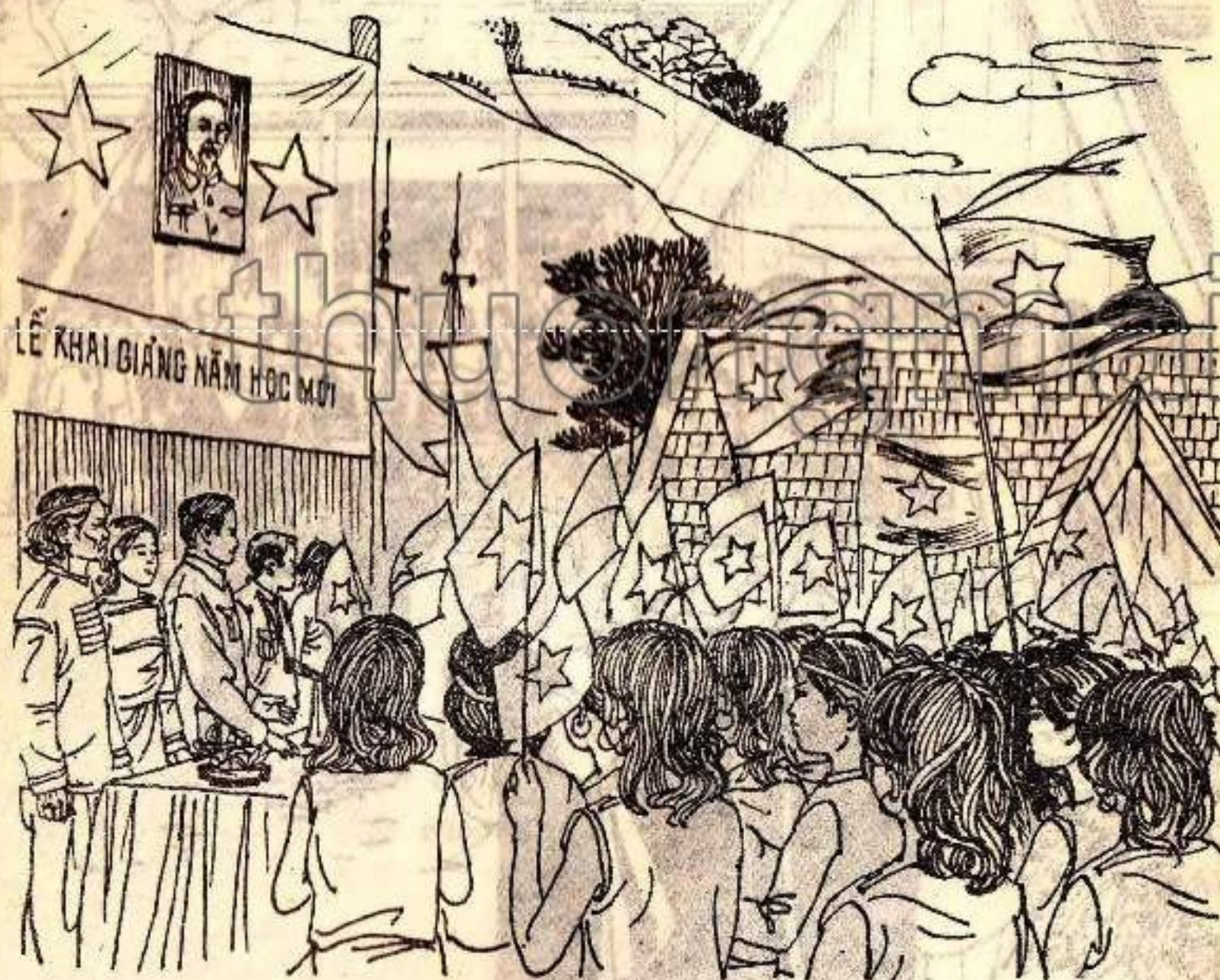
NHÀ TRƯỜNG



Bài 1

TẬP ĐỌC

THƯ BÁC HỒ GỬI CHO HỌC SINH NHÂN NGÀY KHAI TRƯỜNG



Các cháu học sinh,

... Trong năm học tới đây, các cháu hãy cố gắng siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, đua bạn. Trong

công cuộc kiến thiết, nước nhà trông mong chờ đợi ở các cháu rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu...

Ngày hôm nay, nhân buổi mở trường của các cháu. Bác chúc các cháu một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.

Chào các cháu thân yêu!

HỒ CHÍ MINH

* Bài này trích thư của Hồ Chủ tịch gửi cho học sinh cả nước nhân dịp khai giảng năm học đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám (tháng 9 năm 1945).

- Non sông Việt Nam: Tổ quốc Việt Nam, đất nước Việt Nam.
- Cường quốc năm châu: các nước lớn, mạnh trên thế giới.

1. Từ ngữ

Siêng năng, ngoan ngoãn, kiến thiết, vẻ vang.

2. Đọc đúng

Ngoan ngoãn, rất nhiều.

3. Câu hỏi

a) Bước vào năm học mới, Bác Hồ khuyên học sinh những gì?

b) Việc học tập của học sinh giúp ích gì cho đất nước?

4. Ghi nhớ

Bác Hồ khuyên học sinh siêng năng học tập, ngoan ngoãn.

Lời khuyên

I – Đọc

Cô giáo khuyên các em: Hãy chăm học, đừng mãi chơi. Hãy đi học đúng giờ, chớ đi học muộn. Nên thương yêu các em nhỏ, không nên bắt nạt các em.

II – Ghi nhớ

- Câu có từ: Hãy, nên... chỉ điều nên làm.
- Câu có từ: Đừng, chớ, không, nên... chỉ điều không nên làm.

III – Luyện nói

1. Mẫu câu 1:

Hãy chăm học.

- * Đọc: – Các bạn, hãy giữ gìn sách cẩn thận.
- Nhà thầy hiệu trưởng ở đâu?
- Hãy đi theo tôi, tôi chỉ cho.
- Bài hát "Ru em" hát thế nào bạn nhỉ?
- Hãy nghe tôi hát trước, rồi hát theo.

* Em Lí năm nay mới tới lớp học, em hãy khuyên Lí vài điều. Bạn Mị nhưế đầu, bạn rất lo. Em nói thế nào để bạn em yên tâm.

1. Mẫu câu 2:

Đừng mãi chơi.

Chớ đi học muộn.

- * Đọc: – Đừng (chớ) uống nước lã.
- Đừng (chớ) mất trật tự.
- Đừng (chớ) đốt lửa trong rừng.
- Đừng (chớ) phá tổ chim.

* Em nói thế nào khi em thấy:

- Em Kim dùng nỏ bắn chim.
- Em Lã ăn quả xanh.

IV – Bài tập

1. Ở lớp

Nói theo mẫu:

- Nước lã / nước sôi
- Hãy uống nước sôi, đừng uống nước lã.
- Dầu trần / đội mũ, nón
- Đi nắng hãy đội mũ nón, chớ để dầu trần.
- Rửa tay / tay bẩn
- Đi học đều / nghỉ học
- Trồng cây / phá rừng

2. Ở nhà

Điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- Ai ơi... bỏ ruộng hoang
- Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.
- Cười người... vội cười lâu
- Cười người hôm trước hôm sau người cười.

TẬP LÀM VĂN

ĐẶT CÂU

Đề bài: *Khuyên em*

Em của em năm nay mới đi học.

1. Em hãy dùng các từ ngữ sau đặt thành câu để giới thiệu với em của em về lớp học và nhà trường:

bạn học, cô giáo, thầy hiệu trưởng.

2. Em hãy dùng các từ ngữ sau đặt thành câu để khuyên em của em vài điều:

đúng giờ, lễ phép, yêu bạn.

NGÀY KHAI TRƯỜNG

(Học thuộc lòng)



Sáng đầu thu trong xanh
Em mặc quần áo mới
Đi đón ngày khai trường
Vui như là đi hội.

Gặp bạn cười hớn hở
Đứa tay bắt mặt mừng
Đứa ôm vai bá cổ
Túi sách đưa trên lưng.

Nhìn các thầy các cô
Ai cũng như trẻ lại
Sân trường vàng nắng mới
Lá cờ bay như reo.

Tiếng trống trường giống già
Năm học mới đến rồi
Chúng em đi vào lớp
Khăn quàng bay đỏ tươi.

NGUYỄN BÙI VỘI

1. Đọc đúng

Trong xanh, túi sách, sân trường, giống già, đỏ tươi.

2. Từ ngữ

Đầu thu (mùa thu), tay bắt mặt mừng, giống già.

3. Câu hỏi

a) Ngày đầu thu em mặc quần áo mới đi đâu?

b) Tìm chi tiết nói lên bạn bè gặp nhau rất vui vẻ?

c) Trong ngày khai trường em nhìn thấy, nghe thấy những gì?

4. Luyện tập

Đặt câu có từ: Ngày khai trường, sân trường.

Bài 3

DÂN CA

(Bài đọc thêm)

Núi nào cũng có hồ, sông nào cũng có rồng.
Làng nào, ngõ nào cũng có thầy giỏi
Thôn xóm các nơi đều có bài ca của mình.
Mỗi người đều học được lẽ sống ở người thầy.

Dân ca dân tộc Cao Lan

PHƯƠNG BẢNG sưu tầm và dịch

MUỐN CHO VĂN HAY CHỮ TỐT



Thuở nhỏ, Cao Bá Quát tính nghịch và viết chữ xấu.

Sau Quát nghĩ: Nếu không tập cho văn hay chữ tốt khi lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì. Từ đó, Quát ra sức tập viết. Sợ mình dễ chạy lăng nhăng, nên hễ đến giờ học, Quát lại buộc chân mình vào chân bàn. Ban đêm, sợ ngủ gật, Quát buộc tóc mình lên xà nhà.

Lớn lên, Cao Bá Quát nổi tiếng là người văn hay chữ tốt.

Theo T.S

* Cao Bá Quát: một người học giỏi của nước ta thời xưa, có nhiều bài thơ hay nổi tiếng.

1. Đọc đúng

Thuở nhỏ, nghịch, dễ, hễ, nổi tiếng, chữ tốt.

2. Từ ngữ

Tính nghịch, văn hay chữ tốt, chạy lăng nhăng, ngủ gật, nổi tiếng.

3. Câu hỏi

a) Thuở nhỏ Cao Bá Quát là một cậu bé như thế nào?

b) Muốn cho văn hay chữ tốt, Cao Bá Quát đã làm gì?

c) Lớn lên, Cao Bá Quát là người như thế nào?

4. Luyện tập

Nói theo mẫu:

– Nếu không học tốt sẽ không được lên lớp.

+ Nếu không chăm học...

+ Nếu không đi học đúng giờ...

5. Ghi nhớ

Muốn cho văn hay chữ tốt phải chăm chỉ học tập.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Muốn cho văn hay chữ tốt.

1. Bài viết: "Thuở nhỏ... lên xà nhà".

2. Viết đúng:

– Thuở, tính nghịch, chữ viết xấu, nghịch, sẽ, dễ, hễ.

– Sợ, xà nhà.

3. Luyện tập

a) Gạch dưới những chữ trong bài có thanh ngã. Đọc những chữ đó.

b) Điền vào chỗ trống:

– Dễ hay dễ: con... ; ... dàng.

– Chữ hay chứ: Viết... ; viết đi...!

– Buộc hay buột: ... miệng nói; ... tóc.

TẬP LÀM VĂN

ĐẶT CÂU

Đề bài: Khuyến chăm học

Em của em năm nay mới đi học.

1. Em hãy dùng các từ ngữ sau đặt thành câu để giới thiệu các môn học trong nhà trường: *tập đọc, biết đọc; tập viết, biết viết; toán, biết tính toán.*

2. Em hãy dùng các từ ngữ sau đặt thành câu để khuyên em của em chăm chỉ học tập: *chăm chỉ, luyện đọc, luyện viết chữ.*

Bài 5

TẬP ĐỌC

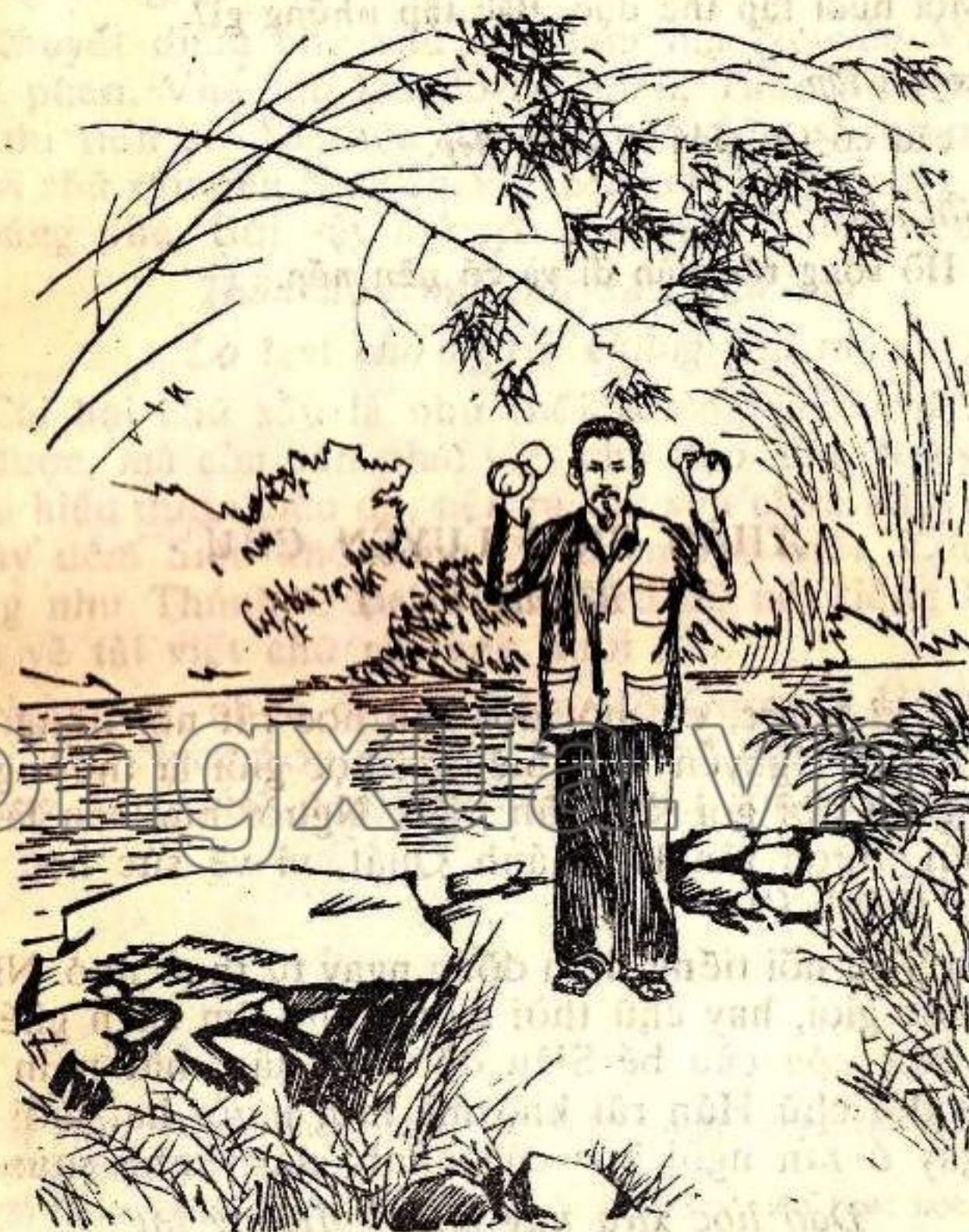
BÁC HỒ TẬP THỂ DỤC

Bác Hồ sống rất giản dị và có nề nếp. Sáng nào khi sương mù còn bồng bềnh trên các ngọn cây, Bác đã dậy dọn dẹp chần màn rồi tập thể dục.

Ở Khuổi Nậm không có đất bằng, Bác tạo một mặt phẳng đứng tập. Bác đeo lấy bốn cái chày, hai cái vừa, hai cái to và nặng để tập hăng ngày. Sáng sớm, Bác

thường tập leo núi. Bác chọn những quả núi cao nhất để leo lên với đôi bàn chân không.

Theo "Đầu nguồn"



– Khuổi Nậm: Thuộc huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng. Năm 1941 Bác Hồ đã sống, làm việc, hoạt động cách mạng ở đây.

1. Từ ngữ

Giản dị, nề nếp, dọn dẹp.

2. Đọc đúng

Giản dị, sương mù, đeo, nặng, chọn.

3. Câu hỏi

- a) Chi tiết nào chứng tỏ Bác Hồ sống rất nề nếp?
- b) Bác Hồ chuẩn bị những gì để tập thể dục?
- c) Mỗi buổi tập thể dục, Bác tập những gì?

4. Luyện tập

Đặt câu có từ: *giản dị, dọn dẹp*.

5. Ghi nhớ

Bác Hồ sống rất giản dị và có nề nếp.

Bài 6

THẦN SIÊU LUYỆN CHỮ

(Bài đọc thêm)

Ở thế kỉ trước, có một đôi bạn học rất nổi tiếng. Một người tên là Nguyễn Văn Siêu, vì học giỏi là thường nên được người đời gọi là Thần Siêu. Người nữa tên là Cao Bá Quát, được tôn là Thánh Quát, vì về sức học cũng tài như thánh ⁽¹⁾

Thần Siêu nổi tiếng thần đồng ngay từ thuở nhỏ. Những người học giỏi, hay chữ thời ấy thường tìm cách ghé đến trường học của cậu bé Siêu để được tận mắt nhìn thấy đôi câu đối chữ Hán rất khó mà mới mười hai tuổi Siêu viết ngay ở nơi ngồi học của mình, đại ý như sau:

"Đạo học xưa nay không đường tắt

Nhà tranh vẫn xuất hiện người tài".

Với cách suy nghĩ khác thường như thế, Nguyễn Văn Siêu miệt mài học tập, trở nên một người hiểu biết rộng.

Nhưng, đến năm Siêu đi thi, khoa thi năm ấy, các vị giám khảo ⁽²⁾ chấm bài ngạc nhiên và thích thú, phát hiện ra được một loạt bài rất xuất sắc. Thí sinh ⁽³⁾ làm được

những bài ấy xứng đáng đỗ đầu bảng cử nhân. Chỉ có một điều đáng tiếc là chữ viết của anh ta còn xấu quá, đọc mệt cả người. Thế là, cuối cùng, anh ta bị đánh tụt xuống hàng thứ hai. Thí sinh ấy chính là Thần Siêu!

Khuyết điểm chữ xấu còn làm hại Nguyễn Văn Siêu một phen. Vừa sau khi đỗ cử nhân, Thần Siêu vào kinh đô thi tiến sĩ. Tài học thì thừa đỗ tiến sĩ, nhưng cũng lại vì chữ xấu nên Nguyễn Văn Siêu chỉ được trúng tuyển ⁽⁴⁾ ở bảng phụ. Bởi vậy mới có câu giễu Thần Siêu:

Thần đâu mà chữ xấu như ma

Lọ lem cho người chẳng ngó ra!

Cái hại chữ xấu là như thế! Không phải chỉ học giỏi là được, mà còn cần phải viết chữ đẹp nữa. Nguyễn Văn Siêu hiểu được điều đó, nên ra sức sửa chữa khuyết điểm. Ngày đêm Siêu khổ công ⁽⁵⁾ luyện chữ viết. Cuối cùng, cũng như Thánh Quát, Thần Siêu đã nổi tiếng khắp xa gần về tài viết chữ rõ ràng, tươi tắn.

Ngày nay, ai có dịp đi thăm Hồ Gươm ở Hà Nội, vào chơi đền Ngọc Sơn, ở giữa hồ, sẽ có dịp trầm trồ ngắm những hàng chữ đẹp của Thần Siêu còn lưu lại ở đây.

Theo AN LI

(1) Thần, Thánh: những nhân vật do trí tưởng tượng của người xưa tạo ra, có tài phép phi thường.

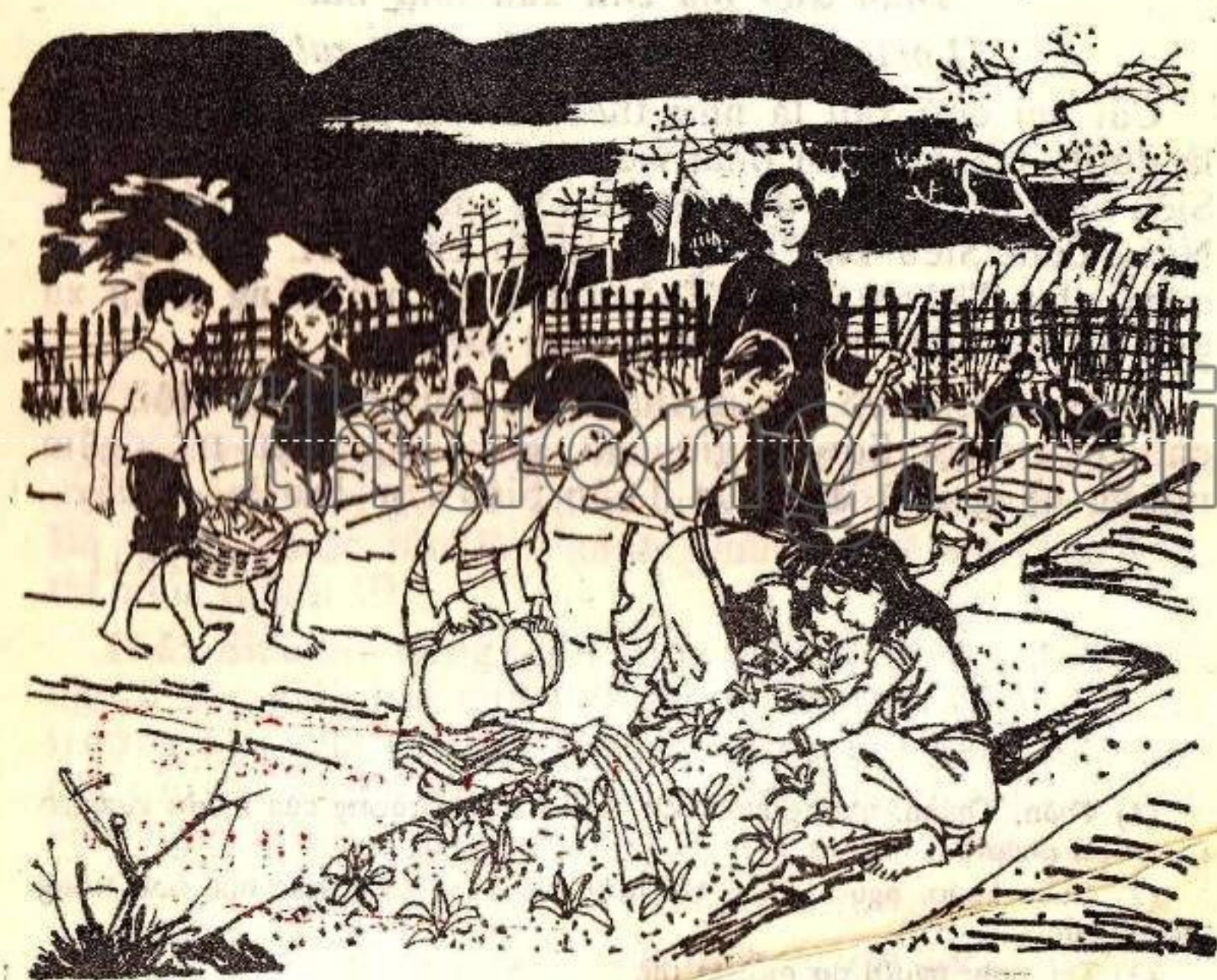
(2) Giám khảo: người chấm bài hoặc kiểm tra kiến thức học sinh trong một kì thi.

(3) Thí sinh: người dự một kì thi.

(4) Trúng tuyển: thi đỗ.

(5) Khổ công: phải bỏ nhiều công phu gian khổ để làm một việc gì.

A MÍ CÚC!



Cô giáo Cúc tới Ninh Tây. Cô học tiếng dân tộc. Rồi cô xin phép các bậc cha mẹ cho con đi học.

Những ngày đầu các em tới lớp, cô dạy hát, dạy đánh trống. Ngoài giờ học, cô dạy các em khâu vá, trồng rau.

Những đêm lạnh, cô đốt to ngọn lửa, kể chuyện Bác Hồ... cho các em nghe. Em nào đau bệnh, cô tìm thuốc chữa.

Học sinh ở đây gọi cô bằng cái tên trìu mến: Amí Cúc!

Theo LÊ PHI HÙNG

– Ninh Tây: một huyện miền núi tỉnh Khánh Hòa.

– Amí: (tiếng Êđê) mẹ.

1. Từ ngữ

Xin phép, tiếng dân tộc, ngoài giờ học.

2. Đọc đúng

Đánh trống, trồng rau, ngọn lửa, chữa.

3. Câu hỏi

a) Cô giáo Cúc làm gì khi cô tới Ninh Tây?

b) Những ngày đầu học sinh tới lớp, cô giáo Cúc đã làm gì?

c) Tại sao học sinh Ninh Tây lại gọi cô giáo Cúc là mẹ Cúc?

4. Luyện tập

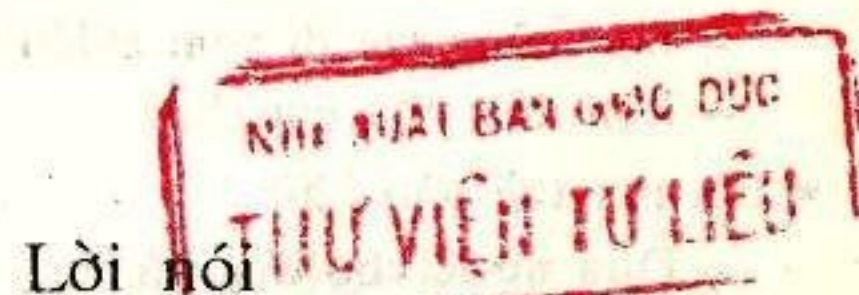
Đặt câu theo mẫu.

* Xin phép các bậc cha mẹ cho con em đi học.

5. Ghi nhớ

Học sinh yêu cô giáo Cúc như yêu mẹ mình.

TẬP NÓI



Lời nói

I – Đọc

– Mời các bạn vào lớp!

– Yêu cầu các bạn trật tự! Buổi họp bắt đầu.

II – Ghi nhớ

Câu yêu cầu, mời, thường bắt đầu bằng các từ yêu cầu, mời, xin mời...

III – Luyện nói

1. Mẫu câu 1:

Yêu cầu các bạn trật tự!

* Đọc:

- Yêu cầu các bạn xếp hàng vào lớp!
- Yêu cầu các bạn cho xem vở bài tập!
- Yêu cầu bạn rửa tay cho sạch!

* Em là lớp trưởng, hãy nói lời yêu cầu với các bạn trong lớp trước buổi lao động.

Nói lời yêu cầu với các bạn trước buổi họp Đội thiếu niên.

2. Mẫu câu 2:

Mời cô giáo nói chuyện!

* Đọc:

- Con mời bố mẹ xơi cơm!
- Chúng cháu mời bác kể chuyện đánh Mĩ cho chúng cháu nghe!
- Cháu ơi, đường về làng Bơ đi lối nào?
- Mời bác đi với cháu, cháu cũng ở làng đó.
- Bạn cho tôi mượn một cuốn truyện.
- Mời bạn đến nhà tôi, tôi sẽ cho mượn.

* Em nói thế nào để:

- Bạn cùng em đi xem chiếu bóng.
- Bạn đến nhà em chơi.

* Em nói thế nào khi:

- Đưa nước cho ông bà.
- Đón cô giáo tới nhà thăm bố mẹ.

IV – Bài tập

1. Ở lớp

Điền vào chỗ trống những từ thích hợp:

- Các bạn tập hát đây à? cho mình hát với!
- bạn!

– Bạn đi đâu đấy?

– Mình tới thăm bạn đây.

– bạn vào nhà.

2. Ở nhà

Ghi lại những câu nói có chữ *mời*, *yêu cầu* mà em sử dụng trong ngày.

TẬP LÀM VĂN

ĐẶT CÂU

Đề bài: Mời cô giáo nói chuyện với lớp, em phải điều khiển phần mở đầu.

1. Em hãy dùng các từ ngữ sau đây đặt thành câu để nói khi chuẩn bị cho cuộc họp bắt đầu:

trật tự, bắt đầu, đừng nói chuyện.

2. Em hãy dùng các từ ngữ sau đây đặt thành câu để giới thiệu nội dung câu chuyện cô giáo sẽ nói với lớp và mời cô bắt đầu:

cô giáo, nhiệm vụ năm học mới, nói chuyện.

Bài 8

EM YÊU CÔ GIÁO

(Học thuộc lòng)

Dời em gần bó ngô trường
Em yêu cô giáo tình thương mặn nồng
Dạy em gần gũi núi sông
Dạy cho em có tấm lòng ước mơ.



Dạy em giỏi tính, thuộc thơ
 Nhớ luôn lễ phép chào cô, chào thầy
 Cô nâng cây bút cầm tay
 Nhắc em chăm viết cho ngay thẳng hàng.

Cô nhìn, cặp mắt chứa chan
 Bảo em chải tóc, sửa sang dáng ngồi...
 Lòng em yêu mẹ suốt đời,
 Cũng yêu cô giáo rạng ngời tình thương.

NGUYỄN XUÂN SANH

1. Đọc đúng

Mặn nồng, gần gũi, lễ phép, sửa sang.

2. Câu hỏi

- Ở trường cô giáo dạy em những gì?
- Ở trường cô giáo còn bảo em làm những việc gì?
- Tại sao nói: Em yêu cô giáo như yêu mẹ?

3. Luyện tập

★ ★ Hãy chuyển sang văn xuôi hai câu thơ:

Lòng em yêu mẹ suốt đời,
 Cũng yêu cô giáo rạng ngời tình thương.

Bài 9

CÂU ĐỐ

(Bài đọc thêm)

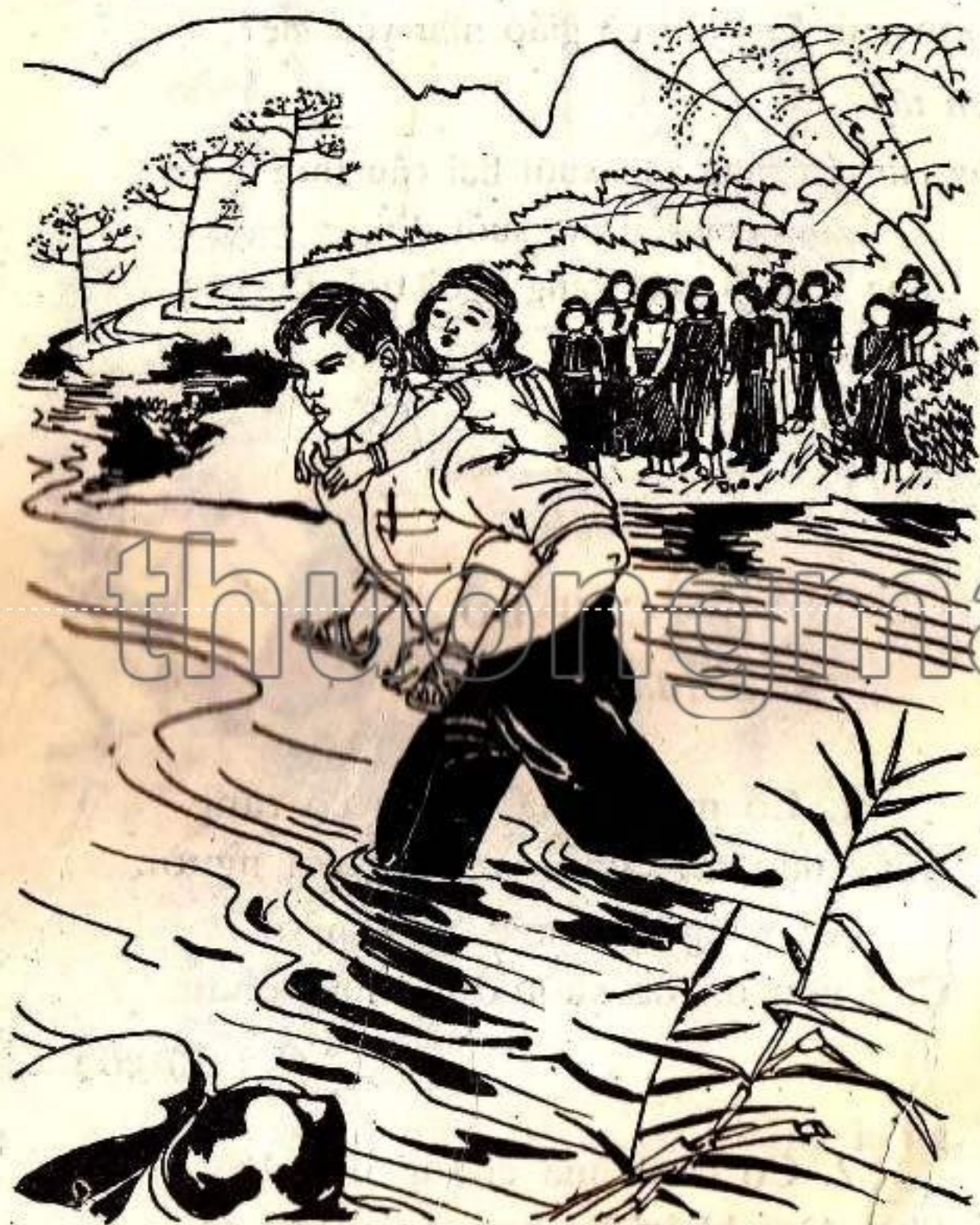
1. Có miệng mà chẳng có răng
 Ngày nào tôi cũng cùng ăn với người.
 Ăn xong tắm mát nghỉ ngơi
 Cho nên da dẻ suốt đời trắng phau.

(Là cái gì?)

2. Có cánh mà chẳng biết bay
 Ban đêm khép lại ban ngày mở ra.
 Mỗi lần về hoặc đi xa
 Bắt tay chủ nhà trước nhất là tôi.

(Là cái gì?)

NHỚ THẦY GIÁO CŨ



Năm nay KNgăm không được học với thầy Bính nữa. Thầy Bính đã về xuôi công tác. Nhưng KNgăm vẫn luôn nhớ tới thầy.

KNgăm nhớ mùa mưa năm ngoái, thầy công từng bạn qua con suối hè. Nhớ thầy công bạn Y Ban bị bệnh đi trạm xá rồi chăm sóc như cha lo cho con. Nhớ những quyển sách thầy mua tặng các bạn tiến bộ.

Nhớ thầy giáo cũ, ngày 20 tháng 11 KNgăm cùng các bạn viết thư thăm thầy.

Theo PHAN CÔNG LUẬN

– Ngày 20-11: Ngày Nhà giáo Việt Nam.

1. Từ ngữ

Mùa mưa, năm ngoái, chăm sóc, tiến bộ, thầy giáo cũ.

2. Đọc đúng

Thầy giáo cũ, công, suối lữ, trạm xá, chăm sóc.

3. Câu hỏi

a) Tại sao năm nay KNgăm không học lớp thầy Bính nữa?

b) KNgăm nhớ những gì ở thầy giáo cũ?

c) Nhớ thầy giáo cũ, KNgăm và các bạn làm gì?

4. Luyện tập

– Tìm cách nói giống với cách nói trong câu:

Thầy Bính chăm sóc Y Ban như cha lo cho con.

– Tìm từ trái nghĩa với từ: nhớ.

5. Ghi nhớ

Tình thầy trò như tình cha con.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Nhớ thầy giáo cũ

1. Bài viết: "KNgăm nhớ... thăm thầy".

2. Viết đúng

– Mùa mưa, suối lữ, công, trạm xá, cũ.

– Quyển sách, tặng, tiến bộ.

3. Luyện tập

a) Điền vào chỗ trống

- Công hay cồng: lạnh...; ... em.
- Cũ hay cú: con...; quyển sách...
- Nữa hay nửa: cây...; đi...

b) Ghép tiếng thành từ

- Ghép *chăm* với các tiếng: chi, sóc, nom.

TẬP LÀM VĂN

ĐẶT CÂU

Đề bài: Nhớ thầy giáo cũ

Đầu năm học mới, em nhớ tới thầy giáo (cô giáo) đã dạy em các năm trước. Em hãy dùng các từ ngữ sau đây đặt thành câu kể về thầy giáo cũ của em.

- Dạy lớp hai, dạy tập nói, dạy toán, thăm học sinh, cho vở tập viết.
- Yêu mến, nhớ.

TẬP ĐỌC

ÔN TẬP

1. Tập đọc

- Đọc bài: Muốn cho văn hay chữ tốt.

Amí Cúc!

- Đọc đúng: Thuở nhỏ, nổi tiếng, chữ tốt, tinh nghịch; trồng rau, ngọn lửa.

- Đọc thuộc lòng bài: Ngày khai trường.

2. Câu hỏi

- a) Muốn cho văn hay chữ tốt, Cao Bá Quát đã làm gì?
- b) Tại sao học sinh Ninh Tây lại gọi cô giáo Cúc là mẹ Cúc?

3. Luyện tập

- Đặt câu có từ *nổi tiếng*

Thí dụ: Cao Bá Quát *nổi tiếng* là người văn hay chữ tốt.

- Nói theo mẫu:

- + Ông kể chuyện cho các cháu nghe.
- + Mẹ hát...
- + Em đọc sách...

Bài 11

CÁI GÌ QUÝ NHẤT

(Bài đọc thêm)

Một hôm, trên đường đi học về, Hùng, Quý và Nam trao đổi với nhau xem cái gì quý nhất.

Hùng nói: "Quý nhất là lúa gạo! Các cậu có thấy ai không ăn mà sống được không?"

Quý và Nam cho là có lí. Nhưng đi được mười bước, Quý vội reo lên. "Bạn Hùng nói không đúng. Quý nhất là vàng. Mọi người chẳng thường nói: quý như vàng là gì? Có vàng là mua được lúa gạo!"

Nam vội tiếp ngay: "Quý nhất là thì giờ. Thầy giáo thường nói: thì giờ quý hơn vàng bạc. Có thì giờ thì làm ra vàng bạc, lúa gạo!"

Cuộc thảo luận gay go, mỗi người đều có lí, không ai chịu ai. Hôm sau, ba bạn đến nhờ thầy giáo phân giải.

Nghe xong thầy mỉm cười rồi nói:

– Lúa gạo cũng quý vì biết bao mồ hôi của nông dân mới làm ra được. Vàng cũng quý vì vàng rất đắt và hiếm. Còn thì giờ cũng quý vì thì giờ đã qua không lấy lại được. Nhưng lúa gạo, vàng bạc, thì giờ vẫn chưa phải là quý nhất. Ai làm ra vàng bạc, lúa gạo, ai biết dùng thì giờ?

Thầy ngừng lại vài giây rồi tiếp:

– Đó là người lao động các em ạ. Không có người lao động thì không có lúa gạo, không có vàng bạc; nghĩa là tất cả mọi thứ đều không có và thì giờ cũng trôi qua một cách vô vị.

Tập đọc lớp Ba – 1980

thuongmaitruc.vn

TUẦN LỄ THỨ BA

Bài 12

TẬP ĐỌC

SÙNG MÍ SÁ



Ngày mới đến trường nội trú, Sá nhớ nhà nhớ mẹ nhiều. Nhưng được sinh hoạt Đội, được học tập, Sá đã tiến bộ.

Hằng ngày, Sá dậy sớm xếp đặt chỗ ở gọn gàng. Ở trên lớp, Sá cố gắng nghe giảng để hiểu bài và thuộc bài ngay.

Sá thân thiết với các bạn trong lớp. Khi thì Sá giúp Minh giải một bài tập khó. Lúc thì Sá chép hộ bài cho Hải...

Các bạn, các thầy đều yêu quý Sùng Mí Sá.

Theo VÂN TIANH

– Trường nội trú là trường có nơi ăn, ở, học tập và sinh hoạt cho học sinh.

TẬP ĐỌC

1. Từ ngữ

Hằng ngày, gọn gàng, thân thiết, yêu quý.

2. Đọc đúng

Trường nội trú, dậy sớm, chỗ ở, gọn gàng

3. Câu hỏi

- a) Ở trường nội trú, nhờ đâu mà Sá tiến bộ?
- b) Hãy kể những tiến bộ của Sá?
- c) Tại sao Sá được thầy yêu bạn quý?

4. Luyện tập

- Tìm từ cùng nghĩa với từ *hằng ngày*.
- Đặt câu với từ: *hằng ngày*.

5. Ghi nhớ

Sùng Mí Sá là học sinh giỏi, được thầy yêu bạn quý.

TẬP NÓI

Bạn mới

I – Đối thoại

- Chào bạn, tên bạn là gì?
- Mình tên Lan.

- Bạn là học sinh mới à?
- Vâng. Còn bạn?
- Mình là Li.
- Bạn cũng là học sinh mới chứ?
- Không, mình là học sinh cũ ở trường này.

II – Ghi nhớ

Câu hỏi:

- a) Bạn là học sinh mới à?
- b) Bạn cũng là học sinh mới chứ?

III – Luyện nói

1. Mẫu câu 1:

Bạn là học sinh mới à?

* Đọc:

- Bạn đang làm bài tập à?
- Mình đang làm bài tập.
- Cho mình hỏi một chút.
- Bạn hỏi đi.
- Ở thành phố có nhà tầng, có điện...
- Bạn đã đến thành phố rồi à?
- Mình đi với bố mình mùa hè vừa rồi.

* Năm ngoái bạn Vui học lớp 3 ở Dền Chàng. Bạn là người dân tộc Dao. Em hỏi bạn Vui có đúng thế không? (Dùng mẫu câu 1).

2. Mẫu câu 2:

Bạn cũng là học sinh mới chứ?

* Đọc:

- Bạn biết hát dân ca chứ?
- Có, mình biết. Còn bạn?
- Mình không biết hát dân ca.

* Bạn Nhi biết đan áo. Bạn Nhi không biết thêu. Em hỏi. Nhi trả lời. (Dùng mẫu câu 2).

Bạn Lê thích đá bóng. Em rủ bạn Lê đá bóng.

IV – Bài tập

1. Ở lớp

– Dùng mẫu câu 1, 2 để lập 4 câu đối thoại về nội dung cuộc họp lớp.

2. Ở nhà

Diễn vào chỗ trống những từ chú, à:

- Bạn Na ơi, hôm nay cùng bọn mình đi lấy củi...!
- Không, mình bận.
- Bạn chưa làm xong bài tập...?
- Vâng.
- Bạn Liên đang làm bài tập...?
- Mình đang làm bài tập.
- Bạn học thuộc bài rồi...?
- Chưa, mình chưa học.

TẬP LÀM VĂN

DẶT CÂU

Đề bài: Làm quen với bạn mới. Sùng Mí Sá mới chuyển đến học ở lớp em.

1. Em hãy dùng các từ ngữ sau đây đặt thành câu để giới thiệu về mình với bạn Sá:

Tên tôi, bản, tuổi, tôi thích.

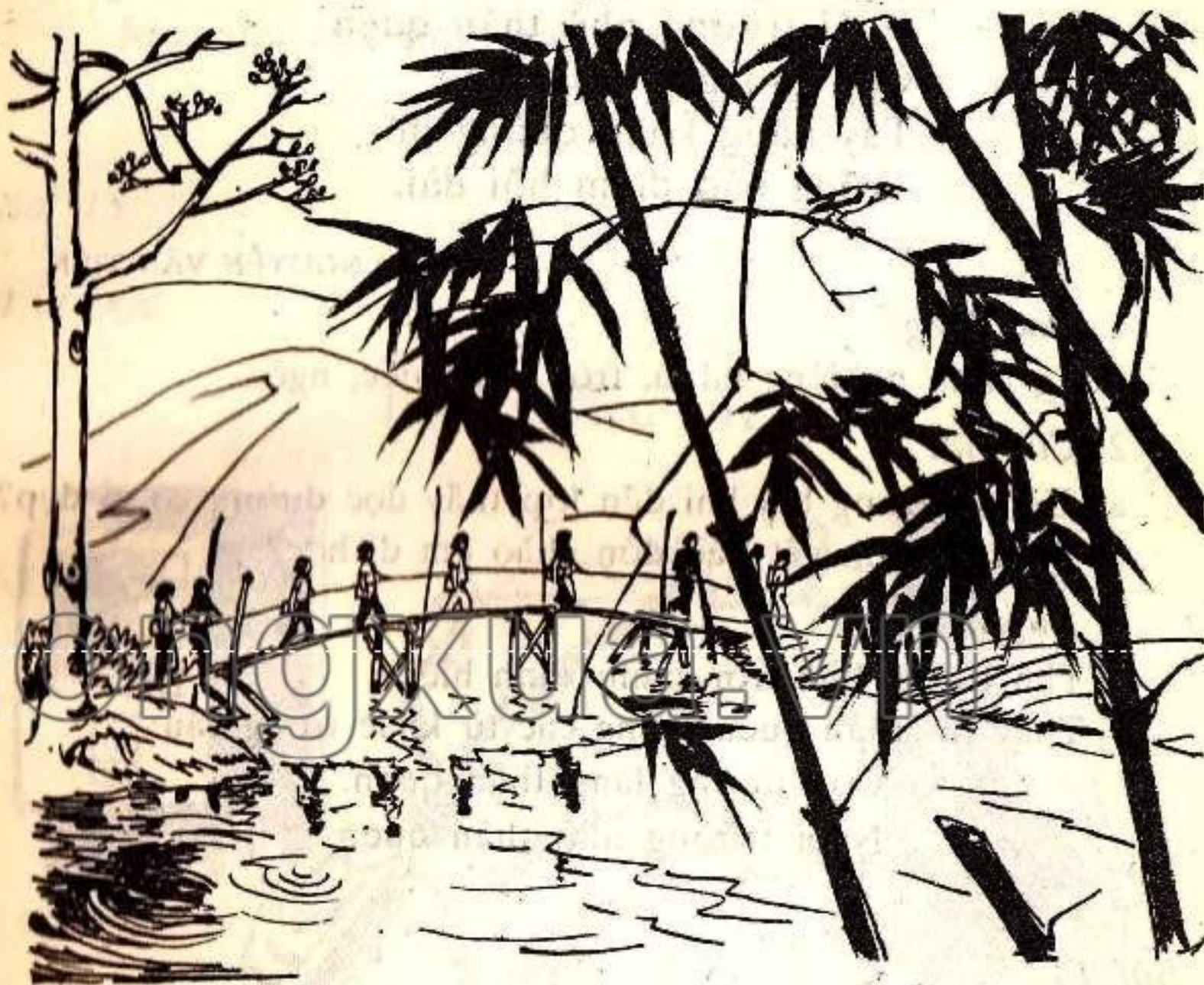
2. Em hãy dùng các từ ngữ sau đây đặt thành câu để hỏi về bạn Sá:

Tên bạn, tuổi, ở đâu.

Bài 13

ĐI HỌC

(Học thuộc lòng)



Sáng nay em đến lớp
Sương đọng hạt long lanh
Hoa thắm nở trên cành
Chích chòe ngân tiếng hót.
Chiếc cầu tre chênh vênh
Nghiêng mình in bóng nước
Qua cầu em nhẹ bước
Cầu vươn mình đón em.

Con đường làng thân quen
Hàng tre ngà thẳng tắp
Vi vu trời xanh biếc
Chị gió về hát ca.

Ngôi trường nhỏ thân quen
Cây gạo già trước ngõ
Tay nâng khăn quàng đỏ
Trống báo điểm hồi dài.

Theo NGUYỄN VĂN TIẾN

1. Đọc đúng

Long lanh, nghiêng nhai, trời xanh biếc, ngõ.

2. Câu hỏi

- a) Em bé trong bài khi đến lớp thấy dọc đường có gì đẹp?
- b) Những cảnh vật nào đón chào em đi học?

3. Luyện tập

- Tìm từ chỉ bầu trời xanh: xanh biếc...
- Thay từ "thân quen" bằng các từ khác trong câu:

Con đường làng thân quen.
Ngôi trường nhỏ thân quen.

Bài 14

KHÚC HÁT RU

(Bài đọc thêm)

Em Cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi!
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ già gạo, mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi, má em nóng hổi

Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối
Lưng đưa nôi và tim hát thành lời
- Ngủ ngoan A Kay ơi, ngủ ngon A Kay hỡi!
Mẹ thương A Kay mẹ thương bộ đội
Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau con lớn vung chày lún sân.

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Bài 15

TẬP ĐỌC

HỌC TIẾNG VIỆT



Súa mới chuyển từ trường khác đến, Súa nói tiếng Việt còn kém. Giờ Tập làm văn, Súa nói ngắc ngứ tiếng Việt, Súa nói luôn bằng tiếng H'Mông. Cô giáo không hiểu Súa nói gì.

Trong lớp, có bạn Sính giỏi tiếng Việt. Sính cùng chơi, cùng đi học và cùng nói tiếng Việt với Súa. Súa nói sai, Sính sửa ngay.

- Ngồi sao. Bạn Súa nói đi!
- Ngồi "sau"
- Sao chú! Nói lại đi!
- Sao, sao...

Cứ như vậy, Súa đã nói tiếng Việt tốt hơn trước.

Theo QUÁCH LIÊN

1. Từ ngữ

Chuyển, ngắc ngứ, nói tốt hơn.

2. Đọc đúng

Chuyển, H'Mông, tiếng Việt.

3. Câu hỏi

- a) Hãy tìm ý trong bài chứng tỏ: Súa nói tiếng Việt kém?
- b) Các bạn trong lớp (bạn Sính) đã giúp Súa nói tiếng Việt như thế nào?

4. Luyện tập

- Nói theo mẫu, với các từ: hát hay, múa giỏi.

Thí dụ: Bạn Hiệu học giỏi hơn bạn Nam.

5. Ghi nhớ

Bạn bè giúp nhau trong học tập.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Sùng Mí Sá.

1. Bài viết: "Hằng ngày... yêu quý Sùng Mí Sá".

2. Viết đúng

- Dậy sớm, chỗ ở, hiểu bài, thuộc bài.
- Giải, Hải, gọn gàng.

3. Luyện tập

a) Điền vào chỗ trống

- Giải hay dài:... toán; ... lựa.

- Chỗ hay trở:... ngồi; lúa...

b) Ghép tiếng thành từ

- Ghép xếp vào các tiếng: hàng, sắp.

- Ghép thân vào các tiếng: cây, bạn, thích.

TẬP LÀM VĂN

DẶT CÂU

Đề bài: Học tiếng Việt

1. Em hãy dùng những từ ngữ sau đây đặt thành câu để kể về một bạn nói tiếng Việt kém:

Nói ngắc ngứ, đọc chậm, nhiều lỗi.

2. Em hãy dùng những từ ngữ sau đây để đặt thành câu kể lại việc các bạn giúp nhau nói tiếng Việt:

Bạn thân, cùng nói tiếng Việt, sửa ngay, tốt hơn trước.

ĐỨA CON CỦA BẢN



Mấy hôm nay các bạn ở bản Khuổi nghỉ học. Lớp cù Mai đi mời các bạn đến lớp.

Đến bản Khuổi, gặp các bạn đi nương với người già, Mai cũng lên nương. Đêm ấy, ngồi bên các bạn, Mai bảo:

– Lớp vắng các bạn, buồn lắm. Cô giáo rất thương các bạn... Hãy đến lớp học với chúng mình đi!

Sáng hôm sau, dân bản thấy lũ trẻ cùng Mai đến lớp. Dân bản Khuổi thân ái gọi Mai là: đứa con của bản.

Theo NGUYỄN TẤN QUANG

1. Từ ngữ

Mời các bạn đến lớp, thân ái, buồn.

2. Đọc đúng

Bản Khuổi, đi nương, buồn, lũ trẻ.

3. Câu hỏi

- Lớp cù Mai tới bản Khuổi làm gì?
- Đến bản Khuổi, Mai làm gì?
- Tại sao dân bản Khuổi gọi Mai là: đứa con của bản?

4. Luyện tập

- Tìm những từ trái nghĩa với từ: *buồn*.
- Tìm những từ cùng nghĩa với từ: *vắng, thương*.

5. Ghi nhớ

Bạn Mai là học sinh ngoan, được bản Khuổi yêu quý.

Bài 17

TỤC NGŨ

(Bài đọc thêm)

- Làm mùa cho sớm kéo con để ăn hết giống
Làm mùa muộn con chim cu nhặt hết thóc.
- Không đi làm thì nặng xanh bầu vào tay
Không đi làm thì ruồi trâu cắn đục vào chân.
- Người ốm yếu mà biết chịu khó làm gì cũng được.
Người to béo mà nhác chẳng làm được việc gì.

Dân ca dân tộc Vân Kiều
MAI VĂN TẤN sưu tầm, dịch

MÌNH HỌC XONG DẪ !



Ồ trên sân, Hơ Lang chăm chú tập viết. Ở dưới sân, Hồng và các bạn đang ríu rít nhảy dây. Hồng gọi:

– Hơ Lang ơi! xuống nhảy dây với bọn mình đi! Nhưng Hơ Lang trả lời:

– Các bạn cứ chơi đi, mình học xong đã!

Rồi Hơ Lang lại tiếp tục viết. Đầu năm học, Hơ Lang làm toán còn sai, viết chữ chưa đẹp. Nhưng nhờ chịu khó tập viết, làm bài nên tháng này, Hơ Lang đã được nhiều điểm tốt.

T.S

1. Từ ngữ

Chăm chú, tiếp tục, chịu khó.

2. Đọc đúng

Chăm chú, ríu rít, chịu khó, nhiều điểm tốt.

3. Câu hỏi

a) Trong khi Hồng và các bạn nhảy dây, Hơ Lang làm gì?

b) Khi Hồng rủ Hơ Lang nhảy dây, Hơ Lang nói thế nào?

c) Tại sao tháng này Hơ Lang đã được nhiều điểm tốt?

4. Luyện tập

Đặt câu với các từ: *chịu khó, chăm chú.*

5. Ghi nhớ

Cần tập trung tư tưởng khi học tập. Học xong bài mới đi chơi.

TẬP NÓI.

Đi học chưa ?

I – Đối thoại

– Bạn Lí đã đến lớp học chưa?

– Bạn Lí đến rồi.

– Bạn Kim đến lớp chưa?

– Bạn Kim mới đến lớp.

– Chúng ta bắt đầu học.

II – Ghi nhớ

- Từ ngữ: chưa đến, sắp đến, mới đến, đến rồi.
- Câu hỏi có từ "chưa" ở cuối câu hỏi.

III – Luyện nói

1. Mẫu câu 1:

- Bạn Lí đã đến lớp chưa?
- Bạn Lí đến rồi (đến lớp rồi).

* Đọc:

- Bạn đã học bài chưa?
- Mình học bài rồi. Còn bạn?
- Mình cũng học bài rồi.
- Bạn An hôm nay ốm, không đi học được.
- Bạn đã báo cáo cô giáo chưa?
- Chưa, chốc nữa vào lớp mình sẽ báo cáo.

* Hỏi và trả lời theo mẫu câu 1. Trong câu hỏi và trả lời có các từ: làm bài tập, vào đội Thiếu niên tiến phong, đi làm biển... và các từ: đã, chưa.

2. Mẫu câu 2:

- Bạn đã làm bài tập số 7 chưa?
- Mình vừa mới làm xong (mình sắp làm).

* Đọc: – Bạn ăn cơm chưa?

- Mình vừa mới ăn.
- Hôm nay bạn Bính ốm, chúng mình đi thăm bạn Bính đi.
- Các bạn chưa đến thăm Bính à?
- Chưa.
- Bọn mình vừa mới đến thăm Bính xong.

* Dùng mẫu câu 2, nói chuyện với nhau. Trong câu hỏi và trả lời có: Bệnh xá, làm nhà mới, trồng cây gây rừng..., đã làm, mới, sắp...

IV – Bài tập

1. Ở lớp

Dùng mẫu câu đã học để nói với nhau:

- Trước giờ vào lớp học.
- Đến thăm bạn trong giờ tự học.
- Đưa em đến thăm bà ngoại.

2. Ở nhà

Điền vào chỗ trống:

- Hôm nay bạn ở nhà...?
- Mình ở nhà làm bài tập.
- Bạn đã học bài...?
- Mình...
- Bạn biết nấu cơm...?
- Có, mình biết nấu cơm.
- Mẹ bạn dạy bạn nấu...?
- Mình tự học đấy.

TẬP LÀM VĂN

ĐẶT CÂU

Đề bài: Rủ bạn cùng đi học.

Em đến rủ Lí cùng đi học.

1. Em hãy dùng những từ ngữ sau đây đặt thành câu để kể lại lúc em đến ngõ nhà Lí: đầu ngõ, gọi to, đi học chưa.

2. Em hãy dùng những từ ngữ sau đây đặt thành câu kể lại những điều em đã hỏi bạn Lí: học bài, bài văn, bài toán, thăm bạn.

QUYỂN VỎ CỦA EM

(Học thuộc lòng)



Quyển vở này mở ra
 Bao nhiêu trang giấy trắng
 Từng dòng kẻ ngay ngắn
 Như chúng em xếp hàng.

Lật từng trang, từng trang
 Giấy trắng sờ mát rượi
 Thơm tho mùi mực mới
 Nắn nót bàn tay xinh.

Ôi quyển vở trắng tinh
 Em viết cho sạch đẹp.
 Chữ đẹp là tính nết
 Của những người trò ngoan.

Theo QUANG HUY

1. Đọc đúng

Quyển vở, kẻ thẳng, mát rượi.

2. Câu hỏi

a) Khi mở quyển vở ra em thấy trong vở có những gì?

* * b) Em hiểu câu thơ: Chữ đẹp là tính nết
 Của những học trò ngoan như thế nào?

3. Luyện tập

– Có thể thay "chúng em xếp hàng" bằng các từ ngữ khác
 trong câu: Từng dòng kẻ ngay ngắn, như chúng em xếp hàng.

– Tìm những từ chỉ mức độ của màu trắng: Trắng tinh...

Bài 20

(Bài đọc thêm)

Ồ Ó O

Ồ... ó...o

Ồ... ó...o

Tiếng gà

Tiếng gà

Giục quả na

Mở mắt

Tròn xoe,

Giục hàng tre

Đâm măng

Nhọn hoắt,

Giục buồng chuối

Thơm lừng,

Trúng quốc,

Giục hàng đậu

Náy mằm,
Giục bông lúa
Uốn câu,
Giục con trâu
Ra đồng,
Giục đàn sao
Trên trời
Chạy trốn.

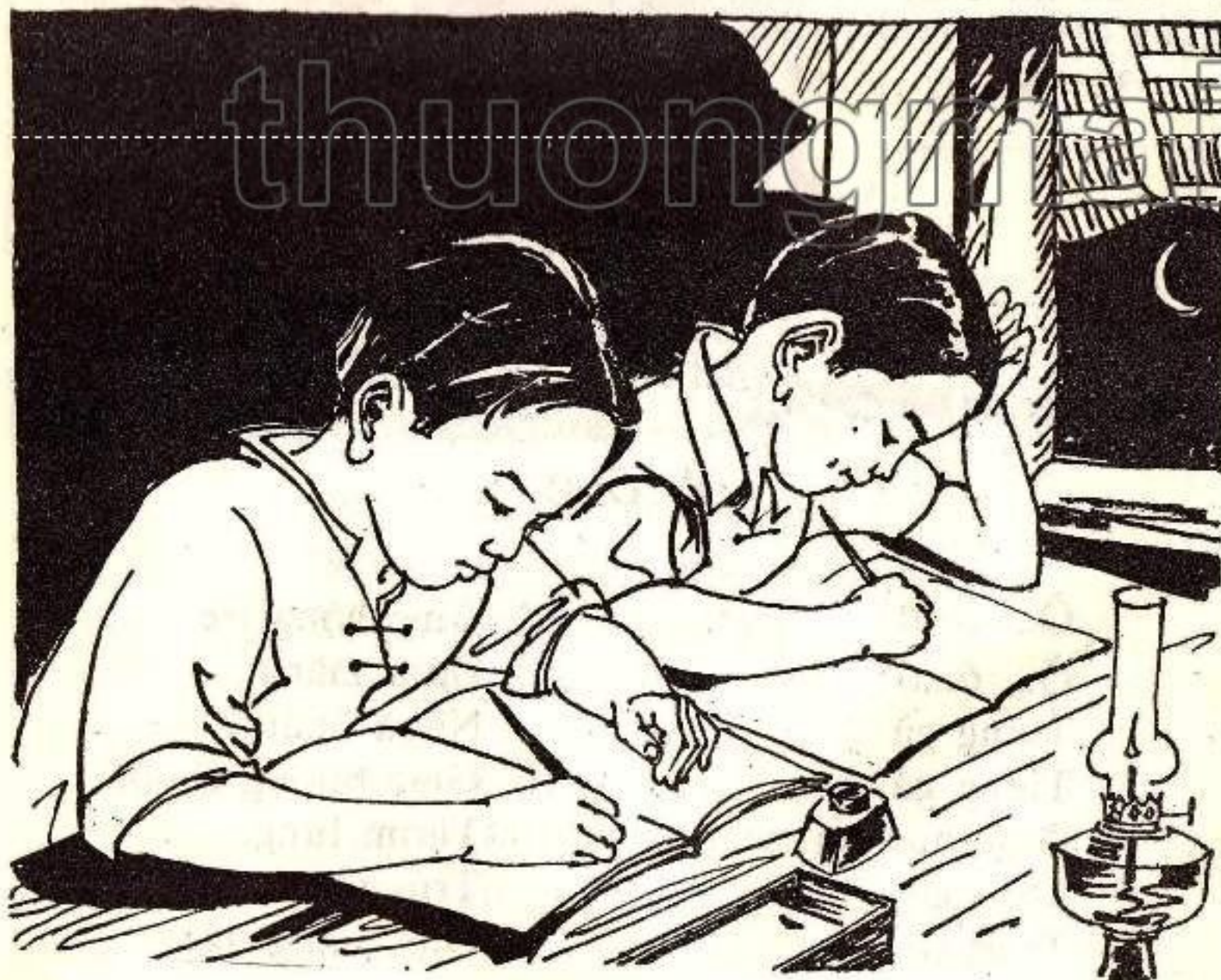
Gọi ông Trời
Nhô lên
Rửa mặt.
Ôi bốn bề
Bát ngát
Tiếng gà
Ồ... ó... o
Ồ... ó... o.

TRẦN DẪNG KHOA

Bài 21

TẬP ĐỌC

TIẾNG GÀ RỪNG



Cứ nghe tiếng gà rừng gáy, Sinh lại bỏ học vác nỏ lên rừng. Sinh nhận luôn mấy điểm kém.

Nhã tìm lời khuyên Sinh. Rồi tối tối Nhã đến nhà Sinh cùng học. Có hôm chong đèn học đến khuya.

Một tháng trôi qua. Nắng lên, lại có tiếng gà rừng lãnh lót trên nường. Nhưng Sinh như không nghe thấy. Sinh còn đang mải học. Giờ toán hôm trước Sinh đạt điểm 7 rồi. Giờ toán hôm nay Sinh còn muốn được điểm cao hơn.

Theo LÊ PHÍ HÙNG

1. Từ ngữ

Nhận điểm kém, chong đèn, nắng lên, mải học.

2. Đọc đúng

Gà rừng, khuya, lãnh lót.

3. Câu hỏi

a) Tại sao Sinh lại bị điểm kém?

b) Nhã giúp Sinh học như thế nào?

c) Sau một tháng, kết quả học tập của Sinh thế nào?

4. Luyện tập

– Tìm từ gần nghĩa với: mải học.

– Nói tiếp câu: Đêm đêm, Nhã đến nhà Sinh để...

5. Ghi nhớ

Sinh chăm học nên đã tiến bộ.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Tiếng gà rừng.

1. Bài viết: "Cứ nghe... đang mải học".

2. Viết đúng:

– Bỏ học, vác nỏ, điểm kém, khuyên, khuya.

– Lãnh lót, mải học.

3. Luyện tập

a) Điền vào chỗ trống

– Khuya hay khuê: Sao...; đêm...

– Chong hay trong:... đèn;... nhà.

b) Ghép tiếng thành từ rồi đọc

– Ghép *khuyên* vào các tiếng: bảo, can, nhủ, răn.

– Ghép *mãi* vào các tiếng: mê, miết.

TẬP LÀM VĂN

ĐẶT CÂU

Đề bài: *Kể về quyển vở của em.*

1. Em hãy dùng những từ ngữ sau đây đặt thành câu để kể về các đặc điểm quyển vở của em:

Vở tập viết, bìa, dòng kẻ, chữ viết, điểm.

2. Em hãy dùng những từ ngữ sau đây đặt thành câu để kể lại tình cảm của em đối với quyển vở: cẩn thận, sạch đẹp, bạn thân thiết.

TẬP ĐỌC

ÔN TẬP

1. Tập đọc

– Đọc bài: Sùng Mí Sá.

Mình học xong đã!

– Đọc đúng: Trường nội trú, thân thiết, dậy sớm, riu rít, nhiều điểm tốt.

– Đọc thuộc lòng bài: Quyển vở của em.

2. Câu hỏi

a) Tại sao Sá được thầy yêu bạn quý?

b) Tại sao tháng này Hơ Lang đã được nhiều điểm tốt?

3. Luyện tập

– Nói theo mẫu:

Sá giúp Minh giải bài toán.

... .. học tiếng Việt.

... .. đan gùi.

– Nói cho hết câu:

Nhờ Hơ Lang chịu khó tập viết, Hơ Lang viết đẹp hơn.

Nhờ Hơ Lang chăm chỉ học bài...

Bài 22

LOÀI CHIM HỌC XÂY TỔ

(Bài đọc thêm)

Một lần, Phượng Hoàng, nhà thông thái nhất trong các loài chim, mở lớp học về cách làm tổ. Phượng Hoàng bắt đầu nói:

– Việc làm tổ không phải là một chuyện dễ dàng.

Gà mới nghe đã bắt đầu gật gà gật gù, sau đó ngáy khò khò. Cú nghĩ không biết cái anh đẹp mã này liệu có thể dạy nổi ai được việc gì. Hấn cười rộ lên khinh bỉ rồi bay đi.

– Trước hết phải tìm trên cây nào có chạc ba... Cần phải nhặt những cành khô, dùng mỏ quặp lấy uốn cong lại và đan thành một cái ổ con.

Nghe đến đây quạ vỗ cánh bay ra ngoài.

– Nhưng tốt nhất không nên làm tổ trên cây mà làm tổ ngay dưới mái nhà. Phượng Hoàng vẫn tiếp tục nói:

– Cái đó thì ai cũng biết – Sẻ lâu bầu nhảy tốt lên cành cao.

– Sau khi tổ đã bện xong cần lấy đất sét trát lại, rải bên trong một ít rơm rác.

– Cảm ơn bác Phụng Hoàng. Ẽn cúi đầu chào rồi bay vút lên trời xanh.

Thế là các loài chim bắt đầu làm tổ.

Gà thì chẳng nhớ chữ nào trong đầu nên loài người phải làm tổ sẵn cho nó.

Cú cũng chẳng có tổ, nó phải sống trong những hốc cây tăm tối. Quạ không nghe giảng đến đâu đến đâu, vì thế tổ của nó xấu xí.

Chỉ có Ẽn, một học sinh chăm chỉ cần cù đã làm nhà mình theo đúng cách nên tổ bao giờ cũng xinh xắn, ấm áp.

Truyện cổ tích Ấn Độ
THÁI BÌNH kể

TUẦN LỄ THỨ NĂM

Bài 23

TẬP ĐỌC

CHỊ EM



Mùa làm rẫy, bố mẹ đi làm cả ngày, HoMung ở nhà lo việc học bài, nấu cơm, quét dọn nhà cửa và chăm ẹm.

Chiều nay, YLi chời quả muỗm xanh, HơMung dất em về, lau mặt cho em, rồi bảo:

– Bố mẹ đã dặn rồi, không được ăn quả xanh, uống nước lã. nếu quả chín, trước khi ăn cũng phải rửa sạch chứ!

YLi nghe lời chị, vút quả xanh đi, rồi ngồi vào bàn lấy sách ra đọc.

M.T

1. Từ ngữ

Chăm em, chời quả, quả xanh, nước lã.

2. Đọc đúng

Làm rầy, quả muỗm, nước lã, cũng phải rửa sạch.

3. Câu hỏi

a) Mùa làm rầy HơMung ở nhà làm gì?

b) HơMung dặn YLi những gì? HơMung nói có đúng không?

c) Nghe lời chị, YLi làm gì?

4. Luyện tập

Tìm những lời khuyên, theo dạng:

Không được ăn quả xanh, uống nước lã.

Nên uống nước sôi.

5. Ghi nhớ

HơMung giúp bố mẹ trông nhà, chăm em.

TẬP NÓI

ÔN TẬP

1. Qua các bài tập nói tiếng Việt từ đầu năm học, em đã biết nói thêm các mẫu câu sau:

– Hãy chăm học!

– Dừng (chớ) mãi chơi!

– Yêu cầu các bạn trật tự!

– Mời cô giáo nói chuyện.

– Bạn là học sinh mới à?

– Bạn cũng là học sinh mới chứ?

– Bạn Lí đã đến lớp chưa?

2. Nói thế nào trong các trường hợp sau:

– Thấy em bé trèo cây, em hãy khuyên em bé một câu.

Ngày mai tổ em đi cuộc dất làm vườn, em là tổ trưởng, em hãy nói với các bạn trong tổ thế nào để các bạn mang đầy đủ cuốc, xẻng...

– Buổi sinh hoạt lớp, có thầy hiệu trưởng tới dự, em nói thế nào để thầy hiệu trưởng nói chuyện với lớp.

3. Thêm: à, chứ, chưa vào chỗ thích hợp:

– Tôi có quyển "Đề Mên phiêu lưu kí", bạn xem...?

– Chưa.

– Quyển sách hay thế mà bạn chưa xem...?

– Mình không có.

– Tớ cho mượn.

– Sáng mai cho mình mượn...?

– Đồng ý.

– Bạn đã học thuộc bài...?

– Mình học rồi. Còn bạn, bạn thuộc bài rồi...?

– Mình cũng thuộc rồi.

* Nói lại 2 đoạn đối thoại trên theo nhân vật.

4. Bài tập về nhà

– Hãy viết 5 câu có từ "Hãy", khuyên học sinh học tập, lao động tốt.

– Viết 5 câu có từ "Dừng" (chớ), khuyên học sinh không làm việc xấu.

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Quan sát bức tranh minh họa cho bài "Mình học xong đã".

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn bức tranh (Bức tranh kể lại chuyện gì? Em đặt tên cho bức tranh).

2. Quan sát nhóm các bạn đang chơi (các bạn chơi ở đâu? Các bạn chơi trò chơi gì? Hồng đang làm động tác gì? Vì sao bạn làm động tác đó?).

3. Quan sát bạn Hơ Lang (Hơ Lang đang ngồi ở đâu? Trước mặt bạn là vật gì? Bạn đang nhìn ra đâu? Hai tay bạn đang làm việc gì? Vì sao bạn làm như vậy?).

4. Em nghĩ gì sau khi xem xong bức tranh?

Bài 24

EM MƠ

(Học thuộc lòng)

Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao,
Nhìn non sông gấm vóc
Quê mình đẹp biết bao!

Em mơ làm nắng ấm
Đánh thức bao mầm xanh
Vươn lên từ đất mới
Dem cơm no áo lành.



Em mơ làn gió mát
Xua bao nỗi nhọc nhằn
Bác nông dân cấy ruộng
Chú công nhân chuyên cần.

Em còn mơ nhiều lắm:
Mơ những giấc mơ xanh...
Nhưng bây giờ còn bé.
Nên em chăm học hành.

MAI THỊ BÍCH NGỌC

1. Đọc đúng

Nẻo, non sông, vươn lên, nỗi nhọc nhằn.

2. Câu hỏi

- Bạn nhỏ trong bài mơ làm những gì?
- Em hãy nói ước mơ của em?

3. Luyện tập

– Tìm những từ chỉ người trong xã hội.

Thí dụ: nông dân, công nhân...

Bài 25

BÀI CA VỀ TRÁI ĐẤT

(Bài đọc thêm)

Trái đất này là của chúng mình
Quả bóng xanh bay giữa trời xanh
Bồ câu ơi, tiếng chim gù thương mến
Hải âu ơi, cánh chim vờn sóng biển
Cùng bay nào, cho trái đất quay.

Trái đất của bạn trẻ năm châu
Vàng, trắng, đen...dù da khác màu
Ta là nụ, là hoa của đất
Gió dầm hương thơm, nắng tô thắm sắc
Màu hoa nào cũng quý cũng thơm
Màu da nào cũng quý cũng thơm.

Phối hình năm là tai họa đấy
Bom H bom A không phải bạn ta
Tiếng hát vui giữa bình yên Trái đất
Tiếng cười ran cho trái đất không già
Hành tinh này là của chúng ta!
Hành tinh này là của chúng ta!

ĐINH HẢI

Bài 26

TẬP ĐỌC

CHIM NỘC THUA



Trong những con chim rừng, Lan thích nhất con nộc thua.
Có hôm Lan dậy thật sớm, ra suối lấy nước, chưa có con

chim nào ra khỏi tổ. Thế mà con nộc thua đã vươn chiếc cổ xanh biếc lên trời mà hát. Có những hôm trời mưa rất to, những con chim khác đi trú mưa hết. Nhưng con nộc thua vẫn bay đi kiếm mồi. Những hôm Lan đi học một mình, có chim nộc thua, Lan vui như có bạn đi cùng.

Theo Q.H

1. Từ ngữ: chim rừng, xanh biếc, trú mưa, kiếm mồi.
2. Đọc đúng: chim rừng, dậy thật sớm, ra suối vươn chiếc cổ, kiếm mồi.

3. Câu hỏi

- a) Từ ngữ nào cho thấy chim nộc thua rất cần cù chăm chỉ?
- b) Vì sao bạn Lan lại thích chim nộc thua?

4. Luyện tập

– Hãy kể những tên chim mà em biết.

Thí dụ: Chim nộc thua, chim sáo...

– Tìm những từ chỉ các mức độ của màu xanh.

Thí dụ: Xanh biếc, xanh thắm...

5. Ghi nhớ

Chim nộc thua nhỏ nhưng chăm chỉ và dũng cảm.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Chim nộc thua.

1. Bài viết: "Trong những... bay đi kiếm mồi".

2. Viết đúng

– Những con chim, nộc thua, ra suối lấy nước.

– Vươn chiếc cổ, xanh biếc, kiếm mồi.

3. Luyện tập

Điền vào chỗ trống:

– Suối hay xối: dòng...; ... xả.

– Vãn hay vắn: ... khăn; ... đi.

– Trú hay chú: ... mưa; ... bộ đội.

– Mưa hay mơ: ... rơi; quả...

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Quan sát bức tranh minh họa cho bài "Hai chị em"

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

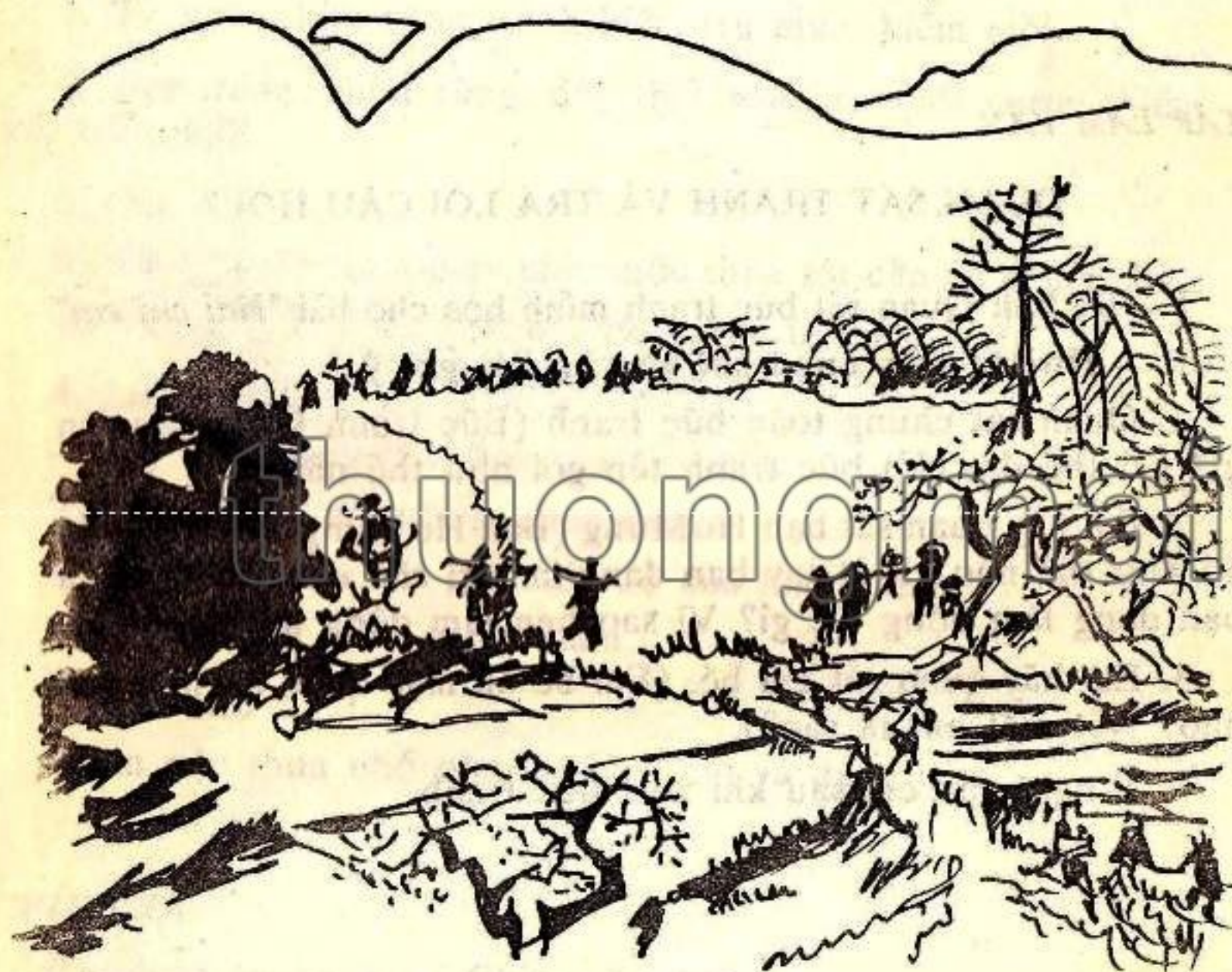
1. Quan sát chung toàn bức tranh (Bức tranh kể lại chuyện gì? Có thể đặt cho bức tranh tên gọi như thế nào?)

2. Em hãy quan sát bạn Ho Mung (Bạn Ho Mung ăn mặc quần áo như thế nào? Một tay bạn đang làm gì cho em bé? Tay kia bạn đang làm động tác gì? Vì sao bạn làm động tác đó?)

3. Em hãy quan sát em bé. (Em bé ăn mặc quần áo như thế nào? Nét mặt em ra sao?)

4. Ý nghĩ của em sau khi xem bức tranh.

MÙA ĐÔNG TRÊN RÈO CAO



Buổi sáng, gió bắc hun hút thổi. Núi đồi, làng bản chìm trong biển mây mù.

Gần trưa, mây mù tan, bầu trời sáng ra và cao hơn. Phong cảnh hiện ra rõ rệt. Trước bản, rừng đào đã trút hết lá. Trên những cánh khêu lấm tấm những lộc non

và cánh hoa đỏ thắm đầu mùa. Những nương đồi xanh um. Các bà, các chị tập nập đi làm nương. Chốc chốc, một điệu hát H'Mông vút lên trong trẻo.

Tập đọc lớp 5-1980

1. Từ ngữ

Gió bắc, mây mù, lộc non, đỏ thắm, xanh um.

2. Đọc đúng

Hun hút, sáng ra, rõ rệt, nương đỗ, H'Mông.

3. Câu hỏi

- Buổi sáng mùa đông ở rẻo cao có gì đặc biệt?
- hãy tìm một vài nét phong cảnh mùa đông ở rẻo cao?

4. Luyện tập

- Tìm những từ chỉ màu đỏ: *đỏ thắm*...

- Đặt câu với từ: *tập nập*.

Thí dụ: Các chị tập nập đi làm nương.

5. Ghi nhớ

Mùa đông trên rẻo cao thật đẹp.

BA ANH EM

(Bài đọc thêm)

Một gia đình nọ có ba người con trai. Khi các con đã khôn lớn, người cha gọi các con lại và bảo:

- Các con hãy đi học lấy một nghề. Bất kể nghề nào mà giúp ích được cho xã hội cũng đều đáng quý. Các con hãy học cho giỏi. Đứa nào giỏi nhất bố sẽ cho phần thưởng.

Người anh cả muốn làm thợ đóng móng ngựa. Người anh thứ hai muốn làm thợ cạo. Người em út muốn làm thầy dạy võ. Ba anh em chia tay nhau mỗi người một ngả.

Cả ba người đều gặp được thầy giỏi. Ai cũng cố gắng học nên ai cũng thành thạo tay nghề.

Đúng ngày hẹn, ba anh em trở về nhà. Họ bàn tính xem làm thế nào để thi thố tài năng với nhau. Chợt, có một chú thỏ băng qua đồng cỏ. Anh thợ cạo reo lên:

– May quá, thật là vừa đúng lúc.

Đợi cho thỏ chạy qua, anh cầm dao cạo râu cho thỏ mà không hề làm cho thỏ sảy da chút nào.

Người bố khen:

– Khá lắm, nếu anh con và em con không giỏi hơn thì bố cho con cái nhà.

Một lát sau, một cỗ xe ngựa phóng qua. Anh đóng móng ngựa nói:

– Bố xem tài con nhé!

Anh liền tháo bốn móng sắt và thay bốn móng mới trong khi con ngựa vẫn phi đều.

Người bố lại khen:

– Con giỏi lắm, không kém gì em hai. Chẳng biết nên cho đứa nào cái nhà đây.

Vừa lúc ấy, trời bắt đầu mưa. Người con út nói:

– Thưa cha, giờ đến lượt con.

Anh liền tuốt gươm ra múa kín trên đầu. Không một giọt mưa rơi được vào mình anh. Trời mưa mỗi lúc một to. Nước xối ào ào, song đầu tóc, áo quần anh vẫn khô nguyên.

Ông bố gật gù:

– Con là đứa giỏi nhất.

Hai người anh cũng trầm trồ thán phục và công nhận người em út xứng đáng được bố thưởng cái nhà. Phần thưởng quý báu mà cả đời người cha đã tạo dựng nên.

Nhưng, từ nhỏ ba anh em vốn luôn yêu thương nhường nhịn nhau, nên đến giờ người em út không muốn một mình nhận ngôi nhà của cha. Anh xin cha cho ba anh em vẫn ở chung như trước. Thế là họ lại chung sống với nhau, mỗi người giỏi một nghề. Họ tài và khéo như thế nên cuộc sống của họ sung túc. Họ sống vui vẻ, hòa thuận như vậy cho tới già.

DIỆU MINH KỂ



TRONG NẮNG SỚM MÙA XUÂN



Trong nắng xuân sớm, thiếu nhi trường Đắc Liêng hăm hở trồng cây.

Từng nhóm bạn thay nhau đào hố. Một tốp đi sau nhẹ nhàng đặt từng cây thông non xuống hố, lấp đất. Rồi các

bạn tưới nước cho cây. Những hàng thông non thẳng tắp tiến dần lên đỉnh đồi.

Đến trưa, hàng nghìn cây thông non đã được trồng. Trong nắng sớm, những hàng thông trông như những hàng quân bảo vệ rừng núi quê hương.

Theo DÌNH TRUNG, ÁI LAN

* Đắc Liêng thuộc Huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc.

1. Từ ngữ

Hăm hở, nhẹ nhàng, thẳng tắp, bảo vệ.

2. Đọc đúng

Đắc Liêng, tưới nước, được trồng, quê hương.

3. Câu hỏi

a) Các bạn trường Đắc Liêng trồng cây vào lúc nào?

b) Hãy kể những công việc của các bạn trồng cây?

4. Luyện tập

Tìm từ gần nghĩa với từ: *thẳng tắp*.

– Đặt câu với từ: *bảo vệ*.

5. Ghi nhớ

Trồng cây cho quê hương tươi xanh.

TẬP NÓI

Mấy giờ?

I – Đối thoại

– Bây giờ là *mấy giờ*?

– Bây giờ là 7 giờ bạn ạ!

– Hợp lớp vào *lúc mấy giờ*?

– Lúc 7 giờ 30 phút (7 giờ rưỡi).

II – Ghi nhớ

– Câu hỏi giờ: *Bây giờ là mấy giờ?*

– Câu hỏi giờ làm việc: Học lớp vào lúc mấy giờ?

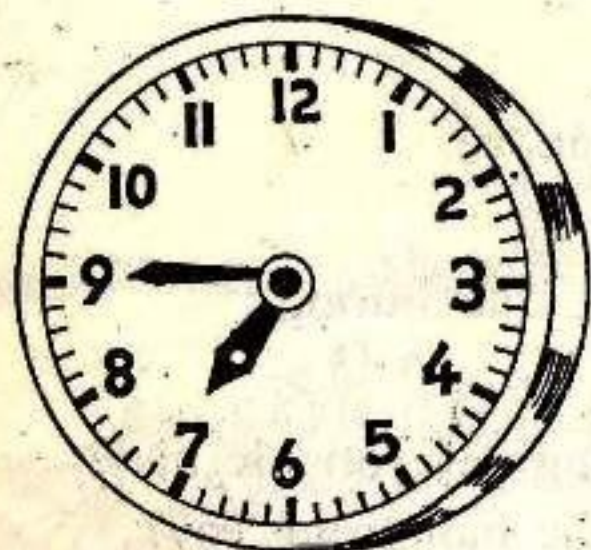
III – Luyện nói

1. Mẫu câu 1:

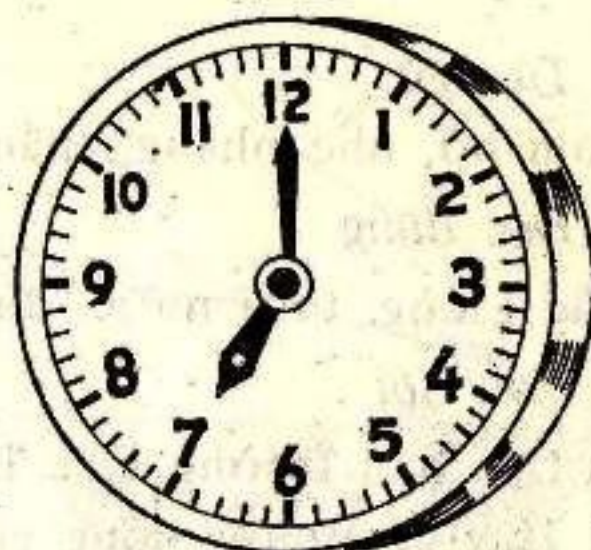
– Bây giờ là mấy giờ?

– Bây giờ là 7 giờ.

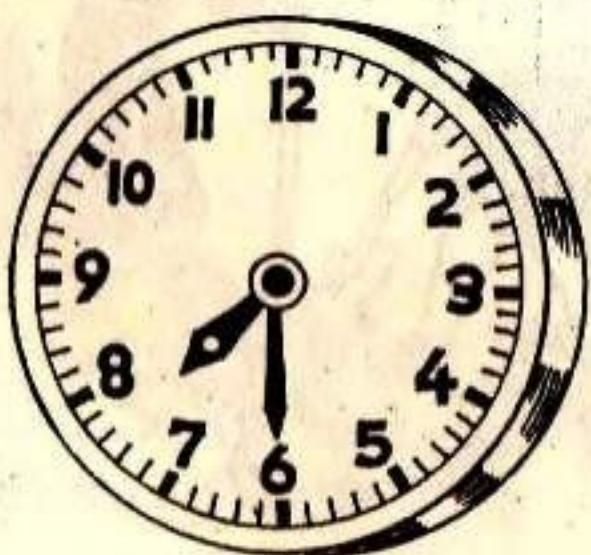
* Hãy đọc giờ trên mặt đồng hồ.



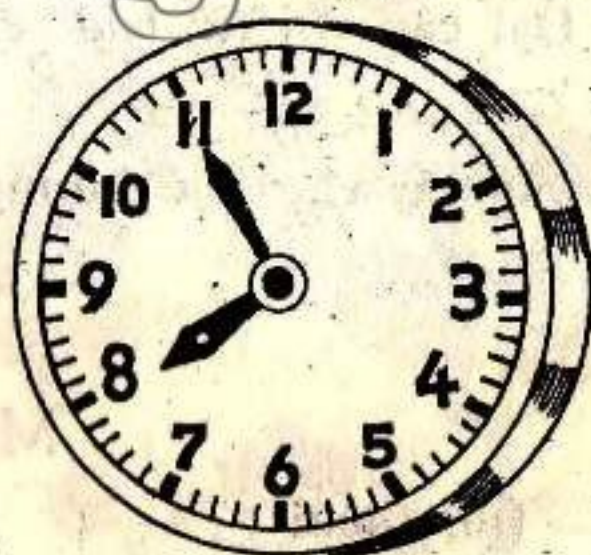
7 giờ kém 15 phút



7 giờ



7 giờ rưỡi (30 phút)



8 giờ kém 5 phút.

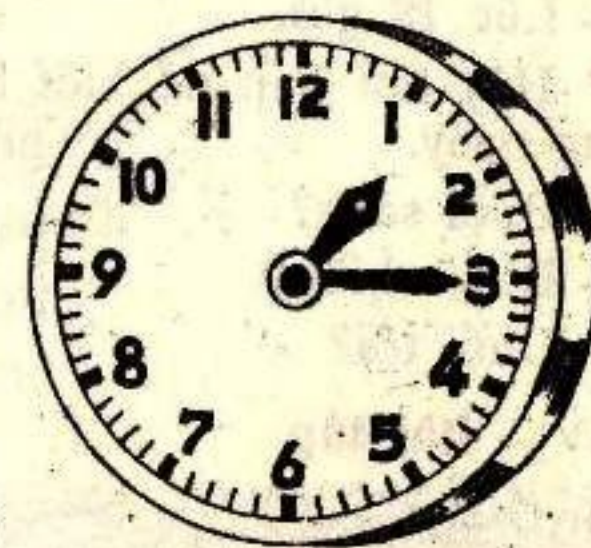
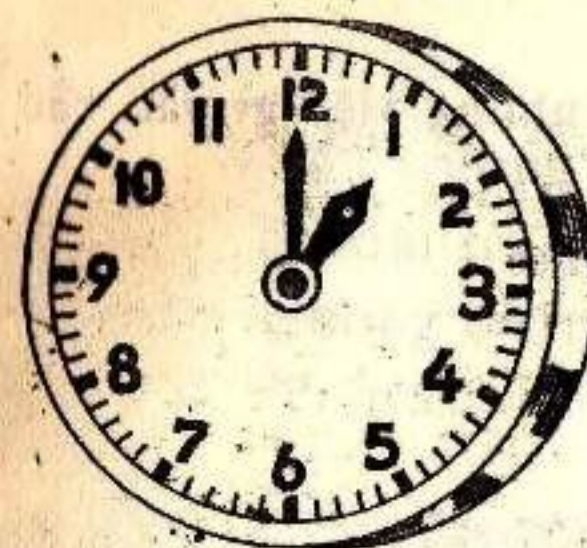
* Hãy hỏi: Đồng hồ chỉ mấy giờ?
Xem đồng hồ và trả lời theo tranh.

1 giờ

1 giờ 15 phút

1 giờ 30 phút

2 giờ 15 phút



* Đọc các số chỉ giờ sau:

7 giờ, 7 giờ 15 phút, 7 giờ 30 phút, 8 giờ kém 25 phút, 8 giờ kém 15 phút.

* Hãy dùng câu hỏi ở mẫu câu 1 để hỏi bạn. Bạn dựa vào tranh trả lời cho đúng.

2. Mẫu câu 2:

– Học lớp vào lúc mấy giờ?

– Học lớp vào lúc 7 giờ 30 phút.

* Đối thoại:

– Buổi sáng, lớp ta vào học lúc mấy giờ?

– Lúc 7 giờ 30 (7 giờ rưỡi).

– Tan học lúc mấy giờ?

- Lúc 11 giờ kém 15 phút.
- Nhà bạn ăn cơm trưa lúc mấy giờ?
- Lúc 12 giờ.
- Còn ăn cơm chiều?
- Lúc 18 giờ.

* Hãy hỏi bạn để biết bạn làm những việc gì vào các giờ trong ngày.

- Buổi sáng?
- Buổi chiều?
- Buổi tối?

IV - Bài tập

1. Ở lớp

Điền vào chỗ trống những từ thích hợp:

Một ngày có... giờ. 1 giờ có... phút. 1 phút có... giây. Mỗi tích tắc là 1 giây.

2. Ở nhà

Viết lịch làm việc, học tập trong ngày của em.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I - Đề bài

Quan sát bức tranh minh họa bài "Trong nắng sớm mùa xuân".

II - Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát toàn bức tranh. (Bức tranh vẽ lại cảnh gì? Ở đâu? Cảnh vật ở đó như thế nào?).
2. Quan sát cảnh và hoạt động dưới chân đồi. (Cảnh dưới chân đồi có gì đặc biệt so với giữa đồi và đỉnh đồi? Các bạn nhỏ ở đây đang làm gì?).
3. Quan sát cảnh và hoạt động ở giữa đồi. (Cảnh giữa đồi có gì đáng chú ý? Từng nhóm bạn nhỏ ở đây đang làm việc gì? Nét mặt như thế nào?).
4. Nói cảm nghĩ của em sau khi xem bức tranh.

CHĂM VƯỜN HOA

(Học thuộc lòng)

Sân trường hoe nắng
 Bướm trắng lượn quanh
 Sương đọng long lanh
 Trên cành hoa thắm.



Hoa tươi khoe sắc
Ngào ngạt hương thơm
Chúng em chăm nom
Cho hoa tươi tốt.

Em vun em bón
Tùng khóm tùng bông
Hoa cúc hoa hồng
Thêm vàng thêm đỏ.

Sân trường rực rỡ
Hoa nở đỏ tươi
Rập rờn cánh bướm
Lượn quanh bóng người.

ĐỨC TOÀN

1. *Đọc đúng*

Sân trường, bướm trắng, sương đọng, khoe sắc, lượn quanh.

2. *Câu hỏi*

- Bài thơ tả cảnh vườn hoa ở đâu, vào lúc nào?
- Buổi sáng, sân trường và vườn hoa có gì đẹp?
- Tìm những từ, câu tả sự chăm sóc chu đáo vườn hoa của các bạn học sinh?

3. *Luyện tập*

Đặt câu với từ *ngào ngạt*, *rực rỡ*.

Bài 31

NÊN VÀ KHÔNG NÊN

(Bài đọc thêm)

Nên

- Ăn hiền ở lành.
- Ăn ngay ở thẳng.
- Ăn cho đều, tiêu cho sòng.
- Ăn ở như bát nước đầy.
- Ăn lấy chắc, mặc lấy bền.
- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Không nên

- Ăn ốc nói mò.
- Ăn không nói có.
- Ăn gian nói dối.
- Ăn không ngồi rồi.
- Ăn bơ làm biếng.
- Ăn xối ở thì.

Bài 32

TẬP ĐỌC

HÀNG CÂY TÌNH NGHĨA

Bác HồDon là người neo đơn nhất xã Tùng Vài. Chồng và con trai đều là liệt sĩ. Bác ở một mình.

Gần đến ngày 22 tháng 12, Liên đội trưởng nói:

– Đội ta nên trồng tặng bác HơDon một số cây để sau này bác lấy gỗ đó làm nhà.

Ngày chủ nhật, các em đội viên mang cây đến trồng quanh nhà bác. Được các em và bác chăm nom chu đáo, hàng cây mỗi ngày một lớn.

Theo TRƯỜNG SƠN

* Ngày 22 tháng 12 là ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.



1. Từ ngữ

Neo đơn, liệt sĩ, chăm nom chu đáo.

2. Đọc đúng

HơDon, liệt sĩ, tặng, đội viên.

3. Câu hỏi

a) Gia đình, bác HơDon có gì đặc biệt?

b) Đội thiếu niên làm gì để giúp bác HơDon?

4. Luyện tập

– Tìm từ gần nghĩa với từ: *chăm nom*.

– Đặt câu với từ: *chăm nom*.

5. Ghi nhớ

Chúng em giúp đỡ gia đình liệt sĩ.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Trong nắng sớm mùa xuân.

1. Bài viết: "Từng nhóm bạn... núi quê hương".

2. Viết đúng

– Xuống hố, tưới nước, thẳng tắp.

– Trưa, đã được trồng, nắng sớm, hàng quán.

3. Luyện tập

Điền vào chỗ trống:

– Trưa hay chưa: buổi...; viết... xong.

– Trồng hay chõng:... cây; ... chéo.

– Tưới hay tới:... rau;... nơi.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Quan sát bức tranh minh họa bài "Chăm vườn hoa"

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn bộ bức tranh (Bức tranh vẽ cảnh gì? Ở đâu? Cảnh gồm mấy bộ phận?).

2. Quan sát cảnh cây hoa và bướm (Trong vườn, có những loài hoa gì? Các con bướm đang làm những động tác gì?).
3. Quan sát các nhóm học sinh làm việc (Các bạn học sinh đang làm những việc gì? Động tác của từng bạn ra sao?).
4. Em có thể đặt cho bức tranh những tên gì?

TẬP ĐỌC

ÔN TẬP

1. Tập đọc
 - Đọc bài: Chim nộc thua.
 - Trong nắng sớm mùa xuân.
2. Đọc đúng
 - Dậy sớm, vươn chiếc cổ, xanh biếc, biến mây mù, rõ rệt, điệu hát.
 - Đọc thuộc lòng bài: *Em mơ*.
3. Câu hỏi
 - a) Vì sao bạn Lan lại thích chim nộc thua?
 - b) Buổi sáng mùa đông ở rẻo cao có gì đặc biệt?
4. Luyện tập
 - Tìm những từ chỉ màu xanh: *xanh biếc, xanh thắm*.
 - Tìm những từ gần nghĩa với từ: *tập nập*.

Bài 33

VÀO XUÂN

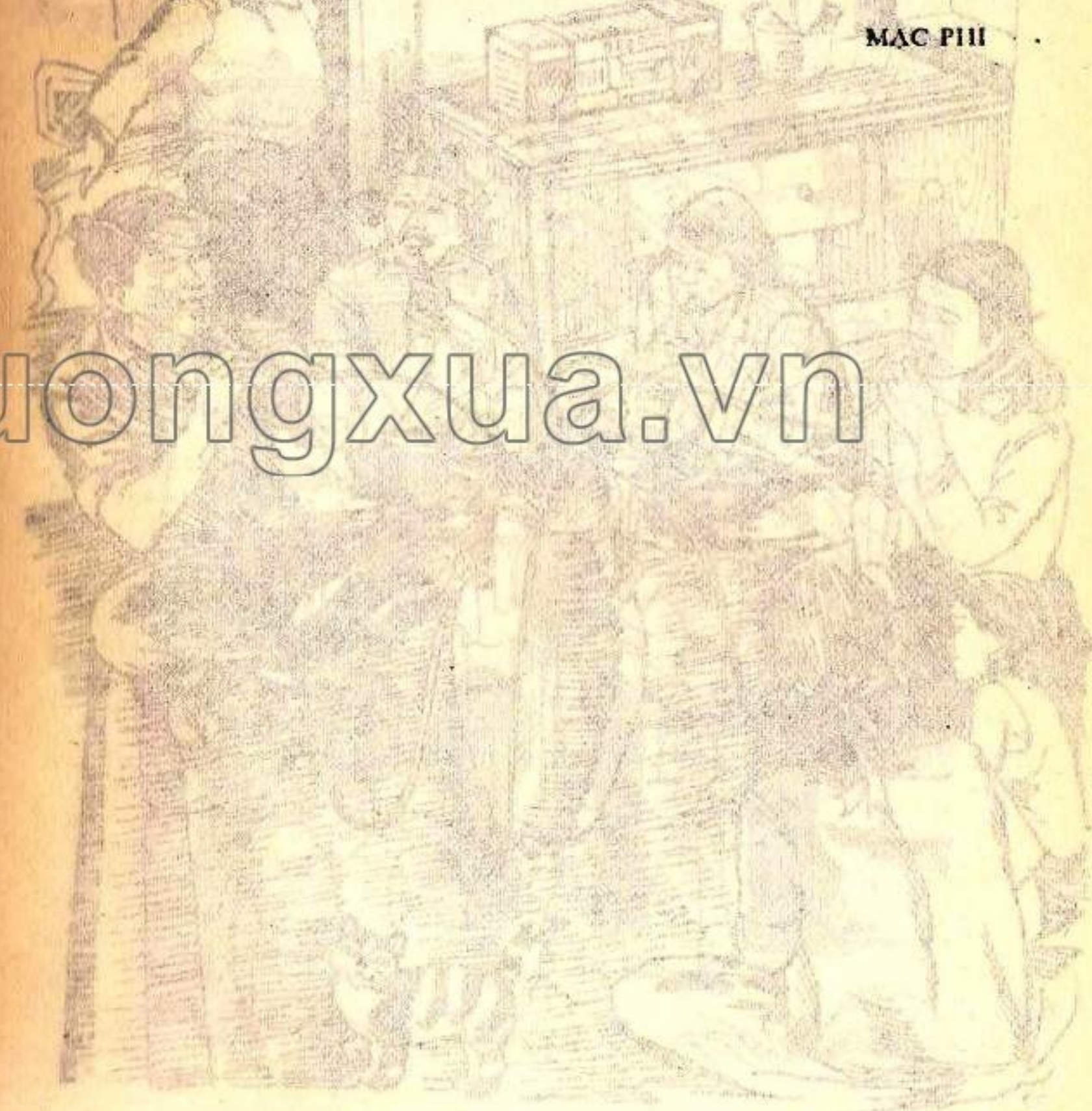
(Bài đọc thêm)

Hoa ban nở, thời khắc mùa xuân trôi nhanh. Trong khung cửa sổ hình chữ nhật, chợt in một cảnh trời núi, mây màu

da cam, núi sắc lam xa pha màu sắc tím gần, chen sắc biếc. Như có một bức tranh mây núi mới đã treo sẵn đấy, từ bao giờ. Sát chân bức tranh bỗng vạch ngang một con suối trắng, bóng người thong thả lội sang...

Trời đang bàng bạc màu tẻ. Chim én xập xòe sà xuống mái nhà, từng đôi én một. Bờ suối, trống thì thùng. Một bãi đất phẳng, phơn phớt cỏ gà, hung hung cỏ may. Áo chàm, áo trắng đan nhau như bướm đuổi. Quả còn tẻ cái đuôi công sắc sỡ cổ ngoi lên những đám mây trắng sáng chói dăng chân trời kia...

MẠC PHII



Chủ đề GIA ĐÌNH



TUẦN LỄ THỨ BẢY

TẬP ĐỌC

Bài 34

QUÀ TẶNG MÁ



Hôm tiễn Dũng đi dự Đại hội cháu ngoan Bác Hồ, má rất vui.

Ở Hà Nội, Dũng được vào Lăng viếng Bác. Dũng được các chú ở Lăng tặng huy hiệu Bác. Dũng mãi mãi tấm huy hiệu. Bỗng Dũng nhớ đến má. Dũng thưa:

– Thưa chú... cháu muốn xin thêm một tấm huy hiệu tặng má cháu.

– Được, ưu tiên cháu ít tuổi nhất đoàn nhé!

Dũng cẩn thận bỏ huy hiệu vào túi áo. Thế là Dũng có quà quý tặng má rồi.

Theo DINH TRUNG

TẬP ĐỌC

1. Từ ngữ

Đại hội cháu ngoan Bác Hồ, viếng Bác, mãi mãi, ưu tiên, tặng.

2. Đọc đúng

Tiến, viếng Bác, huy hiệu, Dũng.

3. Câu hỏi

a) Dũng đi dự Đại hội cháu ngoan Bác Hồ ở đâu?

b) Các chú ở Lăng tặng Dũng cái gì?

c) Tại sao Dũng lại xin thêm một tấm huy hiệu?

4. Luyện tập

– Tìm từ cùng nghĩa với các từ: *tiễn*, *tặng*.

– Đặt câu với từ: *tặng*.

5. Ghi nhớ

Dũng rất yêu quý mẹ.

TẬP NÓI

Giờ học

I – Đối thoại

– Buổi sáng vào học *lúc* mấy giờ?

– Lúc 7 giờ 30 phút.

– Buổi sáng học trong *bao* lâu?

– Học trong 3 giờ.

– Học từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

– Vâng.

II – Ghi nhớ

– Hỏi thời điểm làm một việc gì, dùng câu hỏi:

... *lúc* mấy giờ?

– Hỏi thời gian tiến hành một việc, dùng câu hỏi:

... *trong* bao lâu?

III – Luyện nói

Mẫu câu

– *Buổi sáng học trong bao lâu?*

– *Buổi sáng học 4 giờ.*

* Đọc:

– Bạn làm bài tập số 5 chưa?

– Mình làm xong rồi.

– Bạn làm trong *bao* lâu?

– Mình làm mất 15 phút.

– Từ trường về nhà bạn có xa không?

– Gần thôi.

– Đi bộ mất *mấy* giờ?

– Mất khoảng 2 giờ.

* Hãy hỏi bạn trong các trường hợp:

– Em muốn biết những việc làm của bạn em trong ngày làm mất bao nhiêu thời gian. Em hỏi, bạn em trả lời (từ 4 – 6 câu).

– Bạn em vừa làm xong bài tập làm văn, em muốn biết bạn làm mất bao nhiêu thời gian. Em hỏi, bạn em trả lời (từ 4 – 6 câu).

IV – Bài tập

1. Ở lớp

Đặt câu hỏi cho đoạn đối thoại:

- ...
- Mình tập thể dục buổi sáng từ 5 giờ đến 5 giờ 30 phút.
- ...
- Ăn sáng từ 6 giờ.
- ...
- Mất 30 phút.

2. Ở nhà

Điền vào chỗ trống những từ thích hợp:

- Buổi tối bạn bắt đầu học lúc...?
- Lúc 8 giờ.
- Bạn học trong...?
- Học khoảng 2 giờ. Còn bạn?
- Mình học từ ... đến...

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Quan sát bức tranh "Vào Lăng viếng Bác".

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn bức tranh. (Cảnh vẽ trong tranh là cảnh gì? Ở đâu?).

2. Quan sát Lăng Bác? (Lăng Bác tầng trên có hình dáng như thế nào? Tầng dưới có đặc điểm gì? Cửa vào Lăng như thế nào? Trên cửa Lăng có dòng chữ gì? Các chú bộ đội gác Lăng đứng như thế nào?).

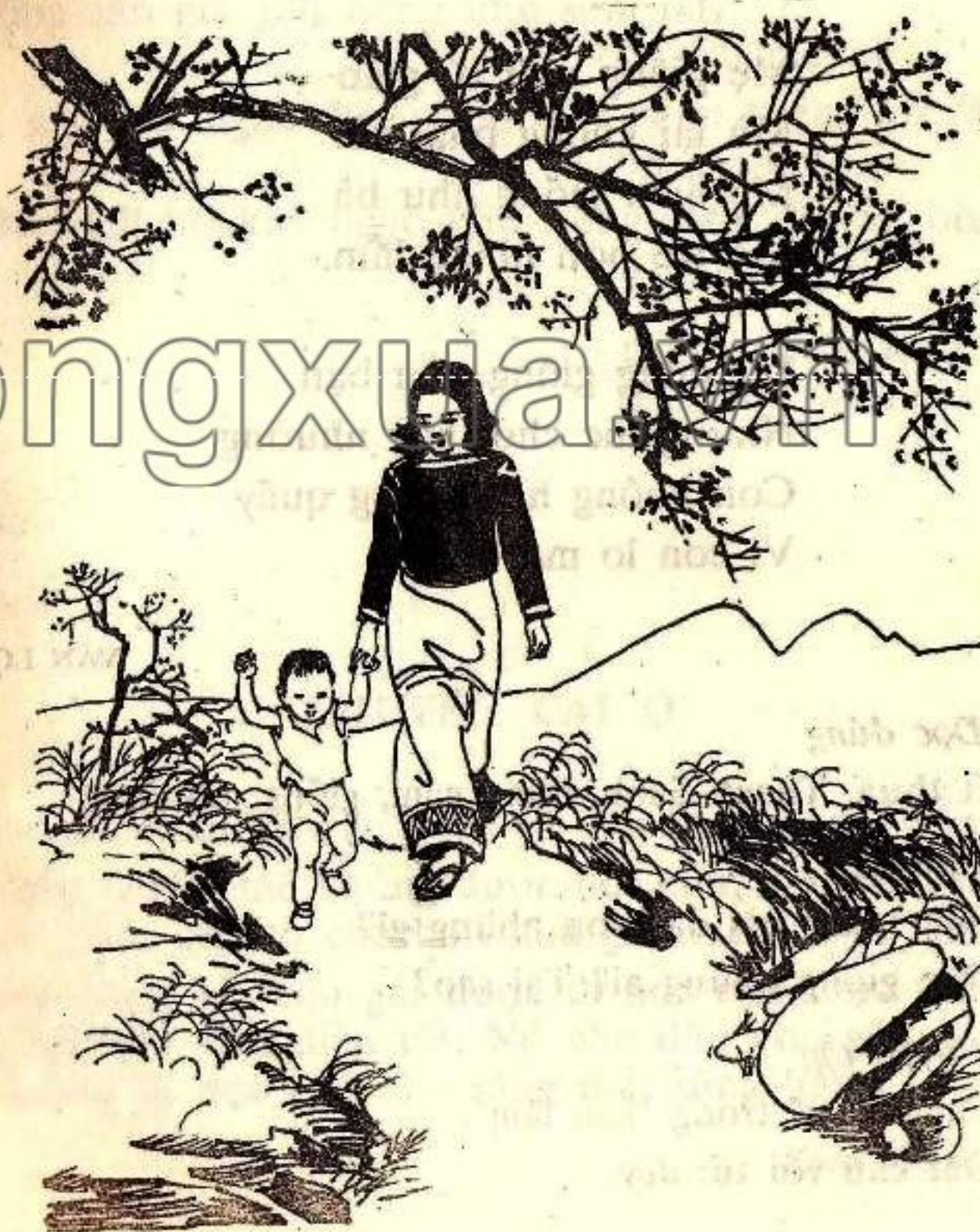
3. Quan sát đoàn, các bạn vào Lăng viếng Bác (Đoàn nào đang vào Lăng viếng Bác? Các bạn nhỏ có gì đặc biệt đáng chú ý? Hãy nêu nhận xét về một hai bạn, em quan sát rõ nhất?)

4. Em có cảm nghĩ gì sau khi xem bức tranh.

Bài 35

MẸ

(Học thuộc lòng)



Mẹ dạy con tập đi
Mẹ dạy con tập nói
Mẹ dạy con biết gọi
Mẹ dạy con biết thưa.

Dạy con yêu Thạch Sanh
Chàng trai nghèo dũng cảm.
Dạy con yêu cô Tấm
Lam làm và nết na.

Mẹ giống như cô giáo
Mà lại không phải cô.
Mẹ hiền giống như bà
Mà trẻ hơn nhiều lắm.

Mẹ cũng giống như bạn
Những lúc chơi hay nhường
Con không hư, không quấy
Vì con lo mẹ buồn.

VÂN LONG

1. *Đọc đúng*

Biết thưa, Thạch Sanh, dũng cảm, giống, nhường.

2. *Câu hỏi*

- a) Mẹ trong bài dạy con những gì?
- b) Mẹ giống những ai? Tại sao?

3. *Luyện tập*

- Thay "lam" trong "lam làm".
- Đặt câu với từ: *dạy*.

Bài 36

HÁT RU
(Bài đọc thêm)

Gà gáy rồi, xuống sân giã gạo, con gái của mẹ ơi!
Chim đã gáy lần đầu, xuống sân giã gạo, con gái của mẹ ơi!
Con chim đã vỗ cánh, xuống sân giã gạo,
con gái mẹ ơi!
Xuống sân giã gạo tiếng như sấm dậy,
con gái mẹ ơi!
Sấy gạo sao nghe được như đàn chim triền vỗ cánh,
con gái mẹ ơi!
Ngăn suốt tát khe nghe như tiếng sóng dậy xô bờ,
con gái mẹ ơi!

Dân ca dân tộc Vân Kiều
MAI VĂN TÂN sưu tầm

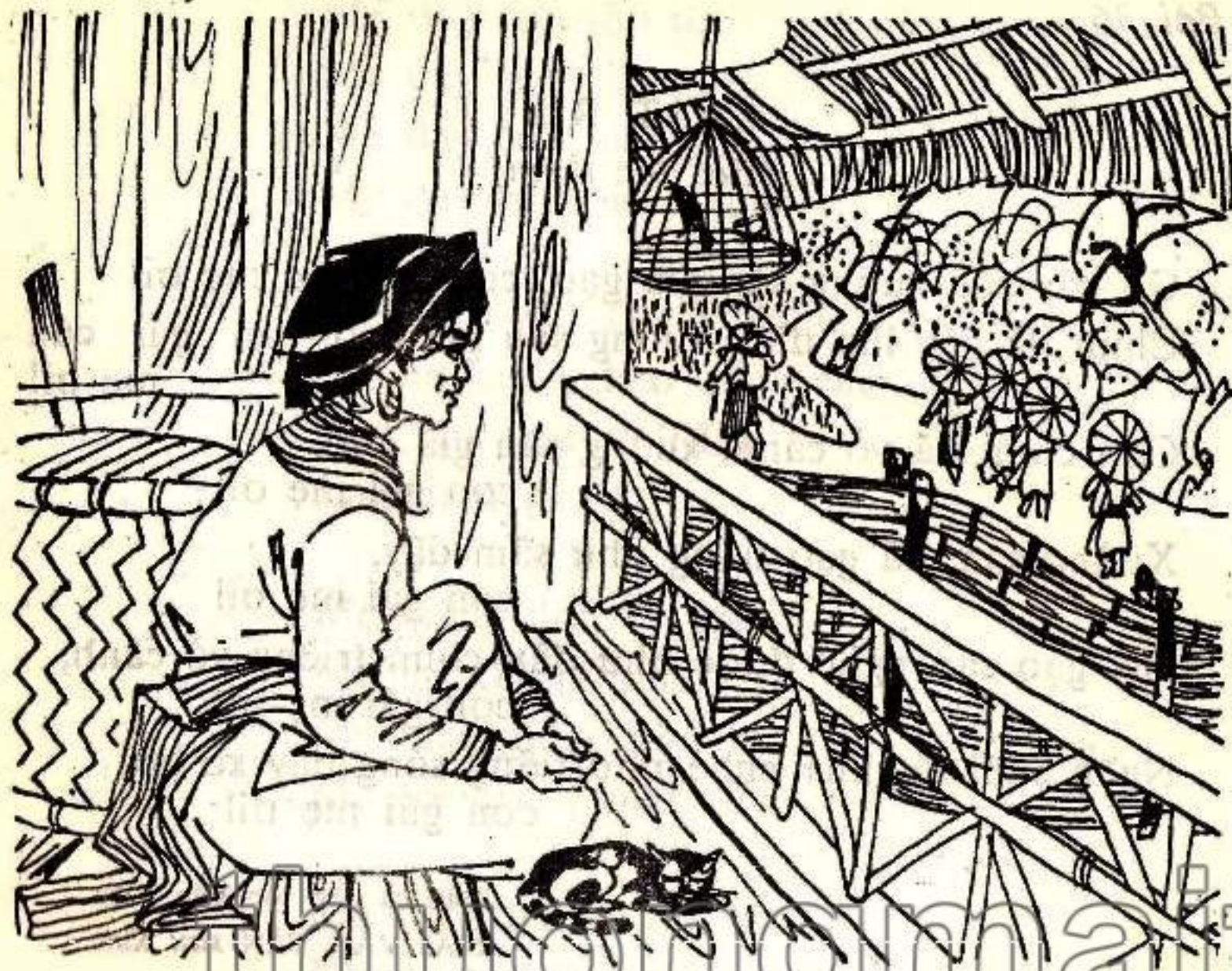
Bài 37

TẬP ĐỌC

CHUYỆN CÁI Ô

Nhìn các cháu gái che ô riu rít đến trường, mẹ Súa nghĩ:
– Ngày trước, mẹ không được học chữ, chỉ biết làm rẫy.
Lại còn phải múa ô cho bọn nhà giàu xem, cực lắm!
Cách mạng về, con gái được đi học chữ, học múa hát.
Cái ô bây giờ làm điều tốt. Nó che đầu con gái, con trai
trên đường đi học chữ cho sáng mắt sáng lòng.

Theo BÍCH HẬU



1. Từ ngữ

Cực, sáng mắt sáng lòng.

2. Đọc đúng

Ríu rít, chữ, trên đường, lũ trẻ.

3. Câu hỏi

a) Cái ô ngày trước cùng mẹ Súa làm gì?

b) Cái ô bây giờ làm điều tốt như thế nào?

4. Luyện tập

** – Thay "Sáng mắt sáng lòng" trong câu cuối của bài tập đọc.

– Đặt câu với từ: che ô.

5. Ghi nhớ

Cách mạng về, con gái được học chữ, học múa hát.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Chuyện cái ô.

1. Bài viết: "Nhìn các cháu... cực lắm!" "cái ô bây giờ... sáng lòng".

2. Viết đúng

– Ríu rít, ngày trước, làm rầy, nhà giầu.

– Điều tốt, trên đường, xuống chợ, sáng mắt.

3. Luyện tập

a) Ghép tiếng thành từ rồi đọc.

– Ghép cực với các tiếng: khổ, tích.

– Ghép nghĩ với các tiếng: suy, ngại.

b) Điền vào chỗ trống

– Lũ hay lũ: nước...; ...lũn.

– Giầu hay giàu: nhà...; ...lừa.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Quan sát bức tranh minh họa bài "Chuyện cái ô"

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

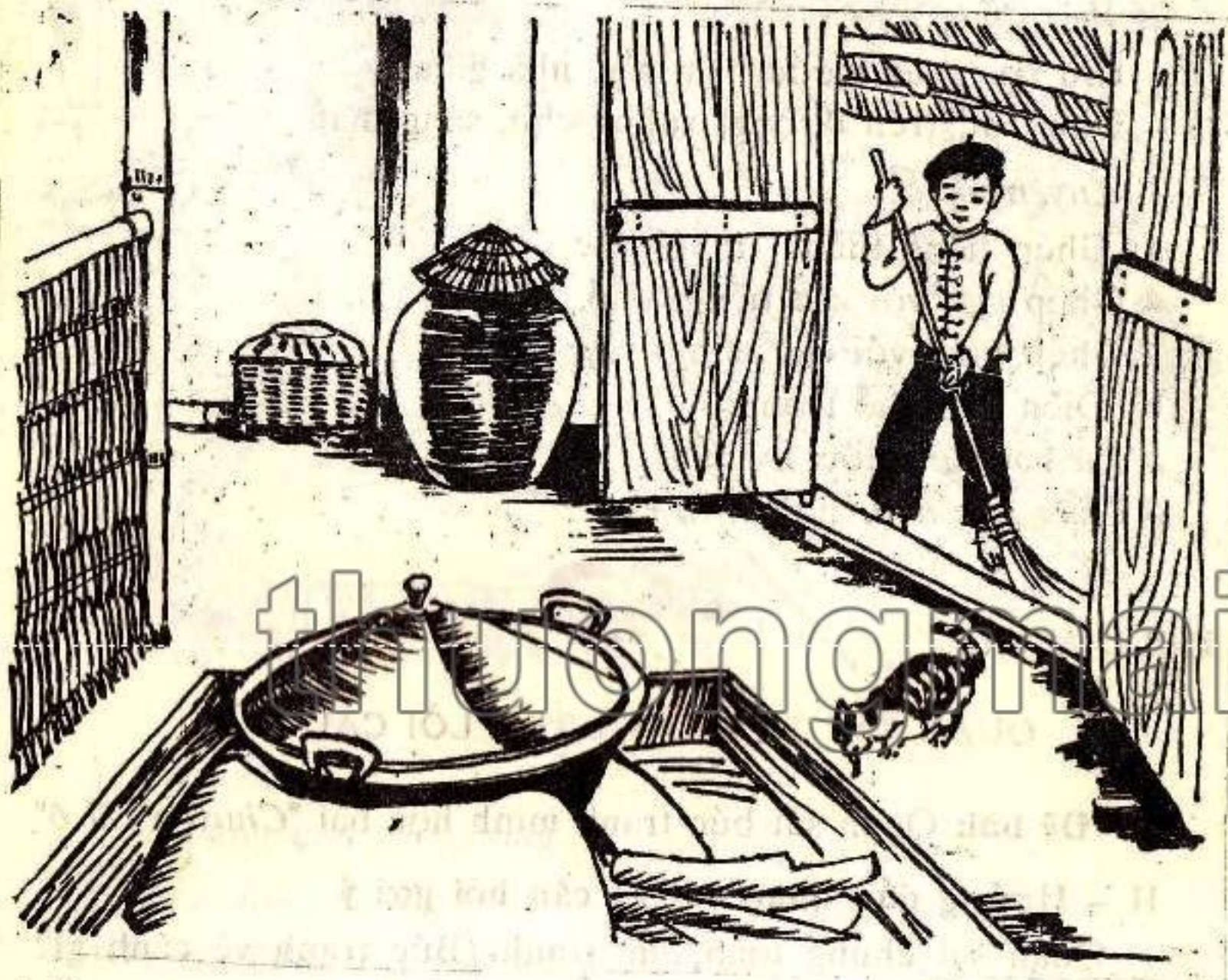
1. Quan sát chung toàn bức tranh (Bức tranh vẽ cảnh gì? Xảy ra ở đâu?).

2. Quan sát cảnh vật chung quanh (Cây cối chung quanh đoàn các bạn đi học có gì đặc biệt? Con đường các bạn đi có gì đáng chú ý?).

3. Quan sát đoàn các bạn nhỏ đi học (Các bạn ăn mặc thế nào? Tay đang cầm vật gì? Đặc điểm một hai bạn mà em quan sát rõ nhất.)

4. Quan sát mẹ Súa (Mẹ Súa có đặc điểm gì về hình dáng, cách ăn mặc? Nét mặt của Mẹ thế nào? Vì sao mẹ có nét mặt như vậy?).

NHÀ SÀN LỘNG GIÓ



Sáng nào Tước cũng dậy sớm. Quét sân xong, Tước lại cho gà ăn. Đợi cho bố mẹ đi làm, Tước thu dọn sân nhà. Ở nhà sàn mùa hè, hơi bếp làm cho căn nhà ngọt ngào. Bởi vậy, khi nấu cơm xong, bao giờ Tước cũng tắt bếp, vừa đỡ nóng lại vừa khỏi lo cháy nhà.

Nhờ tính đảm đang, cẩn thận ấy nên nhà của Tước bao giờ cũng thoáng đãng và gọn gàng.

Theo DỨC QUANG

TẬP ĐỌC

1. Từ ngữ

Thu dọn, ngọt ngào, đảm đang, thoáng đãng, gọn gàng.

2. Đọc đúng

Tước, nhà sàn, thoáng đãng.

3. Câu hỏi

a) Sáng sớm, Tước dậy sớm làm gì?

b) Khi bố mẹ đã đi làm, Tước ở nhà làm gì?

c) Tại sao nhà của Tước bao giờ cũng thoáng đãng, gọn gàng?

4. Luyện tập

– Nói theo mẫu:

Nhờ chăm học, Na được nhiều điểm tốt.

Nhờ chăm tập thể dục, Na...

Nhờ có bạn giúp đỡ, Na...

5. Ghi nhớ

Nhờ tính đảm đang cẩn thận, nhà của Tước bao giờ cũng thoáng đãng, gọn gàng.

Bài 39

CÂY TRE TRĂM ĐỐT

(Bài đọc thêm)

Ngày xưa có một anh trai cày hiền lành, khỏe mạnh, đi ở cho một lão nhà giàu. Anh rất chăm chỉ lại thạo việc đồng áng nên lão nhà giàu muốn anh làm lợi thật nhiều cho lão. Một hôm, lão gọi anh đến và ngon ngọt dỗ dành:

– Con chịu khó thức khuya dậy sớm làm lụng giúp ta, chờ quản nhọc nhằn. Ba năm nữa, ta sẽ gả con gái cho.

Anh trai cây tường lão nói thật, cứ thế làm quần quật làm giàu cho lão. Ba năm sau, nhờ công sức anh, lão chủ có thêm nhà mới, tậu thêm được ruộng, được vườn. Nhưng lão nhà giàu chẳng giữ lời hứa năm xưa. Lão đã ngấm ngấm nhận lời gả con gái cho con trai một nhà giàu khác trong vùng. Một hôm, lão làm ra vẻ thân mật bảo anh trai cây:

– Con thật có công với gia đình ta. Con đã chịu khó ba năm, trồng cây sắp đến ngày ăn quả. Cơ ngơi nhà ta chỉ còn thiếu cây tre trăm đốt, con gắng lên rừng tìm cho được, ta sẽ gả con gái cho.

Anh trai cày hì hụi trèo đèo lội suối, luồn hết bụi này bờ khác tìm kiếm mà chỉ thấy những cây tre thấp bé bình thường, cây cao nhất cũng chưa được năm chục đốt. Anh buồn quá, ngồi bung mặt khóc. Nghe tiếng khóc, Bụt hiện lên hỏi:

– Làm sao con khóc?

Anh trai cày thua rõ đầu đuôi câu chuyện. Bụt cười và bảo:

– Khó gì việc ấy! Con hãy chặt đủ một trăm đốt tre, đem xếp nối với nhau rồi hô: "Khắc nhập, khắc nhập" thì có ngay cây tre trăm đốt.

Nói xong, Bụt biến mất. Anh trai cây làm đúng như lời Bụt bảo, quả nhiên cả trăm đốt tre dính liền nối với nhau làm thành cây tre đủ trăm đốt. Anh sung sướng nâng lên vai vác về. Nhưng cây tre dài quá, vướng bờ vướng bụi, không sao đưa ra khỏi rừng được. Anh lại ngồi xuống khóc. Bụt lại hiện lên hỏi:

– Cây tre trăm đốt có rồi, sao con còn khóc?

Anh nói cây tre dài quá không vác về nhà được. Bụt liền bảo:

– Con hãy hô: "Khắc xuất, khắc xuất", những đốt tre ấy sẽ rời ra!

Anh làm theo lời Bụt, tự nhiên cây tre rời ra trăm đốt, anh kiếm dây rừng buộc làm hai bó, mừng rỡ gánh về.

86

Lúc anh về tới nơi, thấy hai họ đang ăn uống linh đình và sửa soạn đón dâu, anh mới biết là lão nhà giàu đã lừa anh và đã lén lút đem con gái gả cho người khác. Anh giận lắm nhưng không nói năng gì. Anh lặng lẽ xếp trăm đốt tre nối nhau và hô: "Khắc nhập, khắc nhập". Một cây tre đúng trăm đốt tươi xanh óng ả hiện ra trước mắt mọi người. Lão chủ thấy lạ, chạy lại gần xem. Anh đọc luôn: "Khắc nhập, khắc nhập". Lão ta dính ngay vào cây tre, không tài nào rút ra được. Lão thông gia thấy vậy chạy lại định gỡ cho nhà chủ. Anh đợi cho hắn tới gần, rồi lại đọc: "Khắc nhập, khắc nhập". Thế là lão ta cũng dính chặt luôn vào cây tre. Hai lão nhà giàu kêu khóc thảm thiết, van lạy anh trai cày, xin anh gỡ ra cho và hứa trước hai họ sẽ gả con gái cho anh ngày hôm đó. Lúc bấy giờ anh mới khoan thai đọc: "Khắc xuất, khắc xuất". Tức thì cả hai lão nhà giàu kia rời khỏi cây tre và cây tre cũng chia thành trăm đốt. Anh trai cày làm lễ cưới cô gái và hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc suốt đời.

Truyện cổ dân tộc Kinh
VŨ TỬ NAM kể

– Cơ ngơi: Gồm nhà cửa, ruộng đất, vườn tược và các tài sản khác.

– Khắc nhập: dính vào nhau ngay.

– Khắc xuất: rời nhau ra ngay.

– Thông gia: hai gia đình có con cái lấy nhau.

[illegible]

87

Bài 40

TẬP ĐỌC

HẠNG A CHÁNG



A Cháng mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, bắp tay bắp chân rắn như trắc gụ. Vóc cao, vai rộng, người đứng thẳng như cái cột đá.

A Cháng cày thật giỏi. Hai tay A Cháng nắm đốc cày, mắt nhìn đường cày. Khi A Cháng đi bên trái, lúc tạt qua phải theo đường cày uốn lượn. Có lúc được sá cày thẳng, người anh như rạp hẳn xuống, đôi chân xoải dài hoặc bậm những bước ngắn, gấp gáp.

Theo MA VĂN KHÁNG

1. Từ ngữ

Vóc, đốc cày, sá cày, rạp xuống.

2. Đọc đúng

Bắp tay, bắp chân, uốn lượn, rạp hẳn xuống.

3. Câu hỏi

- a) A Cháng rất khỏe và đẹp, từ ngữ nào nói lên điều đó?
- b) A Cháng cày giỏi như thế nào?

4. Luyện tập

– Tìm từ tả A Cháng, theo mẫu:

Bắp tay bắp chân rắn như trắc gụ.

Đôi mắt sáng như...

Tóc đen như...

5. Ghi nhớ

Cháng khỏe, cày bừa giỏi.

TẬP NÓI

Chăm học

I – Đối thoại

- Bây giờ mấy giờ rồi bạn nhỉ?
- 6 giờ.
- Bạn Kim vẫn chưa đến à?
- Chưa.

– Ta cũng đến gọi bạn Kim nhé?

– Nào, ta cùng đi!

II – Ghi nhớ

Dạng câu hỏi ở cuối câu có từ: *nhì, nhé*.

III – Luyện tập

1. Mẫu câu 1:

Bây giờ mấy giờ rồi bạn nhì?

* Đọc:

– Hôm nay là thứ mấy *nhì*?

– Hôm nay là thứ 2.

– Không biết bạn An được điểm mấy chính tả *nhì*?

– Bạn An được điểm 9 chính tả.

– Bạn An giỏi thật.

– Ngày chủ nhật tới, bạn có đi cắm trại không?

– Mình có đi.

– Liệu hôm đó trời có mưa không *nhì*?

– Bạn cứ đem ni lông đi cho chắc chắn.

Em muốn mượn bạn An quyển sách, nhưng không biết ý bạn An thế nào. Em hỏi bạn An xem.

2. Mẫu câu 2:

– Ta cùng đến gọi bạn Kim nhé?

* Đọc:

– Bạn làm thủ công xong chưa? Giúp mình với!

– Chiều nay bạn tới nhà mình nhé?

– Bạn đợi mình lúc mấy giờ nào?

– 1 giờ chiều.

– Ngày mai bạn đi học chứ?

– Có.

– Nhớ chờ tôi nhé?

– Mình sẽ đợi.

+ Hãy mời bạn đi xem phim. Hẹn với bạn giờ đi xem.

+ Hôm qua bạn Na không đi học. Hãy nói với bạn lời dặn của cô giáo để ngày mai bạn đi học.

IV – Bài tập

1. Ở lớp

Điền vào chỗ trống những từ thích hợp:

– Ngày mai bạn đến nhà tôi...?

– Đến làm gì?

– Thế bạn không nhớ ngày mai là ngày gì à?

– Ngày 22 tháng 12 mà.

– Bạn nhớ đến...?

– Mình sẽ đến.

2. Ở nhà.

– Ghi lại những lời dặn dò của bố mẹ với con cái trong nhà trước khi bố mẹ đi nương.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài:

Quan sát bức tranh minh họa bài "*Hạng A Cháng*"

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn bức tranh (Bức tranh vẽ cảnh gì? Ở đâu?).

2. Quan sát khung cảnh chung quanh Hạng A Cháng (Cảnh vật chung quanh có gì đặc biệt? Thửa ruộng, những đường cây có những đặc điểm gì đáng chú ý?).

3. Quan sát cảnh Hạng A Cháng cày ruộng (Cách Hạng A Cháng cầm cày? Tư thế của A Cháng được vẽ trong tranh khi đang cày?).

4. Cảm tưởng của em khi xem bức tranh?

NGỌN LỬA

(Học thuộc lòng)



Ngọn lửa tự đâu ra
Bếp nhà ai cũng có
Reo bập bùng trước gió
Như chơi trò ú tim.

Vốn tính lửa rất hiền
Soi đèn cho em học
Lửa thương người khó nhọc
Biến gạo thành cơm thơm.

Tự hôm nào ấy nhĩ
Lửa đã vào nhà em
Cho tay mẹ khêu đèn
Cho tay bà ủ trấu.

Biết bao điều yêu dấu
Em khum bàn tay nhen.

Trích VŨ QUẦN PHƯƠNG

1. Đọc đúng

Ngọn lửa, thương người, biết bao điều.

2. Câu hỏi

a) Tìm trong bài xem ngọn lửa có ở những đâu trong cuộc sống?

b) Ngọn lửa giúp con người những gì?

3. Luyện tập

Nói theo mẫu sau:

Biến... thành...

Thí dụ: Biến gạo thành cơm thơm.

ÔN BỐ MẸ

(Bài đọc thêm)

Bố mẹ dạy lớn khôn thông hiểu
Địu trên nường và mớm miếng cơm
Dạy ăn nói lời khôn nết tốt
Bao nhiêu ngày khó nhọc với con.

Có nuôi con mới biết công bố mẹ
 Đã nuôi mình từ nhỏ thế nào
 Con ốm bố mẹ không ngủ được.
 Con vui bố mẹ nở hoa lòng.

"Dân ca đám cưới Tày - Nùng"
 NÔNG MINH CHÂU sưu tầm, dịch

Bài 43

TẬP ĐỌC

ĐI LÀM NƯƠNG



Ở làng người Khơ Mú, đến mùa đi làm nương thì mọi nhà đều vắng tanh.

Trên nương, mỗi người một việc. Người lớn thì đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé đi tìm chỗ bắc bếp thổi cơm. Các bà mẹ cúi lom khom tra ngô.

Những khi đi làm nương xa, chiều không về kịp, mọi người ngủ lại trong lều. Những bữa cơm tối, các gia đình quây quần quanh đồng củi bùng bùng cháy.

Theo TÔ HOÀI

1. Từ ngữ

Vắng tanh, cúi lom khom, bắc bếp.

2. Đọc đúng

Làm nương, mỗi người một việc, bữa cơm tối.

3. Câu hỏi

- Ở làng người Khơ Mú đến mùa đi làm nương có gì đặc biệt?
- Hãy kể những việc làm của những người ở trên nương?
- Khi làm nương xa, người làm nương sinh hoạt thế nào?

4. Luyện tập

Nói theo mẫu:

Mỗi... một

Thí dụ: Mỗi ngày một tốt hơn.

5. Ghi nhớ

Ngày làm nương, trên nương mỗi người một việc.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Đi làm nương.

- Bài viết: "Trên nương... bùng cháy".

2. Viết đúng

- Trên nương, việc, chỗ, thổi cơm.
- Bữa cơm, quây quần, quanh.

3. Luyện tập

a) Ghép tiếng thành từ rồi đọc:

- Ghép *thổi* vào các tiếng: gió, sáo, cơm.
- Ghép *bắc* vào các tiếng: cầu, thang, phương.

b) Điền vào chỗ trống:

- *Bữa* hay *bữa*:... cơm, ... đôi.
- *Tra* hay *cha*: người..., ... ngô.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT TRANH VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I - Đề bài: Quan sát bức tranh minh họa bài "Đi làm nương"

II - Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn bức tranh (Bức tranh vẽ cảnh gì? Xảy ra ở đâu?).
2. Quan sát khung cảnh chung quanh (Khung cảnh chung quanh có gì đặc biệt?).
3. Quan sát cảnh mọi người làm việc (Người đang cày ruộng có động tác và dáng điệu thế nào? Các cụ già đang làm gì? Các bà mẹ làm công việc gì? Động tác thế nào? Các chú bé làm công việc gì?).
4. Em có thể đặt cho bức tranh những tên gì?

TẬP ĐỌC

ÔN TẬP

1. Tập đọc

- Đọc bài: Quà tặng má.
Hạng A Cháng.

- Đọc đúng: Huy hiệu, ưu tiên, cẩn thận, uốn lượn, rạp hẳn xuống.

- Đọc thuộc lòng bài: Mẹ.

2. Câu hỏi

- a) Dũng xin thêm một tấm huy hiệu để làm gì?
- b) A Cháng cày giỏi như thế nào?

3. Luyện tập

- Nói tiếp câu

Ở Hà Nội, Dũng được...

Ở Hà Nội, Dũng nhớ...

- Đặt câu với từ: *tặng, tiễn*.

Bài 44

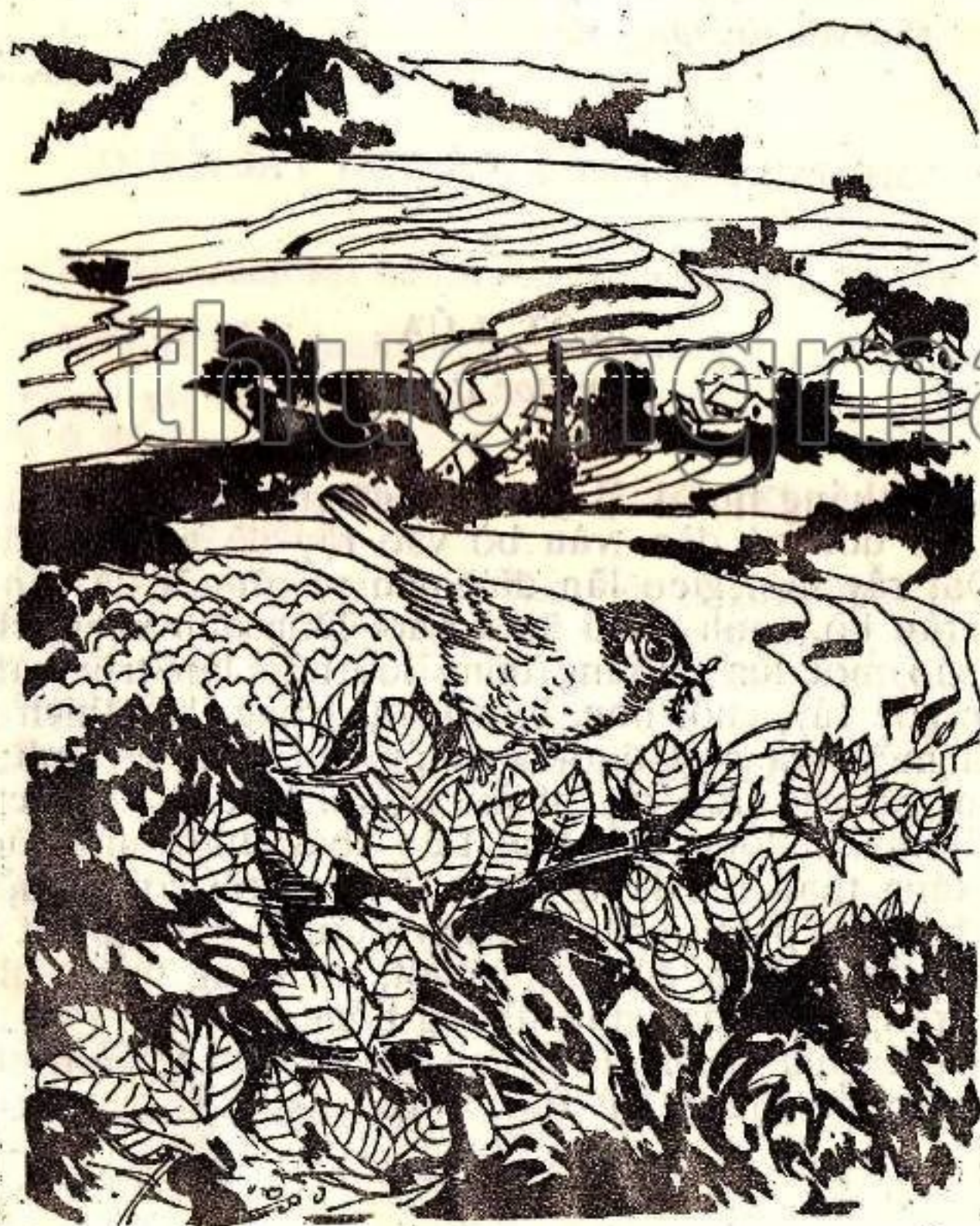
MÓT LÚA

(Bài đọc thêm)

Vào vụ tháng mười. Bà con kẻ gặt, người gánh lúa rẫy. Chúng tôi dồn cả đàn trâu bò vào rẫy đã gặt cho ăn rạ tươi. Đất rẫy mới gieo lần đầu nên rạ rất tốt, lá vẫn còn xanh. Trâu bò tranh nhau ăn ào ào. Dồn đàn xong, chúng tôi sà vào mót lúa. Những bông lúa nếp lùn trĩu hạt lặn vào các gốc cây, chồi non, bị bỏ sót, trông thật thieh mắt. Bọn tôi mỗi đứa mót được một ôm to. Trời se lạnh. Cúi gộc nằm rải rác trên rẫy nhiều vô kể. Chúng tôi vác đòn lại, chất thành đống, đốt lửa. Lửa cháy được một lúc thì những tảng than rực hồng rã ra. Chúng tôi cời than, đưa những bông nếp lùn chắt hạt lên nướng. Những hạt thóc tươi gặp than hồng, nóng đột ngột, nở bung thành những hạt nổ trắng ngần đẹp như những bông hoa mơ, hoa mận, ăn vừa dẻo vừa thơm. Bọn con gái vốn cần mẫn, chúng thích cắn chắt những hạt thóc chín.

NGUYỄN QUỲNH

CHIM VÀNH KHUYÊN



Sáng sáng có con chim vành khuyên thường bay đến vườn chè. Con chim bé nhỏ, lông vàng vàng, chung quanh mắt viền một vòng tròn trắng trắng. Nó dùng cái mỏ bé như que tăm, mổ nhẹ vào những con sâu. Mỗi lần chim bay đến, những con sâu độc ác lại bị chú chim khuyên trừng trị.

Có chim khuyên cần mẫn, những bông hoa chè nở đầy, trắng muốt. Nương chè man mác thơm, theo gió bay đi mãi xa.

Theo NGUYỄN THẾ KIỂM

1. Từ ngữ

Vàng vàng, trắng trắng, trừng trị, cần mẫn.

2. Đọc đúng

Chim vành khuyên, vườn chè, trừng trị, cần mẫn, trắng muốt, hương chè.

3. Câu hỏi

- Tìm những từ ngữ tả hình dáng chim vành khuyên?
- Chim vành khuyên bay đến vườn chè để làm gì?
- Nhờ đâu mà hoa chè nở đầy, trắng muốt?

4. Luyện tập

- Tìm những từ chỉ màu sắc giống như từ: *Trắng trắng*.
- Tìm những từ chỉ màu trắng: *trắng muốt*...

5. Ghi nhớ

Chim vành khuyên cần mẫn bắt sâu cho chè.

TẬP NÓI

Tại sao?

I – Đối thoại

- Tại sao hôm nay bạn Lan nghỉ học nhỉ?

- Bạn Lan nghỉ học vì bạn ấy ốm.
- Nhà bạn có ở gần nhà bạn Lan không?
- Có.
- Bạn nhớ giúp bạn Lan học bài nhé!
- Tất nhiên.

II – Ghi nhớ

- Câu hỏi nguyên nhân: *Tại sao...* (Vì sao)?
Trả lời: *Vì...* (Bởi vì...)
- Từ: *Giúp* (giúp ai? làm gì?)

III – Luyện nói

* Đọc:

- *Tại sao* bạn Niên bị điểm 2 Toán nhỉ?
- *Vì* hôm qua bạn Niên không học bài.
- Hôm nay bạn Khiêm không đi học phải không?
- Đúng rồi.
- *Tại sao* bạn Khiêm lại nghỉ học?
- *Vì* hôm qua bạn Khiêm ốm.
- *Tại sao* bạn Khiêm ốm?
- *Vì* bạn Khiêm đi nắng không đội mũ.

* Đặt câu hỏi và trả lời theo các cặp từ sau:

- | | |
|--------------------------------|------------------------|
| - Tiến Vạn đau bụng | - Tiến Vạn ăn quả xanh |
| - Hữu Thanh học giỏi | - Hữu Thanh chăm học |
| - Y Sấn được mọi người yêu mến | - Y Sấn học giỏi |
| - Ruộng khô nứt nẻ | - Trời nắng lâu ngày |
| - Vườn quả sai trái | - Chăm sóc cẩn thận. |

Thí dụ:

- Tại sao bạn Tiến Vạn đau bụng?
- Bạn Tiến Vạn đau bụng vì bạn Tiến Vạn ăn quả xanh.

IV – Bài tập

1. Ở lớp

Điền vào chỗ trống những từ thích hợp:

- ... sách của bạn bạn thế?
- ... mình đánh đổ mực vào sách.
- ... quần áo bạn lại rách thế?
- ... mình bị gai cào trên đường đi học.
- Sắp đến 7 giờ chưa bạn?
- ... bạn lại hỏi giờ?
- ... mình hẹn gặp bạn Tiến Thành.

2. Ở nhà

+ Viết câu hỏi và trả lời, dựa theo những cặp từ ngữ sau:

- | | |
|------------------|--------------------|
| - Đến lớp muộn | - Ngủ dậy muộn |
| - Em Thi sạch sẽ | - Thường xuyên tắm |

+ Tự đặt 2 câu hỏi và trả lời theo mẫu câu mới học.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT VẬT THẬT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: *Lớp học của em*

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn lớp học (Lớp học của em nằm ở đâu? Đặc điểm và hình dáng bên ngoài có nét gì nổi bật).

2. Quan sát bức tường trước mặt (Bức tường trước mặt học sinh cao hay thấp, quét vôi màu gì? Trên tường có treo những vật gì?)

3. Quan sát các đồ vật trong lớp học (Lớp học có những đồ vật gì? Các đồ vật đó được kê như thế nào?).

4. Cảm tưởng của em khi quan sát lớp học.

NGÀY BẮT ĐẦU TỪ ĐÂU?

(Học thuộc lòng)



Đêm dài chưa qua hết
Mà mẹ đã dậy rồi
Ngọn lửa hồng của bếp
Mẹ nhen trước mặt trời.

Khi con bừng tỉnh giấc
Có nắng trời tỏa lan
Đã có bình nước ấm
Ủ chờ con trên bàn.

Chẳng còn một vì sao
Để mách cho con biết
Rằng ngày đã bắt đầu
Từ ánh hồng lửa bếp.

Trích LAM LA

1. Đọc đúng

Mặt trời, tỉnh giấc, vì sao, biết, lửa bếp.

2. Câu hỏi

a) Mẹ nhen lửa vào lúc nào?

b) Khi con thức dậy đã có gì chờ đợi?

c) Đọc khổ thơ thứ 3 em biết: ngày bắt đầu từ đâu?

3. Luyện tập

– Tìm từ gần nghĩa với từ *nhen*, *mách*.

– Những từ nào trong bài cho em cảm giác ấm.

Bài 47

NẮNG TO

(Bài đọc thêm)

Nắng to

Tranh lo đốt

Đến mùa nước dội mưa to.

Buôn làng ta vui vẻ biết bao

Sung sướng thay, nhớ hồi nào ta mong đợi

Này đây, đất nước ta lớn lên rồi

Này đây, nỗi khổ buôn làng đã qua

Năm tháng ta hằng mong chờ.

Đóa hoa *hơ rừng*, đóa hoa *hori*
Ta đợi cho trâu bò chung đi một đường
Trùng trùng... rầm rập...
Ta đợi mừng ngày nước lớn
Năm qua ta đón ta đợi
Em hỡi! đóa hoa *hori*.

Dân ca dân tộc Gia Rai
RƠ CHĂM YỖN sưu tầm
VÕ QUANG NHƠN dịch

Bài 48

TẬP ĐỌC

CON CHÓ MỒ CÔI

Con chó vàng vừa đẻ mấy hôm thì mẹ nó bị hổ vồ. Tôi thay mẹ nó nuôi nó khôn lớn. Con vàng trở thành bạn của tôi. Tôi đi học về, đuôi nó vẫy tít, đầu nó ngúc ngoắc đầy tình cảm.

Đi đâu nó cũng lập được công. Khi thì nó chộp được con chồn. Khi thì nó sủa giúp tôi tránh được một con rắn độc... Đối với tôi, con vàng thân thiết và đáng tin cậy biết chừng nào.

Theo VŨ TÚ NAM

1. Từ ngữ

Vồ, vẫy tít, chộp, đáng tin cậy, mồ côi.

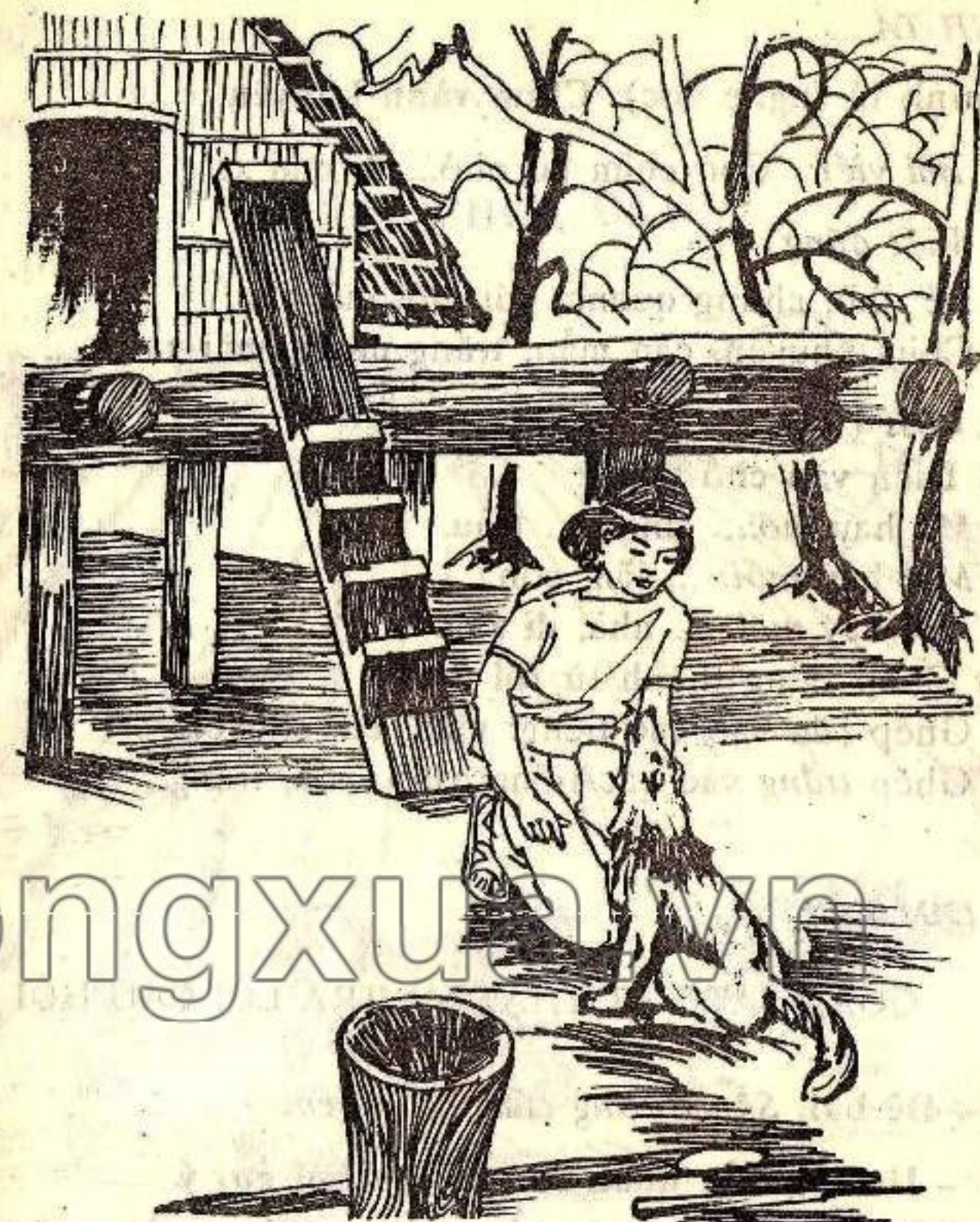
2. Đọc đúng

Nuôi, đuôi, vẫy tít, ngúc ngoắc, thân thiết.

3. Câu hỏi

a) Do đâu con chó mồ côi trở thành bạn của tác giả?

b) Con chó đã lập được những công gì?



4. Luyện tập

Đặt câu theo mẫu:

– Đi đâu nó cũng lập được chiến công.

Thí dụ:

Làm gì bạn An cũng cẩn thận.

5. Ghi nhớ

Con chó mồ côi đi đâu cũng lập được công.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Chim vành khuyên

1. Bài viết: "Con chim bé nhỏ... đi mãi xa".
2. Viết đúng
 - Bé nhỏ, chung quanh, cái mỏ, mổ nhẹ.
 - Chim khuyên, cần mẫn, trắng muốt, mãi xa.
3. Luyện tập
 - a) Điền vào chỗ trống:
 - Mỏ hay mõ: ... chim; ... trâu.
 - Mỗi hay mối: ... lần, con...
 - Mãi hay mái: ... nhà, đi xa...
 - b) Ghép tiếng thành từ rồi đọc:
 - Ghép cần vào các tiếng: mẫn, cù, chuyên.
 - Ghép trắng vào các tiếng: tinh, xóa, trắng.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT VẬT THẬT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Sân trường của trường em

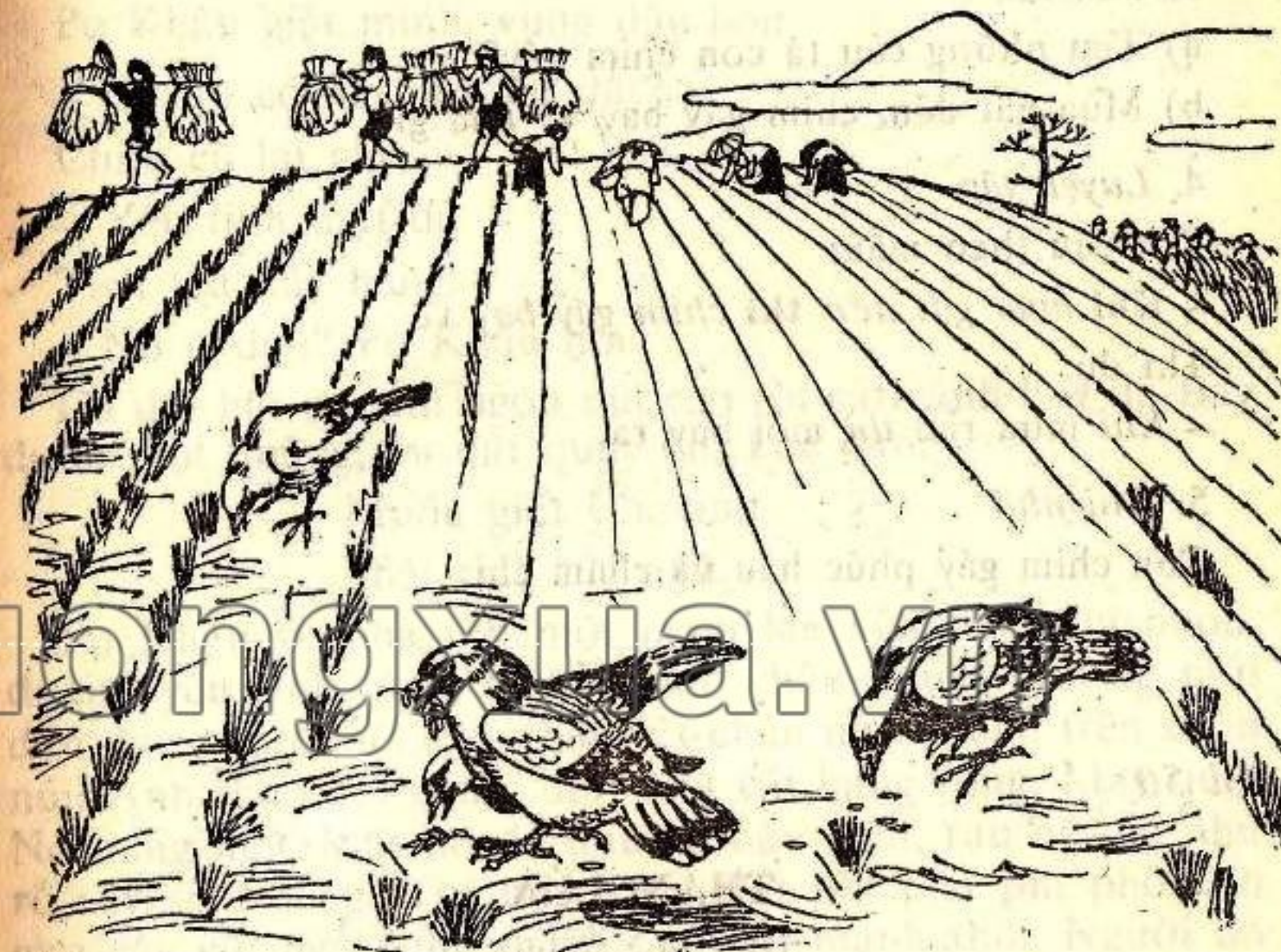
II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn sân trường (Sân trường nằm ở đâu so với lớp em? Sân trường rộng hay hẹp?)
2. Quan sát phía bên phải sân trường (Phía bên phải sân trường có những vật gì, ở vị trí nào? Đặc điểm của một vài vật đáng chú ý?).
3. Quan sát phía bên trái sân trường (Có những vật gì, cây gì phía bên trái sân trường? Đặc điểm của một vài vật đáng chú ý).
4. Quan sát phần giữa sân trường (Ở giữa sân trường có những vật gì? Đặc điểm của chúng).
5. Em nghĩ gì khi quan sát sân trường.

Bài 49

TẬP ĐỌC

CON CHIM GÁY



Con chim gáy hiền lành. Đôi mắt nâu trầm ngâm. Cái bụng mìn muốt. Cổ yếm đầy hạt cườm lấp lánh biêng biếc.

Khi mùa gặt đến thì chim gáy bay về. Sớm sớm, từng đàn chim gáy sà xuống những thửa ruộng vừa gặt quang. Chim gáy nhặt thóc rụng. Chim gáy tha thẩn nhặt nhanh, cặm cùi sau người đi mót lúa.

Con chim gáy phúc hậu và chăm chỉ; con chim mỡ màng no ấm của mùa gặt hái tháng mười.

TÔ HOÀI

1. Từ ngữ

Chim gáy, mịn mượt, lấp lánh, tha thẩn, phúc hậu.

2. Đọc đúng

Hiền lành, mịn mượt, hạt cườm, biêng biếc, thừa ruộng.

3. Câu hỏi

a) Tìm những câu tả con chim gáy?

b) Mùa gặt đến, chim gáy bay về làm gì?

4. Luyện tập

Đặt câu theo mẫu:

– Khi mùa gặt đến thì chim gáy bay về.

Thí dụ:

– Khi mưa rào thì mối bay ra.

5. Ghi nhớ

Con chim gáy phúc hậu và chăm chỉ.

Bài 50

THẦN LÚA

(Bài đọc thêm)

Ngày xưa có một người đàn bà nghèo, tuổi cao rồi mới sinh được một cậu con trai. Bà đặt tên con là Pọ Khâu, ý mong mỗi con sẽ không phải ăn trái cây, lá rừng quanh năm suốt tháng như mình. Pọ Khâu lớn lên rất khỏe. Sức vật ngã cả trâu đực.

Pọ Khâu rất yêu thương mẹ. Mẹ ốm nặng, Pọ Khâu lo lắng. Ai mách thuốc gì, ở đâu, dù phải leo đèo, lội suối, Pọ Khâu cũng đi. Nhưng không thuốc nào chữa khỏi. Thật ra, bà mẹ đói, thèm bát cơm.

Một hôm trên đường đi tìm lá thuốc cho mẹ, Pọ Khâu nằm nghỉ bên bờ suối. Một con chim cu đất bay qua gáy:

– Muốn mẹ khỏi đau

Lấy lúa cho mau

Về ăn thì khỏi.

Pọ Khâu giật mình, vùng dậy hỏi:

– Ở đâu có lúa, hỡi cu đất?

Chim cu lại gáy:

– Yêu tinh mặt đỏ

Tích lúa đầy hang.

– Nó ở đâu? Pọ Khâu hỏi.

Cu đất hất mỏ chỉ ngọn núi cao rồi cất cánh bay đi. Bay được một quãng, cu đất quay lại, khẽ dặn:

– Muốn giết yêu tinh

Phải rình lúc ngủ.

Pọ Khâu về nhà rèn một ngọn lao vừa dài, vừa nhọn, đi tìm yêu tinh. Anh đi hết chín châu, mười ruộng mới đến được ngọn núi cao, thấy vết chân nó chi chít trên sườn núi. Anh theo vết chân, đến một cái hang rộng. May quá! Nó đang ngủ. Mặt nó đỏ như củ nâu chín, râu nó dài như rễ cây si. Nó ngáy to như sấm, thờ phì phà phì phò làm cho cây cối ngã nghiêng như có gió mạnh thổi. Người nó to bằng mười con voi.

Con yêu tinh vẫn ngáy như sấm, thờ phì phà phì phò. Nó bồng há miệng. Pọ Khâu nhanh như sóc, bám vào râu nhảy phắt lên cổ nó, phóng luôn mũi lao vào cuống họng yêu tinh. Nó kêu rống lên đau đớn rồi khạc khạc... Mũi lao phóng mạnh quá, cắm ngập vào cổ họng nó rồi. Nó giãy giụa, máu chảy ào ra như suối.

Pọ Khâu bị nó hất một cái bay ra cửa hang. Anh ngất đi. Một lúc sau, tỉnh lại, anh vào hang thấy yêu tinh mặt đỏ đã nằm chết cứng.

Đúng như cu dất nói, thóc lúa chất đầy cả hang. Pọ Khâu xúc một gùi thóc mang về rồi gọi dân bản lên cùng lấy. Pọ Khâu xay lúa, giã thành gạo, nấu cơm, làm bánh cho mẹ ăn. Quả nhiên, mẹ được ăn cơm, ăn bánh, bệnh giảm dần rồi khỏi hẳn. Cũng từ đó dân bản có thóc ăn, không ai phải ăn trái cây, lá rừng như trước nữa. Mọi người ra sức phát nương, trồng lúa, cuộc sống trong bản ấm no vui hẳn lên.

Về sau, để nhớ ơn Pọ Khâu, ngày giỗ ngày tết bao giờ người ta cũng đặt cúng trên bàn thờ một mâm gạo trắng.

PHONG CHIÊU kể

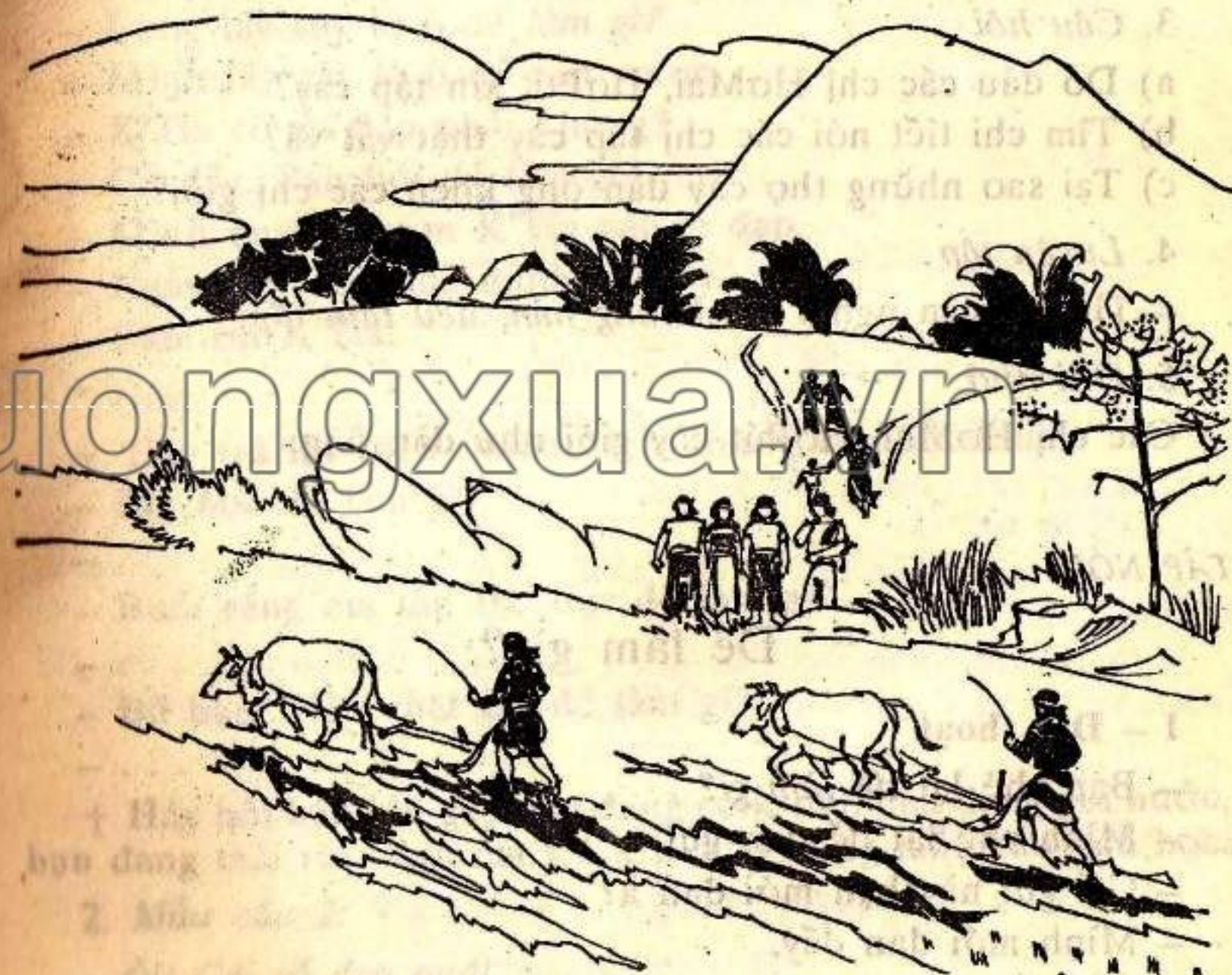
+ Pọ Khâu: Bố Lúa.

TUẦN LỄ THỨ MƯỜI

Bài 51

TẬP ĐỌC

THỢ CÀY BUÔN PAO



Vụ này, Buôn Pao thiếu thợ cày. Các chị HơMai, HơPư xin dôi sản xuất được tập cày.

Ngày đầu tập cày, mấy chú bò thật ương ngạnh. Đang đi thẳng, chúng rẽ ngang. Đến góc ruộng, chúng lại bước lên bờ đi thẳng. Bùn đất bê bết nhưng các chị vẫn không nản.

Sau một tuần, các chị đã cày thao. Đường cày các chị thẳng băng, đất lật, úp nhau đều tăm tắp. Những thợ cày đàn ông cũng khen các chị giỏi.

Theo THUẬN VI

1. Từ ngữ

Thợ cày, ương ngạnh, đều tăm tắp.

2. Đọc đúng

Buôn-Paọ, sản xuất, ương ngạnh, ruộng, đường cày.

3. Câu hỏi

- Do đâu các chị HơMai, HơPút xin tập cày?
- Tìm chi tiết nói các chị tập cày thật vất vả?
- Tại sao những thợ cày đàn ông khen các chị giỏi?

4. Luyện tập

– Tìm từ gần nghĩa với không nản, đều tăm tắp.

5. Ghi nhớ

Các chị HơMai, HơPút cày giỏi như đàn ông.

TẬP NÓI

Để làm gì ?

I – Đối thoại

- Bạn chẻ lạt để làm gì?
- Mình chẻ lạt để đan gùi.
- Cái gùi này bạn mới đan à?
- Mình mới đan đấy.
- Ôi! cái gùi đẹp quá!

II – Ghi nhớ

- Câu hỏi có "để làm gì?" chỉ mục đích của việc làm.
- Thêm tiếng "quá" vào sau các từ: hay, đẹp, xấu, thích... để chỉ mức độ hay, đẹp, xấu, thích... của một vật, việc làm... (thường để khen, chê).

III – Luyện nói

1. Mẫu câu 1:

– Bạn chẻ lạt để làm gì?

– Mình chẻ lạt để đan gùi.

* Đọc:

– HơLan cuốc đất để làm gì?

– HơLan cuốc đất để trồng rau.

– Long đi đâu đấy?

– Mình đi rừng, lấy cây lồ ô.

– Long lấy cây lồ ô để làm gì?

– Mình lấy cây lồ ô để rào vườn.

– K'Tía có xe đạp phải không?

– Có đấy. Bạn hỏi để làm gì?

– Mình muốn mượn K'Tía cái xe đạp.

– Ngày mai đến nhà mình mà lấy.

– Cảm ơn K'Tía.

* Nói:

+ Hãy trả lời theo nhiều cách những câu hỏi sau:

– Em học để làm gì?

– Buổi sáng em tập thể dục để làm gì?

– Bố bạn Niên chặt tre để làm gì?

– ...
+ Hãy hỏi bạn khi gặp bạn đang cuốc đất, bạn đang gùi nước, bạn đang mài rìu. Bạn em trả lời. Nhớ dùng mẫu câu vừa học.

2. Mẫu câu 2:

– Ôi! Cái rô đẹp quá!

* Đọc:

– Cái cặp này của bạn à?

– Của mình đấy.

– Cái cặp đẹp quá!

– Hà ơi, tiếng ai hát ấy nhỉ?

– Bạn Liêu hát.

– Bạn Liêu hát *hay quá!*

* Em sẽ nói thế nào khi bạn em có quyển sách mới, bức tranh đẹp, bông hoa tươi.

Em nói thế nào khi muốn khen bạn em: cười tươi; mặc quần áo mới; học giỏi.

IV – Bài tập

Bài tập về nhà:

1. Tìm hai câu hỏi và các câu trả lời theo mẫu 1.

2. Tìm những câu dùng khi khen một bạn có giọng hát hay, múa giỏi.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT VẬT THẬT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: *Cây rau*

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung cây rau (cây rau em đang quan sát là rau gì? To hay nhỏ?).

2. Quan sát phần lá (Lá cây nhiều hay ít? Đặc điểm của một, hai chiếc lá?).

3. Quan sát phần thân và gốc (Thân cây rau có đặc điểm gì? Gốc cây có gì đáng chú ý? Dáng chung của cây thế nào?).

Bài 52

CHUYỆN KÌ LẠ THẬT

(Học thuộc lòng)

Hạt vùng bé xiu

Hạt lúa vàng thon

Hạt khế nâu tròn

Kia là hạt mít...

114

Ông bảo mai ngày
Dem gieo xuống đất
Cháu chăm tưới nước
Nở thành cây con.

Gỗ mít vàng au
Xẻ ra đóng tủ.
Mẹ phơi quả vùng
Lấy hạt làm bánh.
Thân lúa mảnh khảnh
Nên cối gạo thơm.

Ôi kì lạ thật
Cùng bao thứ khác
Đều nằm trong hạt
Bé tí tèo teo.

Trích HOÀNG HỮU

1. *Đọc đúng*

Chuyện, gieo xuống, tưới nước, mảnh khảnh.

2. *Câu hỏi*

a) Ông và cháu trong bài gieo trồng hạt gì?

b) Hãy kể: những hạt đó sau này thành những gì?

c) Hãy kể những chuyện kì lạ của những hạt khác?

3. *Luyện tập*

– Tìm những từ gần nghĩa với: bé xiu,...

– Tìm những từ chỉ màu vàng: vàng au,...

Bài 53

BÀI CA GIEO HẠT

(*Bài đọc thêm*)

Ta bắt đầu gieo

Hãy cho đêm mưa ngày nắng

115

Bao ngày nó dặng nút vó
 Bao đêm nó dặng nầy mằm
 Nó nỡ lời dâm lải
 Lợn rừng không dám lại gần
 Mang, nai không lần đến phá
 Để được nuôi, được cả cái ăn
 Được lúa, được thóc
 Được rẫy, được nhà!
 Hỡi ông Núi, bà Non
 Hỡi ông Cồn, bà Khe
 Hãy nghe, ông Đất bà Dai
 Hỡi ông *boring*, hỡi cây *hara*
 Cho rẫy dơm hoa tươi tốt!

Dân ca dân tộc Ba Na
 VÕ QUANG NHƠN sưu tầm, dịch

Bài 54

TẬP ĐỌC

LẤY MẬT ONG

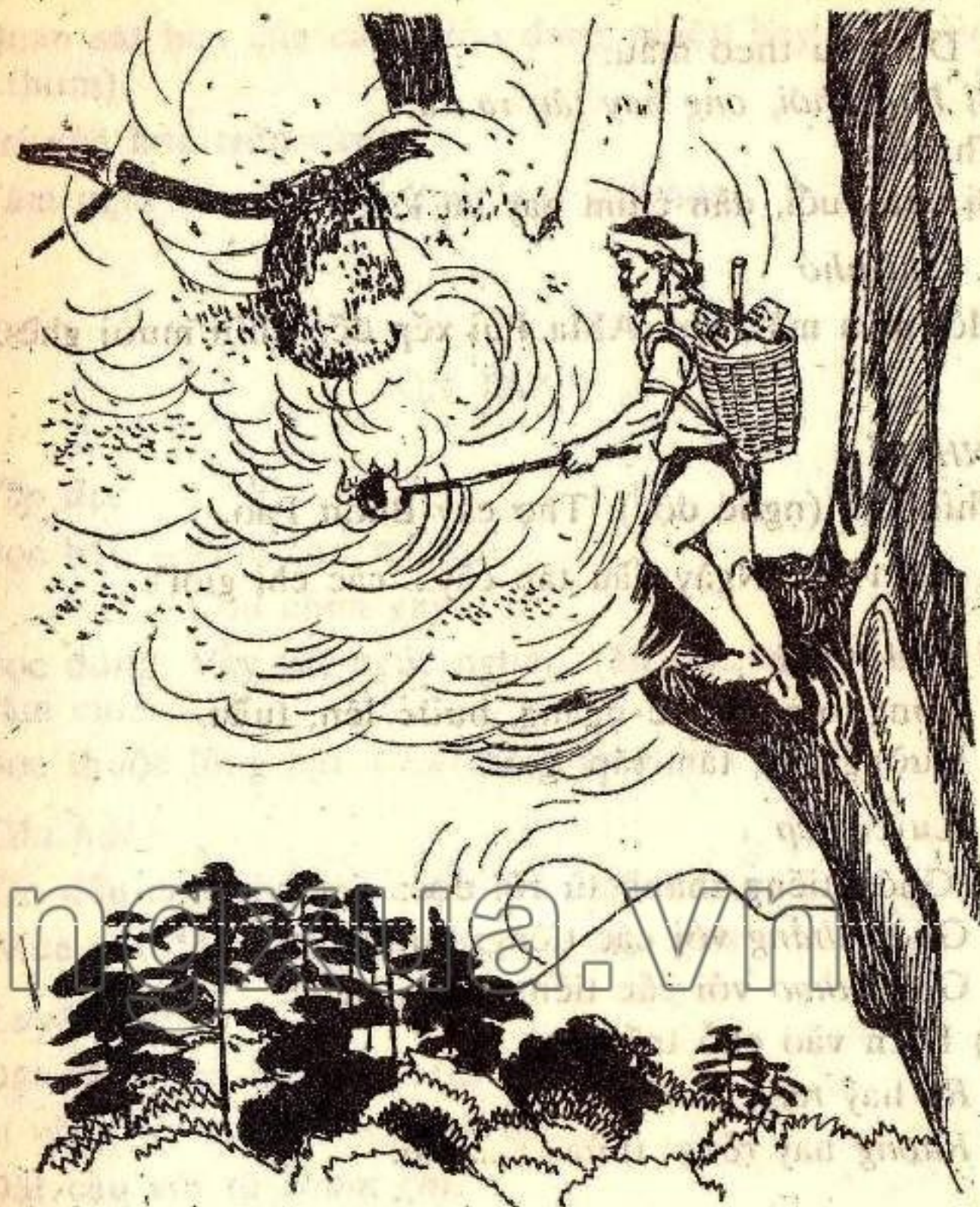
Mặt trời tắt nắng, AMa Pui dắt dao vào rừng tìm mật ong.

Tìm được cây a rít, AMa quăng chiếc thang dây cho nó bám vào cành cây. AMa leo lên như một con sóc. Từng đàn ong đồng loạt bay vù ra khỏi tổ, bay loạn xạ. Bị hun khói, ong bỏ tổ bay tản ra xa. AMa Pui dùng dao sắc xé từng tầng mật bỏ vào gùi.

Mỗi mùa mật, nhà AMa Pui xếp đến chín, mười ghè mật to.

QUỐC KHÁNH

- Cây arít: một loại cây trong rừng Trường Sơn, ong hay làm tổ.
- Ghè: giống như chum nhưng thân thon hơn.



1. Từ ngữ

Tắt nắng, đồng loạt, loạn xạ, tầng mật.

2. Đọc đúng

Đồng loạt, loạn xạ, dao sắc.

3. Câu hỏi

a) AMa Pui vào rừng tìm mật ong khi nào?

b) AMa Pui làm thế nào để lấy được mật ong?

4. Luyện tập

- Tìm từ gần nghĩa với: đồng loạt.

– Đặt câu theo mẫu:

Bị hun khói, ong bay tản ra xa.

Thí dụ:

Bị xua đuổi, đàn chim bay vù lên.

5. Ghi nhớ

Mỗi mùa mật, nhà AMA Pui xếp đến chín mươi ghè mật to.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Thợ cày Buôn Pao.

1. Bài viết: "Ngày đầu tập cày... các chị giỏi".

2. Viết đúng

– Ương ngạnh, rẽ ngang, bước lên, tuần.

– Đường cày, tằm tấp, giỏi.

3. Luyện tập

a) Ghép tiếng thành từ rồi đọc:

– Ghép *thẳng* với các tiếng: đường, nói.

– Ghép *thạo* với các tiếng: việc, nghề.

b) Điền vào chỗ trống:

– Rẽ hay rẽ... trái; giá...

– Ruộng hay rộng: thửa...; ... rãi.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT VẬT THẬT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: *Cây hoa trong sân trường (vườn trường) em.*

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn cây hoa (Cây hoa em đang quan sát là cây gì? Mọc ở đâu? To hay nhỏ? Cây đã có hoa chưa?).

2. Quan sát tán cây hoa (Tán cây hoa có gì đặc biệt? Cảnh cây và các nhánh cây thế nào? Lá của cây có đặc điểm gì?).

3. Quan sát hoa của cây (Hoa đang nhiều hay ít? Màu sắc, hương thơm)

Vị trí của hoa trên cây?

4. Cảm nghĩ của em khi quan sát cây hoa.

TẬP ĐỌC

ÔN TẬP

1. Tập đọc

– Đọc bài: – Con chó mỡ côi.

– Con chim gáy.

– Đọc đúng: Vẩy tít, ngúc ngoắc, rắn độc, mịn mượt, biêng biếc, cặm cùi.

– Đọc thuộc lòng bài: *Chuyện kì lạ thật.*

2. Câu hỏi

a) Do đâu con chó mỡ côi trở thành bạn của tác giả?

b) Mùa gặt đến, chim gáy bay về làm gì?

3. Luyện tập

– Đặt câu theo mẫu, với từ: *trở thành.*

Con vàng trở thành bạn của tôi.

– Đặt câu với từ *chăm chỉ.*

Con chim gáy chăm chỉ nhặt thóc rơi.

Bài 55

TRÂU MIN

(Bài đọc thêm)

Càng ngày bọn trẻ chúng tôi càng nhận ra những nét khác thường ở Trâu Min. Đôi khi trông nó xoắn xang khác thường

tương như cảm nhận được một dấu hiệu bí mật nào đó giữa đất trời khiến nó không yên. Từ trên gò cao, nó cất cao đầu mình mòng mênh. Bỗng nó đi như chạy xuống đồi. Khi thì nó đi theo đường đất, lúc nó lại lao sầm xuống suối lặn dọc theo dòng suối, chỉ chừa hai lỗ mũi để đến cụm đồi bên kia. Chúng tôi hiểu ra lúc đó Trâu Mìn đánh hơi thấy ở cụm đồi nào đó đang có hổ rình rập. Những lúc rừng có hổ, đầu nó ngẩng phất lên, mặt đón gió đánh hơi. Rồi nó lắc lắc cặp sừng rộng. Đôi mắt nó ánh lên tia lửa, long lanh sáng. Mũi nó hít hít trong không gian. Rồi nó lao đi những bước vững chãi, quả cảm về phía hổ. Nó đảo quanh một vòng men theo các triền núi. Khép dần dần trâu bò lại không để sót một con nào, rồi đưa cả đàn ra cửa rừng. Bây giờ đàn trâu bò, mẹ nào con nấy, có trâu bò đực đi kèm âm ầm tiến ra đồng trống.

Trên đường về, thường nó đi cuối đàn. Cũng có lúc từ cuối đàn nó cất vó theo lẽ đường đi nhanh lên phía trước. Vừa đi nó vừa văng sừng vào bụi rậm. Rồi từ đầu đàn nó quay lộn xuống cuối đàn, cũng lại vừa đi vừa dọn đường như thế. Có khi nó xé ngang rừng chạy miết đi một thời dài mới quay trở về với đàn. Chắc hẳn nó đuổi theo hút bóng con hổ. Những lúc ấy lũ trẻ chúng tôi vững tâm tay rựa, tay đá cũng xé rừng chạy theo, vừa ném vừa hò hét hỗ trợ cho nó.

NGUYỄN QUỲNH

TUẦN LỄ THỦ MUỖI MỘT

Bài 56

TẬP ĐỌC

CÂU CHUYỆN BÓ DỪA



Gia đình họ có bốn người con, một hôm người cha cầm bó dừa và bảo:

– Trong các con, ai bẻ gãy được bó dừa, cha sẽ thưởng.

Bốn anh em không sao bẻ gãy được bó dừa.

Người cha lấy ra từng chiếc, bẻ gãy một cách dễ dàng:

Bốn người con nói:

– Thừa cha, bẻ từng chiếc thì có khó gì!

Người cha nói:

– Đúng! nếu chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Vậy các con phải biết hợp sức lại, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau để có sức mạnh.

Truyện ngụ ngôn Việt Nam

1. Từ ngữ

Không sao bẻ được, chia lẻ ra, hợp sức lại, thương yêu, đùm bọc.

2. Đọc đúng

Câu chuyện, thường, từng chiếc, bẻ gãy, thương yêu, lẫn nhau.

3. Câu hỏi

a) Bốn người con có bẻ được bó đũa không? Tại sao?

b) Người bố có bẻ được chiếc đũa lẻ không? Tại sao?

c) Câu chuyện bó đũa cho em bài học gì?

4. Luyện tập

Nói theo mẫu câu:

– Nếu chia lẻ ra thì yếu.

Thí dụ:

– Nếu đoàn kết thì có sức mạnh.

5. Ghi nhớ

Nếu chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh.

TẬP NÓI

Nhà bà ngoại

I – Đọc

Lần đầu Tân cùng mẹ tới thăm nhà ông bà ngoại. Mẹ Tân giới thiệu:

– Đây là bà ngoại, đây là ông ngoại.

Tân chào:

– Cháu chào ông bà ngoại ạ!

Mẹ Tân lại giới thiệu:

– Đây là cậu Thi, vợ của cậu là mợ Thu.

– Cháu chào cậu, mợ ạ!

Mẹ Tân lại nói:

– Đây là em cậu Thi, con gọi dì Bình, chồng dì Bình là chú Bào.

– Cháu chào dì, chú ạ!

– Còn đây là các con của cậu, mợ, dì, chú; là các em của con.

– Chào các em!

II – Ghi nhớ

– Bố mẹ của mẹ, em gọi là ông bà ngoại.

– Anh, chị của mẹ, em gọi là bác.

– Em trai của mẹ, em gọi là cậu; vợ của cậu em gọi là mợ.

– Em gái của mẹ, em gọi là dì; chồng của dì em gọi là chú.

– Các con của cậu, mợ, dì, nhiều hay ít tuổi hơn em, em gọi là em.

III – Luyện nói

– Hãy hỏi và kể về những người trong gia đình bà ngoại.

Trong lời kể có: ông ngoại, bà ngoại, dì, chú, cậu, mợ...

– Em Tân của em vừa từ bên ngoại về, em hãy hỏi em Tân về công việc, sức khỏe của những người bên ngoại.

IV – Bài tập

1. Ở lớp

* Hãy xem Bình nói chuyện với ai

Bính: – Em sang đây làm gì đó?

Thọ: – Em sang tìm thuốc.

Bính: – Ai bị đau vậy? Bà ngoại à?

Thọ: – Không, em Hiền bị đau.

Bính: – Thế chú đâu?

Thọ: – Bố em đi vắng.

Bính: – Còn cậu Thanh?

Thọ: – Bác Thanh đi chợ chưa về.

2. Ở nhà

* Hãy ghi tên cậu, mợ, chú, dì và các con của họ.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT VẬT THẬT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Cây to cạnh trường (hoặc lớp) em.

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn bộ cây (Cây em đang quan sát là cây gì? To hay nhỏ? Mọc ở đâu?).

2. Quan sát phần gốc cây (Gốc cây to hay nhỏ? Gốc cây có đặc điểm gì đáng chú ý?).

3. Quan sát phần tán cây (Tán cây nhìn từ xa có đặc điểm gì? Đến gần, các cành cây có gì đặc biệt? Các vòm lá có gì đáng chú ý?).

4. Quan sát một vài chiếc lá (Hình dáng của nó thế nào? Đặc điểm mặt trên hoặc dưới của chiếc lá?). Có thể nghe thấy tiếng lá cây khi có gió không?

5. Cảm tưởng của em khi quan sát cây.

Bài 57

BÀ

(Học thuộc lòng)

Bà thường dậy sớm nấu cơm

Lay em thức giấc thường thơm má hồng.

Tóc bà trắng tựa mây bông
Chuyện bà như giếng cạn xong lại đầy

Di đâu bà cũng dặt tay

Gặp ai bà cũng thường hay hỏi chào.

Bà như một tán cây cao

Ménh mang bóng mát nghiêng vào đời em.

NGUYỄN THUY KHÁ



1. Đọc đúng

Dậy sớm, thức giấc, chuyện, giếng, nghiêng.

2. Câu hỏi

a) Buổi sớm bà thường làm gì?

b) Câu thơ "Chuyện bà như giếng cạn xong lại đầy" ý nói điều gì?

* * c) Em hiểu hai câu:

Bà như một tán cây cao

Mênh mang bóng mát nghiêng vào đời em
như thế nào?

3. Luyện tập

– Đặt câu theo mẫu:

Buổi sáng, em thường dậy sớm nấu cơm.

Thí dụ:

Buổi sáng, em thường tập thể dục.

– Nói theo mẫu:

Tóc trắng như bông.

Thí dụ:

Tóc đen như gỗ mun.

Bài 58

CÂU ĐỐ

(Bài đọc thêm)

1. Sinh ra ta đã cùng tên
Anh ở dưới đất tôi trên bầu trời
Rồi tôi thành hạt mưa rơi
Cần buộc rõ rá giúp người cố anh.
(là hai thứ gì?)

2. Là quả không mọc trên cây
Gội mưa, hứng gió, dầm mây dãi dầu
Trăm năm cũng chả bạc đầu
Ngàn năm cũng chẳng đi đâu một lần.
(là quả gì?)

Bài 59

TẬP ĐỌC

CHÁY NHÀ



Trong làng có nhà bị cháy. Cả làng đổ rá tìm cách dập đám cháy. Riêng có một người hàng xóm, nhà ngay bên cạnh vẫn trùm chắn, nghĩ:

– Cháy nhà hàng xóm, chẳng việc gì mình phải lo.

Nào ngờ, lửa mỗi lúc một to, gió mạnh làm lửa bén sang mái nhà ông ta. Lúc bấy giờ người kia mới chồm dậy, chạy cuống cuống tìm cách dập lửa. Nhưng không kịp, nhà cửa, của cải ông ta đã bị thiêu cháy sạch.

Ngụ ngôn Việt Nam

1. Từ ngữ

Cả làng đổ ra, lo, bấn, chạy cuống cuống.

2. Đọc đúng

Riêng, trùn chấn, gió mạnh, thiêu cháy sạch.

3. Câu hỏi

a) Trong làng có nhà cháy, cả làng làm gì? Có người hàng xóm nghĩ sao?

b) Nhà người hàng xóm có bị cháy không? Tại sao?

c) Qua bài "cháy nhà", em có suy nghĩ gì?

4. Luyện tập

– Tìm từ gần nghĩa với từ: lo, bấn, thiêu.

– Đặt câu với từ: đổ ra.

Thí dụ:

Cả làng đổ ra đồng gặt lúa.

5. Ghi nhớ

Giúp đỡ nhau khi gặp hoạn nạn.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Câu chuyện bó đũa.

1. Bài viết: "Bốn anh em... sức mạnh".

2. Viết đúng

– Bẻ gãy, bó đũa, dễ dàng, từng chiếc.

– Chia lẻ, thương yêu, hợp sức.

3. Luyện tập

Điền vào chỗ trống:

– Dễ hay dễ:.... dàng, con...

– Gãy hay gãy:.... gà..., bẻ...

– Gãy hay gãy:.... đàn,.... cành.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT VẬT THẬT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Con gà (hay vịt).

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn thân con gà (Con gà giống gì? To hay nhỏ? Trống hay mái?).

2. Quan sát đặc điểm bên ngoài con gà (lông gà có màu sắc thế nào? Đầu, mào, mỏ... có gì đặc biệt? Chân của nó ra sao?).

3. Quan sát một vài hoạt động của con gà. (chọn một vài hoạt động: bới đất tìm mồi, gáy, đi lại trong sân... để quan sát: Nó có những động tác gì? Lúc đó, đặc điểm bên ngoài của nó có gì đáng chú ý?).

4. Quan sát con gà, em có cảm nghĩ gì?

Bài 60

TẬP ĐỌC

HỘT MẶN

Mẹ đặt đĩa mận ở trên bàn, để ăn sau bữa cơm. Va-ni-a thèm lắm. Lúc không có ai ở trong phòng, em ăn một quả.

Sau bữa cơm, bố hỏi:

– Các con đứa nào đã ăn mận?

Mọi người trả lời là không ăn. Va-ni-a cũng nói:

– Con không ăn.

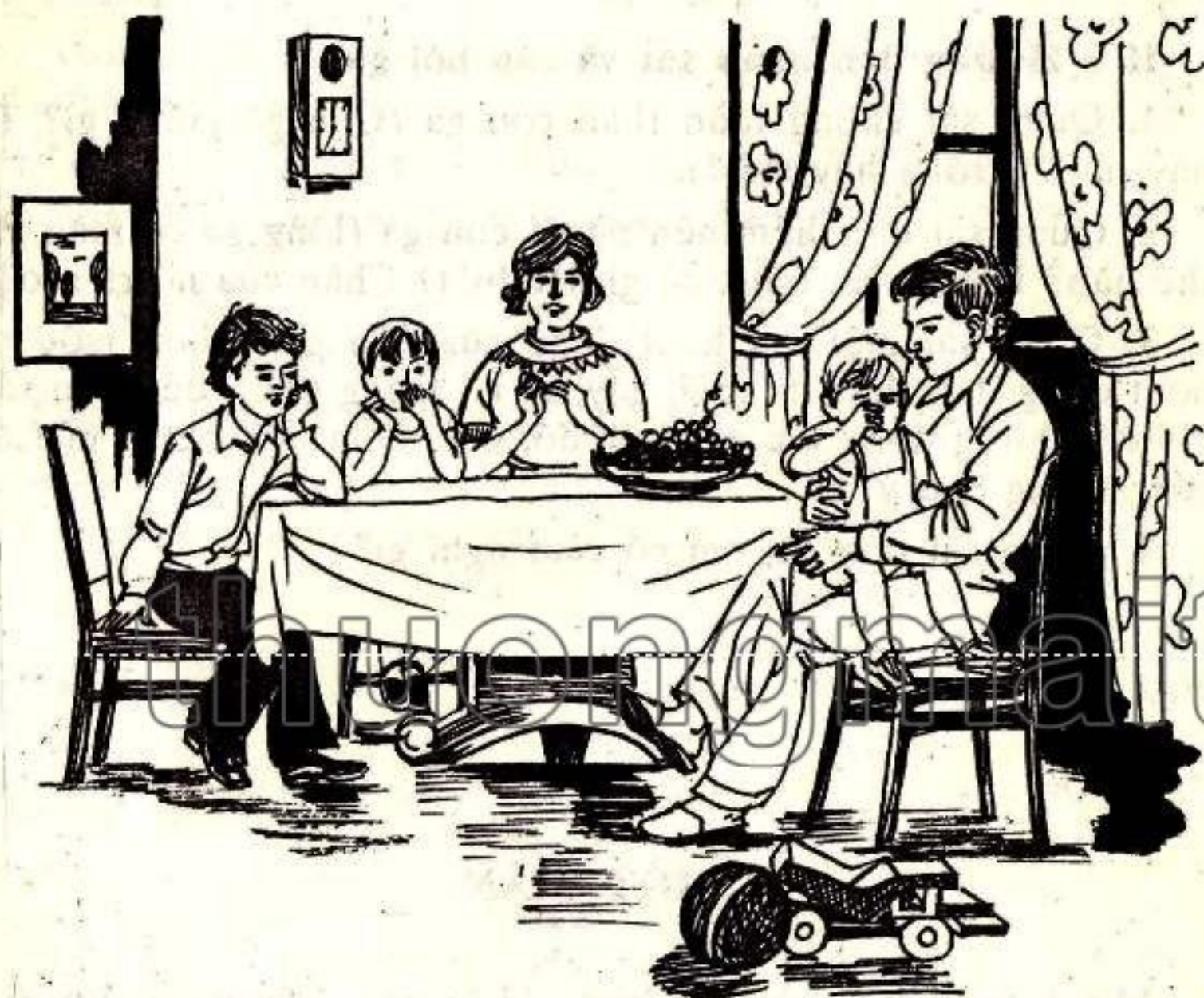
Bấy giờ bố mới nói:

– Ai không biết ăn mận mà nuốt cả hạt thì sẽ đau bụng đấy.

Va-ni-a vội nói:

– Không, con đã vớt hột ra ngoài cửa rồi.
Cả nhà bật cười, còn Va-ni-a thì khóc.

Theo L. TÔN-XTÔI



1. Từ ngữ

Thèm, bấy giờ, bật cười.

2. Đọc đúng

Đĩa mận, Va-ni-a, bữa cơm, nuốt.

3. Câu hỏi

- Va-ni-a ăn quả mận vào lúc nào?
- Khi bố hỏi, Va-ni-a trả lời thế nào? Va-ni-a trả lời như vậy đúng hay sai?
- Tại sao khi cả nhà cười, Va-ni-a lại khóc?

4. Luyện tập

- Tìm từ gần nghĩa với từ: *thèm*.
- Đặt câu với từ *thèm*.

5. Ghi nhớ

Phải thật thà trong cuộc sống.

Bài 61

PÊ-ĐRU NGỐC NGHẾCH

(Bài đọc thêm)

Ngày xưa, ở một làng kia có một cậu bé không chịu làm việc vì vậy khi lớn lên chỉ vừa vụng, vừa ngốc. Chú tên là Pê-đru. Một lần người mẹ sai Pê-đru ra sông giặt. Nó giặt mãi mà không gặp ai để hỏi xem đã sạch chưa. Đến trưa mới có một chiếc thuyền buồm đi ngược sông. Pê-đru vội vẫy tay vẫy gọi rồi rụt. Tưởng có chuyện gì khẩn cấp chiếc thuyền vội hạ buồm rẽ vào. Khi biết Pê-đru chỉ muốn hỏi xem quần áo giặt đã sạch chưa, nhưng người trên thuyền rất bức. Họ mắng cho Pê-đru một trận vì đã làm họ mất công mất việc.

Trước lúc rời bến họ dặn Pê-đru:

– Lần sau cháu phải nói to: "Cầu cho gió thổi mạnh lên" chứ đừng gọi thuyền vào nghe chưa?

Pê-đru vâng dạ rồi tiu nghỉu ôm quần áo ra về. Ngang qua đồng lúa, thấy mọi người đang hái gánh lúa, Pê-đru buột miệng nói to: "Cầu cho gió thổi mạnh lên". Đang lo trời nổi gió, lúa đã gặt sẽ bay tứ tung, thấy Pê-đru nói vậy, mọi người rất bức, họ xúm lại mắng cho Pê-đru một trận toí bời, rồi dặn:

– Lần sau cháu phải nói: "Xin cứ ở nguyên chỗ cũ".

Pê-đru vâng dạ rồi đi tiếp. Được một đoạn, thấy mấy người đang lừa bò vào chuồng. Lừa mãi mà bò không chịu

vào chuồng. Pê-đru vui vẻ chào họ rồi nói to: "Cứ ở nguyên chỗ cũ". Đang bực vì không lừa bò vào được chuồng, lại nghe Pê-đru nói vậy, người lừa bò mắng cho Pê-đru một trận. Rồi họ dẫn.

– Lẽ ra cậu phải nói "Còn chờ gì nữa, hãy mau mau xông vào", chứ sao lại nói "Cứ ở nguyên chỗ cũ", thì bao giờ chúng tôi mới lừa được bò vào chuồng. Lần sau cậu phải chú ý nhé!

Pê-đru vâng dạ rồi đi tiếp. Được một đoạn thấy hai người đang găm ghè định đánh nhau. Pê-đru vội chạy đến nói to: "Còn chờ gì nữa, hãy mau mau xông vào". Đang can ngăn không được, nay lại thấy có kẻ hô hào đánh nhau, mọi người xúm lại mắng cho Pê-đru một trận ra trò, rồi dẫn:

– Lần sau thấy vậy cháu phải chạy đến rẽ hai người ra và nói: "Hãy rút đi, mỗi đứa một ngã! nghe chưa?".

Pê-đru vâng dạ rồi đi tiếp. Được một đoạn, gặp đám cưới. Pê-đru chạy ngay đến rẽ cô dâu chú rể sang hai bên, miệng quát to: "Hãy rút đi, mỗi đứa một ngã".

Kết quả ra sao chắc các bạn đã rõ và chắc các bạn muốn biết sau đó Pê-đru đi đâu. Xin thưa: Pê-đru về nhà và cũng rút kinh nghiệm để lần sau không mắc sai lầm như thế nữa.

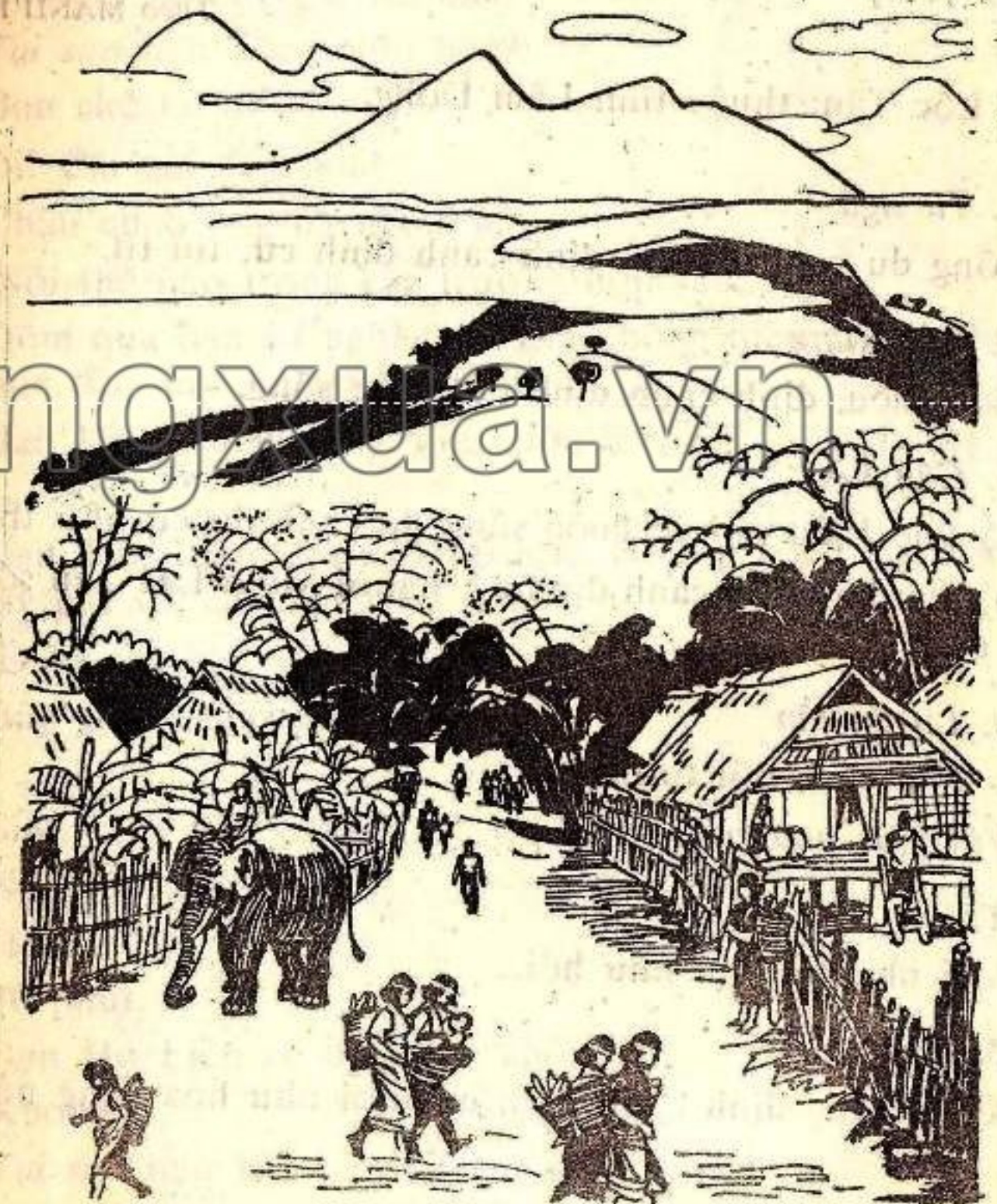
Truyện vui dân gian Bồ Đào Nha
TUẤN DŨNG dịch

TUẦN LỄ THỨ MƯỜI HAI

Bài 62

TẬP ĐỌC

NHIU HOA RỪNG NỎ ĐẸP



Hôm đó, bác Liêu nói với dân làng:

– Người Mạ ta sống du canh du cư, như con chim không có tổ, khổ lắm. Phải xuống vùng thấp định canh định cư thôi...

Rồi ai cũng nghe theo.

Bây giờ người Mạ ở Lộc Tân như con chim có tổ. Cuộc sống định canh định cư, bếp lửa ấm trong gian nhà sàn. Khắp buôn ai nấy đều vui như hoa rừng nở đẹp. Lũ trẻ tíu tít đến trường học chữ Bác Hồ.

Theo MẠNH HIỀN

– Lộc Tân thuộc tỉnh Lâm Đồng.

1. Từ ngữ

Sống du canh du cư, định canh định cư, tíu tít.

2. Đọc đúng

Bác Liêu, định canh định cư, cuộc sống.

3. Câu hỏi

- a) Bác Liêu nói về cuộc sống du canh du cư như thế nào?
b) Sau khi định canh định cư, người Mạ ở Lộc Tân sống như thế nào?

4. Luyện tập

– Tìm cách nói tương tự:

Vui như hoa rừng nở đẹp.

Tíu tít.

Vui như tết, vui như hội...

5. Ghi nhớ

Cuộc sống định canh định cư tươi như hoa rừng nở đẹp.

TẬP NÓI

ÔN TẬP

1. Từ đầu học kì 1 các em đã biết nói thêm một số câu hỏi và câu trả lời kèm theo:

– Bây giờ là mấy giờ?

– Hợp lớp vào lúc mấy giờ?

– Buổi sáng học trong bao lâu?

– Bây giờ là mấy giờ rồi nhỉ?

– Tại sao bạn Thư nghỉ học?

– Bạn chờ lot để làm gì?

– Ôi! Cái gì đẹp quá!

– Cháu cháu ông bà ngoại ơ!

2. Nói thể nào trong các trường hợp sau:

– Hỏi qua bạn Lê nghỉ học. Em không hiểu tại sao bạn Lê

nghỉ học. Em hỏi Lê như sau:

Bạn Lê! Bạn nghỉ học vì sao? Em hỏi Lê như sau: “Hôm nay là ngày nào?”

– Bạn Thủy tặng em một bó hoa. Những bông hoa rất đẹp. Em hãy nói vài câu khen bó hoa.

3. Điền vào chỗ trống và nói cho hết câu:

– Bây giờ là mấy giờ?

– Sinh hoạt tập vào lúc...?

– Ngay bây giờ.

– Hợp...

– 30 phút.

– Bạn Hồ Liên có đến học không?

– Không.

– Tại sao bạn Hồ Liên không đến học?

– ...

– Bạn có biết bây giờ là mấy giờ rồi không?

– ...

– Bạn có biết buổi họp bắt đầu từ... không?

– Có.

– Tại sao bạn lại đến muộn?

– Mình đến họp muộn...

– Ngày mai hai anh em mình đi thăm bà ngoại nhé?

– Vâng, thêm cả...

– Cậu Thi, dì Thu có nhà không?

– ...cũng có nhà đấy.

– Thế thì tốt quá!

4. Bài tập ở nhà

Ghi tên các cậu, dì, các em bên ngoại.

TẬP LÀM VĂN

QUAN SÁT VẬT THẬT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Con mèo (con chó).

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung toàn thân con mèo (Con mèo của nhà ai? To hay nhỏ?).

2. Quan sát đặc điểm bên ngoài của con mèo (Màu lông của mèo có đặc điểm gì từ đầu đến chân? Đầu, mắt, tai mèo có đặc điểm như thế nào? Chân mèo có gì đáng chú ý?).

3. Quan sát hoạt động của mèo (Chọn một vài hoạt động của mèo để quan sát: mèo ngủ, mèo vờn đồ chơi, mèo chạy, mèo leo trèo... Mèo đang ở trong tư thế như thế nào? Nó có những động tác gì?).

4. Ý nghĩ của em khi quan sát con mèo?

Bài 63

ÔNG

(Học thuộc lòng)



Ông đi suốt cả cuộc đời
Về già chân chẳng nghe lời của ông
Vịn tường ông đứng khó khăn
Lê một bước cũng nhọc nhằn ông đau.

Thiếu ông cỏ lẫn bờ rào
Vườn rau ít tưới, bờ ao lở rồi
Cháu thương những lúc vắng người
Ông ngồi ông kể chuyện vui một mình.

Học xong, cháu vội về nhanh
Ông vui có cháu quần quanh với mình
Cháu rót nước, cháu hạ màn
Đốt lửa ông sưởi, nấu canh cháu mời.

VÕ DUY THÔNG

1. Đọc đúng

Suốt, cuộc đời, vịn tường, bước, thiếu, vườn rau, thương, vắng người, kể chuyện, quần quanh, sưởi.

2. Câu hỏi

- a) Ông về già có những gì khó khăn?
- b) Thiếu ông, vườn ao ra sao?
- c) Thương ông, cháu làm gì?

3. Luyện tập

- Nói lại bài thơ bằng một đoạn văn xuôi.
- Tìm những từ láy lặp lại phần đầu của từ: *nhọc nhằn*, *khó khăn*,....

Bài 64

NÓI CHUYỆN VỚI ÔNG

(Bài đọc thêm)

Bé hỏi: "Tại vì sao

Lưng ông lại còng xuống?"

Ông bảo "Ông cũng giống

Như cây lúa đồng nhà

Khi đã chín đã già

Cũng còng lưng trên ruộng".

"Tay ông như nếp cuộn
Thế thì bởi tại đâu?"
Ông bảo: "Nắng gió nhiều
Da săn lên như thế".

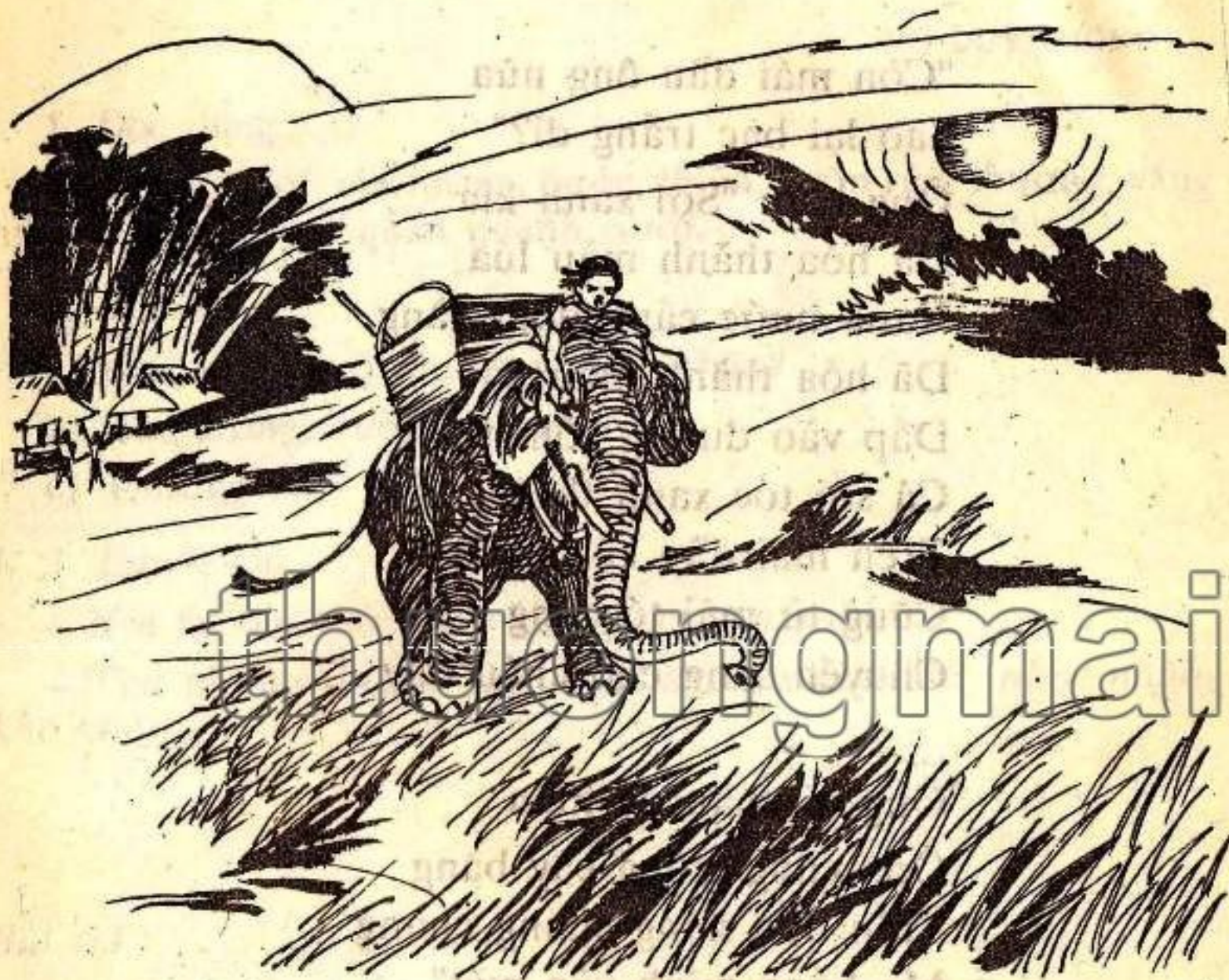
"Còn mái đầu ông nữa
Sao lại bạc trắng đi?"

Ông bảo: "Sợi xanh kia
Đã hóa thành màu lúa
Xanh nước cánh đồng làng,
Đã hóa thành màu đất
Đắp vào đường xóm thôn,
Cả sợi tóc xanh thêm
Trên mái đầu của cháu
Cũng từ mái tóc ông
Chuyển sang cho cháu đây..."

"Ông ơi cháu đã hiểu
Ông cũng giống cây bàng
Trên đầu nắng chang chang
Mà bóng mình vẫn mát"

KIM CHUÔNG

VOI SỢ GÌ?



Bữa ấy, Bun Mi cưỡi voi đi làm về. Bỗng một con sóc nhảy vọt qua đường. Voi liền quay đầu chạy về phía rừng.

– Dụt! Dụt! (Đứng lại! Đứng lại!)

Bun Mi hô to mấy lần, con voi vẫn chạy. Bun Mi lấy hai bàn tay úp kín hai mắt voi. Con voi không còn nhìn thấy gì. Nó chạy chậm dần và đứng lại. Bun Mi mở tay ra. Voi lại thong thả đưa Bun Mi về buôn.

Thì ra voi sợ những gì bất ngờ đến với nó.

Theo VŨ HÙNG

1. Từ ngữ

Bữa ấy, chậm dần, thong thả, bất ngờ.

2. Đọc đúng

Bữa ấy, cưỡi voi, qua đường, buôn.

3. Câu hỏi

a) Tại sao voi lại quay đầu chạy về phía rừng?

b) Bun Mi làm thế nào để voi đứng lại?

c) Qua bài em biết: Voi sợ gì?

4. Luyện tập

– Đặt câu với từ: *thong thả*.

– Tìm từ gần nghĩa với từ: *bữa ấy*.

5. Ghi nhớ

Voi sợ những gì bất ngờ đến với nó.

CHÍNH TẢ

Chính tả (nghe đọc): Như hoa rừng nở đẹp.

1. Bài viết: "Hôm đó... ấm trong nhà sàn".

2. Viết đúng

– Bác Liêu, khổ lắm, định canh định cư.

– Bây giờ, bếp lửa, nhà sàn.

3. Luyện tập

a) Ghép tiếng thành từ rồi đọc:

– Ghép *vùng* với các tiếng: thấp, cao, trời.

– Ghép *du* với các tiếng: kích, dương, trung.

b) Điền vào chỗ trống:

– *Khố* hay *khố*: cực...; cái...; đôi...

– *Định* hay *dịch*: kẻ...; nhất...; quyết...

QUAN SÁT VẬT THẬT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

I – Đề bài: Con chim sâu

II – Hướng dẫn quan sát và câu hỏi gợi ý

1. Quan sát chung con chim sâu (Vì sao em thích quan sát con chim ấy?).

2. Quan sát đặc điểm bên ngoài của con chim (Con chim to hay nhỏ? Màu lông của nó như thế nào? Đầu mỏ đến mình, cánh, bụng và đuôi? Hình dáng nó có gì đặc sắc?).

3. Quan sát một vài hoạt động của con chim (Hoạt động tìm mồi và bắt mồi, chim bay, chim chuyền trên các cành cây...). Hoạt động nào cũng cần chú ý (Động tác của nó thế nào? Ích lợi của nó ra sao?).

TẬP ĐỌC

ÔN TẬP

1. Tập đọc

– Đọc bài: – Câu chuyện bó đũa.

– Cháy nhà.

– Đọc đúng: bẻ gãy, bó đũa, chia lẻ, lẫn nhau; bên cạnh, gió mạnh, thiêu cháy, sạch.

– Đọc thuộc lòng bài: Ông.

2. Câu hỏi

a) Câu chuyện bó đũa cho em bài học gì?

b) Qua bài "Cháy nhà" em có suy nghĩ gì?

c) Hai bài "Câu chuyện bó đũa" và "Cháy nhà" có điểm gì giống nhau?

3. Luyện tập

– Đặt câu có từ bị, theo mẫu:

Nhà ông ta bị thiêu cháy sạch.

...bị điểm kém.

... bị ốm.

– Đặt câu có "không sao... được".

+ Lâm không sao làm được bài tập toán.

+ Kiên không sao hiểu được bài "Tìm hiểu khoa học tự nhiên và xã hội".

Bài 66

CUỘC SỐNG CỦA VOI

(Bài đọc thêm)

Voi sống rất gần bó với bầy đàn. Khi một con trong bầy bị thương, dù thế nào cả bầy cũng đi chăm lại. Hai con đi hai bên, một con đi sau thì đầu vào hông bạn mà đẩy, các con khác bảo vệ chung quanh.

Thỉnh thoảng nếu có con sa hố bầy, lũ voi trong bầy xúm đến, lấy chân giẫm cho đất ở miệng hố tụt xuống. Nếu đất rắn, chúng đi hút nước về xối cho mềm. Những khối thịt nặng nề của chúng làm lở đất rất nhanh. Chẳng mấy chốc chúng đã làm được một đoạn đường thoải thoải và một con đực khỏe mạnh thò vòi xuống cuốn lấy voi con bị sa hố kéo lên bờ.

Lũ voi bao giờ cũng giữ cho đường đi của chúng thênh thang. Vì vậy chúng không bao giờ vút cành lá ăn dở trên đường. Nhiều lúc vừa đi, chúng vừa quơ vòi sang hai bên kiểm thức ăn; miếng nào không ngon thì chúng tung đi thật xa. Lũ voi non chưa quen như vậy, có lúc chúng quăng thức ăn thừa ngay dưới chân, lập tức voi mẹ bắt chúng làm lại,

cuốn những vật thừa ấy đặt vào vôi chúng rồi đẩy chúng sang bên lề đường cho chúng ném ra xa.

Voi sống cuộc đời hoạt động nên luôn khỏe mạnh. Khi đau ốm, chúng biết đi kiếm lá thuốc. Trong rừng sâu có những con suối kì lạ chỉ loài voi biết. Voi ốm hoặc bị thương được các voi bạn khỏe mạnh dìu tới uống nước và tắm mình ở đó. Chúng quanh quẩn nơi đó ít lâu, thế là bệnh khỏi, vết thương kín miệng.

VŨ HÙNG

GIẢI ĐÁP CÂU ĐỐ

Bài 9: 1. Cái bát. 2. Cánh cửa.

Bài 58: 1. Đám mây, cây mây. 2. Quả núi

MỤC LỤC

Tuần	Bài số	Phân môn	Tên bài	Trang
			Chủ đề NIỀM TRƯỜNG	
1	1	Tập đọc	Thư Bác Hồ gửi cho học sinh...	4
		Tập nói	Lời khuyên	6
		Tập làm văn	Đặt câu: Khuyên em	7
	2	Học thuộc lòng	Ngày khai trường	8
	3	(Bài đọc thêm)	Dân ca	9
	4	Tập đọc	Muốn cho văn hay chữ tốt	10
		Chính tả	Muốn cho văn hay chữ tốt	11
		Tập làm văn	Đặt câu: Khuyên chăm học	12
	5	Tập đọc	Bác Hồ tập thể dục	12
	6	(Bài đọc thêm)	Thần Siêu luyện chữ	14
2	7	Tập đọc	A mí Cúc!	16
		Tập nói	Lời mời	17
		Tập làm văn	Đặt câu: Mời cô giáo nói chuyện	19
	8	Học thuộc lòng	Em yêu cô giáo	19
	9	(Bài đọc thêm)	Câu đố	21
	10	Tập đọc	Nhớ thầy giáo cũ	22
		Chính tả	Nhớ thầy giáo cũ	23
		Tập làm văn	Đặt câu: Nhớ thầy giáo cũ	24
		Tập đọc	Ôn tập	24
	11	(Bài đọc thêm)	Cái gì quý nhất	25
3	12	Tập đọc	Sùng Mí Sá	27
		Tập nói	Bạn mới	28
		Tập làm văn	Đặt câu: Làm quen với bạn mới	30
	13	Học thuộc lòng	Đi học	31
	14	(Bài đọc thêm)	Khúc hát ru	32
	15	Tập đọc	Học tiếng Việt	33
		Chính tả	Sùng Mí Sá	35
		Tập làm văn	Đặt câu: Học tiếng Việt	35

Tuần	Bài số	Phân môn	Tên bài	Trang
4	16	Tập đọc	Đứa con của bạn	36
	17	(Bài đọc thêm)	Tục ngữ	37
	18	Tập đọc	Mình học xong đã	38
		Tập nói	Đi học chưa?	39
		Tập làm văn	Đặt câu: Rủ bạn cùng đi học	41
	19	Học thuộc lòng	Quyển vở của em	42
	20	(Bài đọc thêm)	Ồ... ồ... ồ	43
	21	Tập đọc	Tiếng gà rừng	44
		Chính tả	Tiếng gà rừng	45
		Tập làm văn	Đặt câu: Kể về quyển vở	46
		Tập đọc	Ôn tập	46
	22	(Bài đọc thêm)	Loài chim học xây tổ	47
5	23	Tập đọc	Chị em	49
		Tập nói	Ôn tập	50
		Tập làm văn	Quan sát tranh và trả lời câu hỏi	52
	24	Học thuộc lòng	Em mơ	52
	25	(Bài đọc thêm)	Bài ca về trái đất	54
	26	Tập đọc	Chim nộc thua	55
		Chính tả	Chim nộc thua	56
		Tập làm văn	Quan sát tranh "Hai chị em"	57
	27	Tập đọc	Mùa đông trên rẻo cao	58
	28	(Bài đọc thêm)	Ba anh em	59
	29	Tập đọc	Trong nắng sớm mùa xuân	62
		Tập nói	Mấy giờ?	63
6		Tập làm văn	Quan sát tranh "Trong nắng sớm"...	66
	30	Học thuộc lòng	Chăm vườn hoa	67
	31	(Bài đọc thêm)	Nên và không nên	69
	32	Tập đọc	Hàng cây tình nghĩa	69
		Chính tả	Trong nắng sớm mùa xuân	71
		Tập làm văn	Quan sát tranh "Chăm vườn hoa"	71
		Tập đọc	Ôn tập	72

Tuần	Bài số	Phân môn	Tên bài	Trang
	33	(Bài đọc thêm)	Vào xuân Chủ đề GIA ĐÌNH	72
	7	34	Quà tặng má	75
			Giờ học	77
			Quan sát tranh "Vào làng viếng Bác"	78
		35	Học thuộc lòng	79
		36	(Bài đọc thêm)	81
		37	Tập đọc	81
			Chính tả	83
			Tập làm văn	83
		38	Tập đọc	84
		39	(Bài đọc thêm)	85
	8	40	Tập đọc	88
			Tập nói	89
			Tập làm văn	91
		41	Học thuộc lòng	92
		42	(Bài đọc thêm)	93
		43	Tập đọc	94
			Chính tả	95
			Tập làm văn	96
			Tập đọc	96
		44	(Bài đọc thêm)	97
	9	45	Tập đọc	98
			Tập nói	99
			Tập làm văn	101
			Quan sát vật thật và trả lời câu hỏi	101
		46	Học thuộc lòng	102
		47	(Bài đọc thêm)	103
		48	Tập đọc	104
			Chính tả	106
			Tập làm văn	106
			Sân trường của em	106

Tuần	Bài số	Phân môn	Tên bài	Trang
10	49	Tập đọc	Con chim gáy	107
	50	(Bài đọc thêm)	Thần lúa	108
	51	Tập đọc	Thợ cày Buôn Pao	111
		Tập nói	Đế làm gì!	112
		Tập làm văn	Cây rau	114
	52	Học thuộc lòng	Chuyện kì lạ thật	114
	53	(Bài đọc thêm)	Bài ca gieo hạt	115
	54	Tập đọc	Lấy mật ong	116
		Chính tả	Thợ cày Buôn Pao	118
		Tập làm văn	Cây hoa trong sân trường em	118
11		Tập đọc	Ôn tập	119
	55	(Bài đọc thêm)	Trâu Min	119
	56	Tập đọc	Câu chuyện bó đũa	121
		Tập nói	Nhà bà ngoại	122
		Tập làm văn	Cây to cạnh trường em	124
	57	Học thuộc lòng	Bà	124
	58	(Bài đọc thêm)	Câu đố	126
	59	Tập đọc	Cháy nhà	127
		Chính tả	Câu chuyện bó đũa	128
		Tập làm văn	Con gà	129
12	60	Tập đọc	Hội mận	129
	61	(Bài đọc thêm)	Pê đru ngực nghếch	131
	62	Tập đọc	Như hoa rừng nở đẹp	133
		Tập nói	Ôn tập	135
		Tập làm văn	Con mèo	136
	63	Học thuộc lòng	Ông	137
	64	(Bài đọc thêm)	Nói chuyện với ông	138
	65	Tập đọc	Voi sợ gì?	140
		Chính tả	Như hoa rừng nở đẹp	141
		Tập làm văn	Con chim sâu	142
		Tập đọc	Ôn tập	142
	66	(Bài đọc thêm)	Cuộc sống của voi	143

huongmaitruongxua.v

Tiếng Việt 4

TẬP MỘT

(Sách dân tộc)

In **20.000** bản, khổ 14,5 x 20,5 tại
Xí nghiệp in Hà Nội. Số in **04/462**
Số XB04/462 in xong và nộp lưu
chiếu tháng 2 năm 1992

Giá: 2800 đ